

Tiết 28:

BÀI 12: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918) VÀ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 (Tiết 1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Biết cách khai thác lược đồ.
- Liên hệ với tình hình thực tiễn ngày nay để đánh giá quan điểm của Tổng thống Mỹ U. Uyn-xon.
- Từ kiến thức trong bài rút ra những bài học lịch sử cho hiện tại: Bản thân làm gì để góp phần bảo vệ hoà bình thế giới.

3. Về phẩm chất

Nhân ái: Lên án và chống chiến tranh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

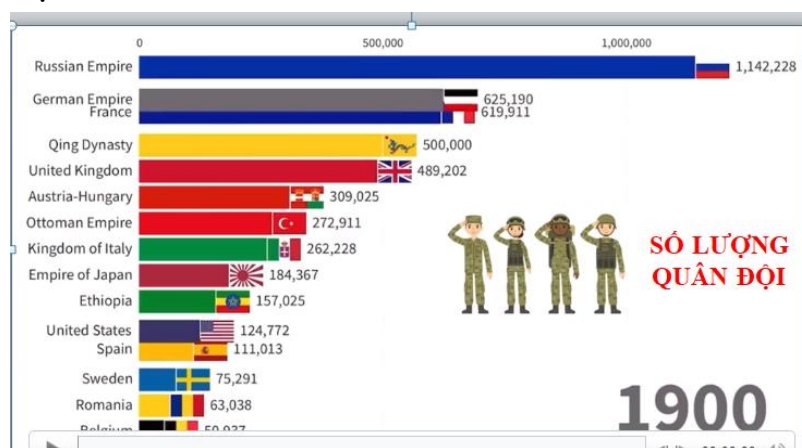
GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức**d) Tổ chức thực hiện:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV cho HS xem 1 đoạn video về lực lượng quân lính tham gia trong chiến tranh thế giới thứ nhất để HS biết mức độ nghiêm trọng của trận chiến này, từ đó có hứng thú đi vào tìm hiểu bài học

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Thông qua số liệu trên, Chiến tranh thế giới thứ nhất đã để lại những hậu quả và tác động như thế nào đối với lịch nhân loại. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918)

a. Mục tiêu:

- Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Nguyên nhân GV cho HS xem 1 số tư liệu hình ảnh và yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi vào bảng nhóm ? Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh nhằm tranh giành thị trường, thuộc địa, các nước đế quốc đã làm gì ? ? Sự kiện nào đã dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất? ? Nêu các giai đoạn của chiến tranh thế giới thứ nhất? ? Lập niên biểu những sự kiện chính giai đoạn 2 của chiến tranh thế giới thứ nhất? <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Sự kiện chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> Trả lời cá nhân ? Vì sao Mỹ tham gia chiến tranh muộn? Nội cội <table border="1"> <tbody> <tr> <td>28/7/2914</td><td>Đức tuyên chiến Nga</td></tr> <tr> <td>1/8/1914</td><td>Anh tuyên chiến với Đức</td></tr> <tr> <td>3/8/1914</td><td>Đức tuyên chiến Pháp</td></tr> <tr> <td>4/8/1914</td><td>Áo - Hung tấn công Xécbi</td></tr> </tbody> </table> Nhiệm vụ 2: Hậu quả và tác động ? Em hãy trình bày hậu quả của cuộc chiến tranh? ? Theo em trong những hậu quả trên thì hậu quả nào là lớn	Thời gian	Sự kiện chính									28/7/2914	Đức tuyên chiến Nga	1/8/1914	Anh tuyên chiến với Đức	3/8/1914	Đức tuyên chiến Pháp	4/8/1914	Áo - Hung tấn công Xécbi	1. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918) a.Nguyên nhân - Nguyên nhân sâu xa: + Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản về vấn đề thị trường và thuộc địa. Dẫn đến mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa ngày càng gay gắt. + Hình thành hai khối quân sự đối lập: khối Liên minh và khối Hiệp ước - Nguyên nhân trực tiếp: + Sự kiện thái tử Áo – Hung bị ám sát (6/1914) đã trở thành ngòi nổ làm bùng nổ của chiến tranh. b. Hậu quả và tác động - Là cuộc chiến tranh để
Thời gian	Sự kiện chính																		
28/7/2914	Đức tuyên chiến Nga																		
1/8/1914	Anh tuyên chiến với Đức																		
3/8/1914	Đức tuyên chiến Pháp																		
4/8/1914	Áo - Hung tấn công Xécbi																		

nhất? Vì sao?

? Em hãy nêu tính chất của cuộc chiến tranh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

- GV hướng dẫn HS khai thác

Nhiệm vụ 1: Nguyên nhân

Khái niệm chiến tranh thế giới có đặc điểm là diễn ra trên một phạm vi rộng lớn thuộc nhiều quốc gia khác nhau và có sự tham chiến trực tiếp của nhiều nước.

Gv cung cấp kiến thức

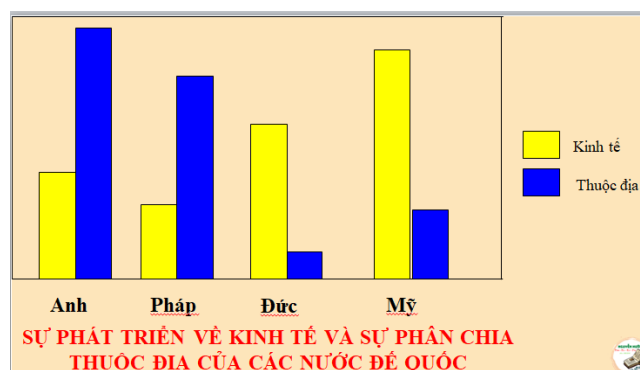
Vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, sự phát triển không đều giữa các nước tư bản về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa đã dẫn tới các cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên: Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898); chiến tranh Anh - Bô-ơ (1899 - 1902); chiến tranh Nga-Nhật (1904 - 1905).

(Đều là các cuộc chiến tranh nhằm tranh giành thuộc địa lẫn nhau giữa các nước đế quốc (Mĩ-Tây Ban Nha, Nga-Nhật). Chiến tranh để giành thuộc địa và thôn tính đất đai (Anh-Bô-ơ)).

- Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh nhằm tranh giành thị trường, thuộc địa, các nước đế quốc đã thành lập hai khối quân sự đối lập.

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

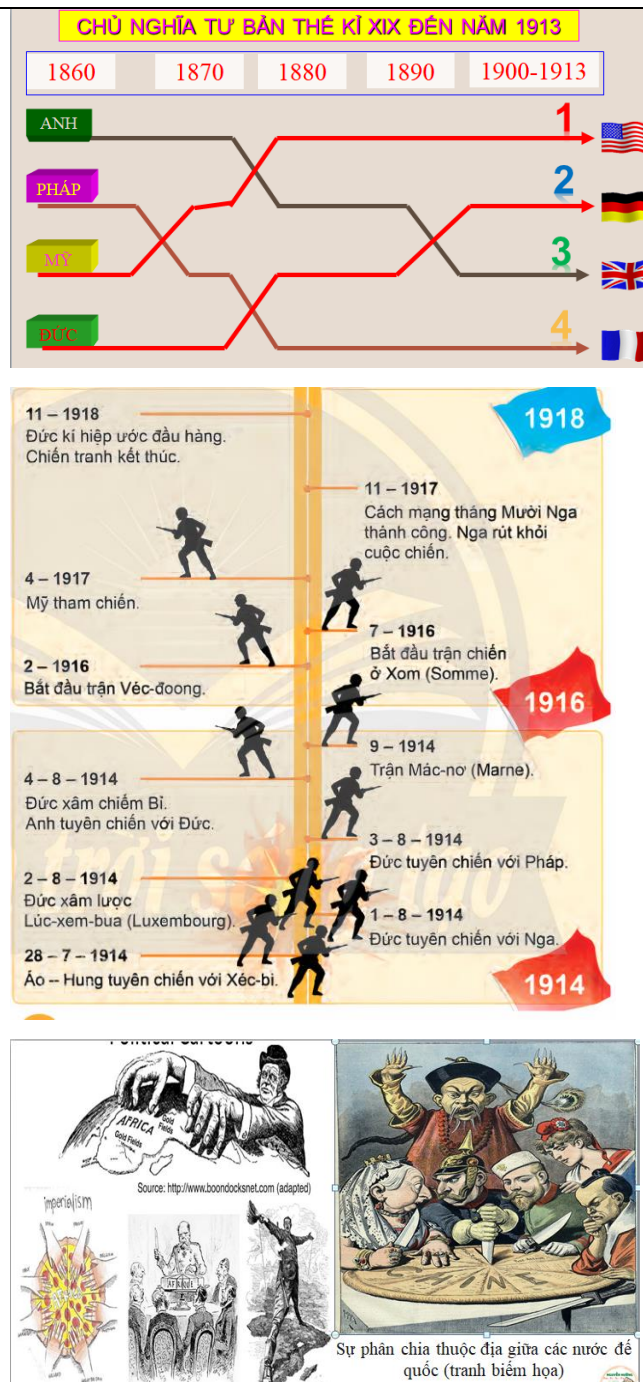
GV cung cấp các tư liệu



quốc phi nghĩa đối với cả hai bên tham chiến. Chiến tranh kết thúc với thắng lợi của khối Hiệp ước song đã gây ra những thảm họa hết sức nặng nề đối với nhân loại.

- Trong quá trình chiến tranh, Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô viết đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.

→ Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc, phi nghĩa



Nhiệm vụ 2: Hậu quả và tác động

– Phân biệt hậu quả và tác động.

+ Hậu quả những thiệt hại do cuộc chiến mang lại (con người, kinh tế, xã hội)

+ Tác động: tạo nên sự biến đổi của nước Nga và châu Âu sau chiến tranh bản đồ châu Âu thay đổi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thành công thay đổi cục diện chính trị thế giới.

- GV hướng dẫn HS Khai thác và sử dụng được tư liệu: Bức

tranh được vẽ vào năm 1919 cho Bảo tàng Chiến tranh để quốc ở Luân Đôn (Imperial War Museum in London) của họa sĩ lừng danh Giôn Xinh-ơ – Xa gân (John Singer Sargent), kích thước 233 x 611 cm. Tên của bức tranh được họa sĩ đặt là Gassed - Khí độc. Hình ảnh gây tranh cãi trong bức tranh là cảnh trận bóng đá đang sau cảnh nhưng người lính bị mù do vũ khí hóa học của Đức dùng trong trận I-pret (Ypres) lần thứ tư. Bất chấp sự tranh cãi của nhiều học giả, đối với Xa-gân, việc chơi bóng là cho thấy tầm quan trọng của cuộc sống thường ngày ở gần mặt trận vẫn được tiếp tục một cách bình tĩnh trước sự hỗn loạn của chiến tranh, (lưu ý có một bức hình chụp binh đoàn 55 của Anh bị thương bởi vũ khí hóa học trong trận chiến ở Et-terri (Estaires), còn được gọi là trận I-pret lần thứ tư diễn ra từ ngày 7 đến ngày 29 – 4 – 1918 và là một phần của cuộc tấn công mùa xuân của Đức ở Phờ lan-đơ trong Chiến tranh thế giới thứ nhất).

- Khai thác và sử dụng được tư liệu: Thống kê số tổng số binh lính huy động thiệt mạng bị thương trong Chiến tranh thế giới thứ nhất – thể hiện một hậu quả nặng nề nhất ra chiến tranh mang lại. Cột thứ nhất số binh lính huy động cho chiến tranh (Lưu ý. Anh và Pháp hai nước có nhiều thuộc địa nhất. Cột thứ hai số binh lính bị chết. (Lưu ý: bốn nước có số lính chết nhiều nhất: tổng số binh lính chết tương đương với đoạn chính văn (khoảng 10 triệu binh lính chết), Cột thứ ba số binh lính bị thương tương đương với số liệu đưa ra trong đoạn chính văn (khoảng 20 triệu binh lính). Bảng thống kê chỉ dành cho thiệt hại về binh lính trong Chiến tranh, không bao gồm dân thường.

GV cung cấp các tư liệu

12.4 Bảng thống kê số binh lính huy động, chết và bị thương trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

(Đơn vị: triệu quân)

Các quốc gia	Số quân lính được huy động	Hì sinh và mất tích	Bị thương và tàn tật
Đức	13,2	2	5
Áo – Hung	9	1,5	3,5
Ốt-tô-man	3	0,6	0,5
Pháp	8,5(*)	1,4	3,6
Anh	9,5(**)	0,98	2
I-ta-li-a	5,6	0,75	1
Nga	13	1,7	4,9
Mỹ	3,8	0,1	0,3
Tổng cộng	65,6	9,03	20,8

(*) Trong đó có 0,6 triệu quân đến từ các thuộc địa.

(**) Trong đó có 2,6 triệu quân đến từ các thuộc địa.

(Tư liệu trích từ sách: Chiến tranh thế giới thứ nhất, NXB Bơ-riu (Brill), Lai-đan (Leiden), 2012)

12.4 Bảng thống kê số binh lính huy động, chết và bị thương trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

(Đơn vị: triệu quân)

Các quốc gia	Số quân lính được huy động	Hì sinh và mất tích	Bị thương và tàn tật
Đức	13,2	2	5
Áo – Hung	9	1,5	3,5
Ốt-tô-man	3	0,6	0,5
Pháp	8,5(*)	1,4	3,6
Anh	9,5(**)	0,98	2
I-ta-li-a	5,6	0,75	1
Nga	13	1,7	4,9
Mỹ	3,8	0,1	0,3
Tổng cộng	65,6	9,03	20,8

(*) Trong đó có 0,6 triệu quân đến từ các thuộc địa.

(**) Trong đó có 2,6 triệu quân đến từ các thuộc địa.

(Tư liệu trích từ sách: Chiến tranh thế giới thứ nhất, NXB Bơ-riu (Brill), Lai-đan (Leiden), 2012)

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

- Nguyên nhân sâu xa hai khối quân lỵ đối đầu nhau ở châu Âu, cả hai khối đều ra sức kích động chủ nghĩa dân tộc các đoạn chạy đua vũ trang đe dọa lẫn nhau, tìm cơ gây chiến.
- Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất Vụ Thái tử Áo bị ám sát ở Xarang nhóm dân tộc chủ nghĩa của Xéc-bi tiến hành (Xa canh và nay là thủ đô của liên bang Bô-xni-a và Heive gồ vina năm 1914 là một phần bị sáp nhập của đế quốc Áo-Hung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực

hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS gia trò chơi ô chữ ôn tập lại kiến thức.

1- Thái tử Áo – Hung bị một phần tử khủng bố ở nước nào ám sát?

2- Nước Anh, Pháp, Nga thuộc khối nào?

3- Chiến tranh năm 1914- 1918 gọi là cuộc chiến tranh gì?

4-Tính chất của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất ở giai đoạn 1 là gì?

5- Thời điểm mở đầu của cuộc chiến tranh?

6- 2 nước nào đóng vai trò chủ chốt ở khối Liên minh?

7- Đây là điều loài người hằng mong muốn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

1- Xéc bi

2- Hiệp ước

3- Thế giới

4- Phi nghĩa

5- Năm 1914

6- Đức Áo Hung

7- Hòa bình

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Năm học 2023 – 2024

Bài tập:

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dạy cho em những bài học gì để góp phần giữ gìn hòa bình thế giới

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 29:**BÀI 12: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918) VÀ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 (Tiết 2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của 1 số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

- Vận dụng kiến thức đã học về Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 để viết một đoạn văn hoặc thiết kế một bản infographic giới thiệu về cuộc cách mạng (thể hiện qua yêu cầu trong phần vận dụng).

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ: Đọc và sưu tầm các thông tin và hình ảnh, liệu về hoạt động Lê-nin gắn liền quan đến Cách mạng tháng Mười để mở rộng và nâng cao nhận thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS,

b) Nội dung:

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV ho HS xem hình ảnh và đặt câu hỏi: **Đây là quốc gia nào?**



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

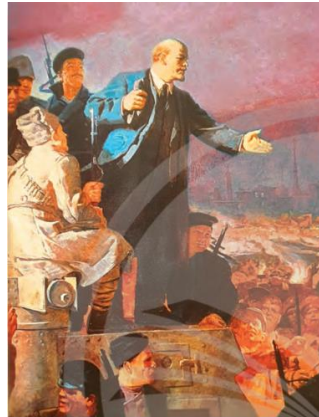
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Chiến tranh thế giới thứ nhất xảy ra, nước Nga rơi vào thảm cảnh, Lê-nin (Lenin), nguy
lãnh đạo của lực lượng chính trị có ảnh hưởng nhất nước Nga lúc bấy giờ là Đảng
Bon-se-vich (Bolshevik) muốn giành lấy chính quyền, đưa nước Nga ra khỏi cuộc chiến
và cải thiện đời sống cho nhân dân. Bức hình bên đã ghi lại khoảnh khắc lịch sử khi
ông kêu gọi nhân dân Nga: Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới muốn năm.

Tại sao cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa xảy ra ở Nga" Cuộc cách mạng đã diễn ra như thế nào, mang đến các giá trị gì cho nước Nga và nhân loại". Đó là những nội dung chính của bài học này.



Lê-nin đứng trên nóc chiếc xe bọc thép, tại nhà ga Phần Lan ở Xanh Petec bua (St Petersburg) (Nga) phát biểu trước đông đảo nhân dân ra đón ông vào ngày 3–4–1987

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

a. Mục tiêu:

- Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Nguyên nhân và diễn biến chính GV đặt câu hỏi, HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi ? Sau cách mạng tháng Hai tình hình nước Nga như thế nào? Nhiệm vụ 2: Diễn biến chính ? Em hãy nêu diễn biến chính của Cách mạng tháng Mười Nga 1917? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời	2. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 a. Nguyên nhân và diễn biến chính - Nguyên nhân + Sau Cách mạng tháng Hai, có hai chính quyền xuất hiện song song + Trước tình hình đó, Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS bước đầu khai thác được các tư liệu giúp HS nhận thức về nguyên nhân và diễn biến của mạng tháng Mười Nga.

+ Tư liệu lịch sử liên quan đến nhân vật Nga hoàng: Người đẩy nước Nga cuộc chiến tranh thế giới.

+ Tư liệu 13.1: Những chi tiết nào phản ánh bản chất của sự kiện được ghi lại. Sự kiện đó dẫn đến vấn đề gì của nước Nga trước Cách mạng tháng Mười?

+ Tư liệu 13.2: những chi tiết nào phản ánh diễn biến của cách mạng (nhân vật, lá cờ, thời gian, quang cảnh...)

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Nêu được những nguyên nhân chính dẫn đến CMTM Nga

- Chính phủ lâm thời từ sản nắm quyền lực nhà nước sau khi lật đổ chế độ quân chủ Nga hoàng và Xô viết đại biểu công nhân và binh lính đại diện cho quyền lợi của nhân dân (các lực lượng đông đảo tham gia cuộc Cách mạng tháng hai). Chính phủ tư sản tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh thế giới, vấn đề hòa bình, ruộng đất bánh mì tự do của nhân dân Nga vẫn không được đáp ứng.

- Lênin và Đảng Bôn-sê-vích muốn giành lấy chính quyền của nước Nga ra khỏi cuộc chiến và cải thiện đời sống cho nhân dân.

- Ngày 4-7-1917, Chính phủ tư sản xả súng vào quân chúng biểu tình và trấn áp nhưng người theo Đảng Bôn-sê-vích. hành động này chấm dứt giai đoạn hai chính quyền song song tồn tại.

GV có thể cung cấp thêm:

kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, lật đổ chính phủ tư sản lâm thời.

- Diễn biến chính (SGK)

- Chính phủ lâm thời đóng ở Cung điện Mùa Đông do Kê-
ren-xki (Kerensky) đứng đầu (từ ngày 8 – 7), ngoài ra còn
có Bộ Tham mưu Hải quân và Bộ Tham mưu Quân khu Pê-
to-rô-grat đóng ở xung quanh cung điện. Bộ Tham mưu của
cách mạng đặt trụ sở ở điện Xmô-nui có Ủy ban Quân sự
cách mạng, Xô viết đại biểu công nhân và binh lính Pê-tơ-
rô-grát. Lực lượng cách mạng có 3 bộ phận: các đội cận vệ
đỏ (công nhân vũ trang), các đơn vị quân đội ngả về phía
cách mạng, chiến hạm thuộc hạm đội Ban-tích (Baltic) đợi
lệnh tiến vào cửa sông Nê-va (Neva).

– Nêu được những nét chính liên quan đến diễn biến của
Cách mạng tháng Mười Nga: Các sự kiện xảy ra từ 24 – 10
(6 – 11) đến khi khởi nghĩa thắng lợi ở Mát-xcơ-va.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực
hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến
thức đã hình thành cho học sinh.

3. Ý nghĩa lịch sử và tác động

a. Mục tiêu:

- Nêu được tác động và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu
cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

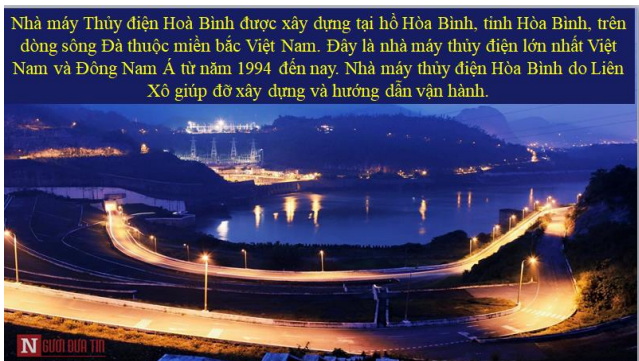
Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: ? Cách mạng tháng Mười Nga có ý nghĩa như thế nào đối với nước Nga và thế giới? ? Em biết gì về quan hệ Việt Nam – Liên Xô B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời	3. Ý nghĩa lịch sử và tác động - Trong nước: Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, thành lập bộ máy

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 13.3 để nhận biết và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, Chủ đề của đoạn văn là gì? Những từ khóa thể hiện chủ đề đó.

- Nêu tác động và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga.

GV cung cấp tư liệu video và tư liệu ảnh cho HS.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

nhà nước mới của giai cấp công nhân và nông dân Nga.

- **Quốc tế:** Cách mạng tháng Mười Nga đã có vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế.

+ Có tác động sâu sắc đến tiến trình lịch sử và cục diện thế giới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép”

Mảnh ghép 1: Sau Cách mạng tháng Hai, tình hình nước Nga có điểm gì nổi bật?

Mảnh ghép 2. Đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga, cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là một cuộc cách mạng

Mảnh ghép 3. Đảng nào đã lãnh đạo giai cấp vô sản Nga trong hai cuộc cách mạng tháng Hai và tháng Mười ở Nga năm 1917?

Mảnh ghép 4. Nước Nga thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến trong hoàn cảnh nào?

Mảnh ghép 5. Chính phủ tư sản lâm thời sau khi thành lập đã có thái độ như thế nào về cuộc chiến tranh đế quốc của nước Nga?

Mảnh ghép 6: Ngày 25-10-1917, ở Nga đã diễn ra sự kiện lịch sử gì trọng đại?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

Mảnh ghép 1: Hai chính quyền song song tồn tại

Mảnh ghép 2. Xã hội chủ nghĩa

Mảnh ghép 3. Đảng Bôn-sê-vích

Mảnh ghép 4 Chống thù trong giặc ngoài.

Mảnh ghép 5. Tiếp tục theo đuổi chiến tranh đế quốc

Mảnh ghép 6: Khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grat giành thắng lợi

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Nhân ngày lễ kỉ niệm Cách mạng tháng Mười Nga ở trường, em hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ mô tả lại cuộc cách mạng với những gợi ý sau: Mục đích của cuộc cách mạng. Cách mạng diễn ra ở đâu? Ai tham gia? Ai có liên quan? Ai lãnh đạo? Họ đã hành động như thế nào? Kết quả?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 30:**BÀI 13: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX (Tiết 1)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kỹ thuật văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.

- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- *Năng lực riêng:

Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử, các thông tin trong phần Em có biết dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức thành tựu và Tác động của khoa học kỹ thuật văn học nghệ thuật đến xã hội trong các thế kỉ XVIII – XIX.

- Vận dụng kiến thức về thành tựu và tác động của khoa học kỹ thuật văn học nghệ thuật đến xã hội trong các thế kỉ XVIII - XIX đã lên hệ với thực tiễn đời sống trong xã hội hiện nay Các thành tựu nào của khoa học, kỹ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX vẫn còn ảnh hưởng đến đến đời sống hiện tại.

3. Về phẩm chất

Nhân ái – trách nhiệm: Trân trọng những cống hiến đóng góp vì sự tiến bộ của nhân loại bảo vệ những công trình văn hóa, nghệ thuật vẫn còn đến ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV mời HS tham gia trò chơi: Đoán tên nhân vật, vũ khí theo các gợi ý

1. Ông là ai?

Là một nhà toán học, nhà vật lý, nhà thiên văn học, nhà thần học, và tác giả (ở thời của ông được gọi là "nhà triết học tự nhiên") người Anh

Cống hiến lớn khiến tên tuổi ông trở thành bất tử là Ba định luật về chuyển động đặt cơ sở lý luận cho lực học kinh điển, quan trọng nhất là "Nguyên lý vạn vật hấp dẫn".

2. Ông là ai?

sinh ở thành phố Bonn, Đức, ông được sinh ra trong một gia đình nghèo nhưng có truyền thống âm nhạc.

Là một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất thế giới.

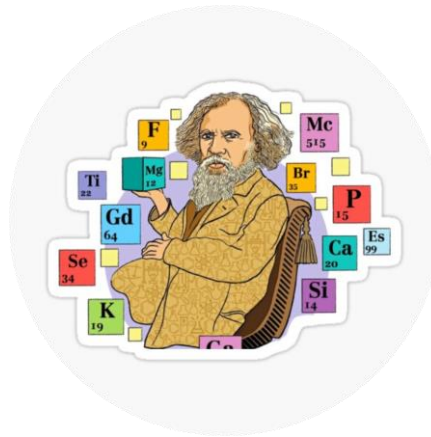
Tên của ông được gắn liền với ‘Bản giao hưởng số 9 trong D nhỏ, Op. 125. Hiện nay, tác phẩm được coi là tác phẩm nổi tiếng nhất trong toàn bộ kinh điển âm nhạc phương Tây.

3. Ông là ai?

Là một nhà hoá học và nhà phát minh người Nga.

Sinh ngày 8 tháng 2 năm 1834 tại Tobolsk, một thị trấn ở Siberia, Nga.

Là cha đẻ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học



4. ĐÂY LÀ PHƯƠNG TIỆN NÀO? DO AI CHẾ TẠO RA?

Năm 1807, một kỹ sư người Mỹ sáng tạo ra nó. Tên của nó được đặt theo tên kỹ sư này. Là chiếc tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước đầu tiên.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

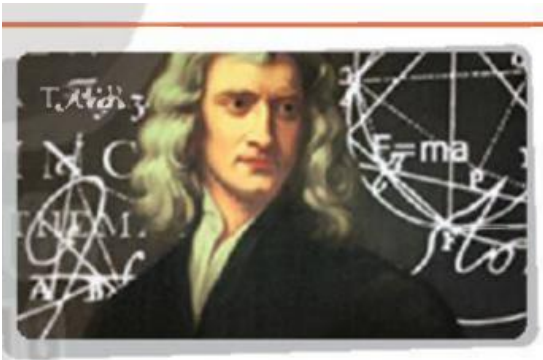
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Trong các thế kỷ XVIII- XIX, xã hội loài người đã có những thành tựu lớn về khoa học, kỹ thuật và văn học, nghệ thuật. Hình ảnh bên là I. Niu--ton - người có phát minh khoa học vĩ đại trong thời kì lịch sử này. Theo em, đó là phát minh nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về những thành tựu khoa học, kỹ thuật mang dấu ấn thời đại, cũng như tác

động của các thành tựu đó đối với đời sống con người.



Hình 13.1. I. Niu-tơn (1643 – 1727)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Thành tựu về khoa học và kĩ thuật

a. Mục tiêu:

- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chia HS làm 3 nhóm, yêu cầu HS thảo luận và viết câu trả lời vào bảng nhóm + Nhóm 1: Thống kê những thành tựu khoa học tự nhiên và phân tích tác động của những thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người. + Nhóm 2: Thống kê những thành tựu về khoa học xã hội và phân tích tác động của những thành tựu tại đó đối với đời sống xã hội loài người + Nhóm 3 Thống kê những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật và phân tích tác động của những thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người.	1. Những thành tựu tiêu biểu về khoa học và kĩ thuật		
	Lĩnh vực	Thành tựu	Tác động
	Kĩ thuật	- Cải tiến kĩ thuật luyện kim, chế tạo máy công cụ tìm ra nhiều nguyên liệu, nhiên liệu mới, - Chế tạo tàu thủy chạy bằng động cơ	- Tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp, làm tăng năng suất lao động. - Nhiều trung tâm công nghiệp xuất hiện, giao thông vận tải phát

B2: Thực hiện nhiệm vụ

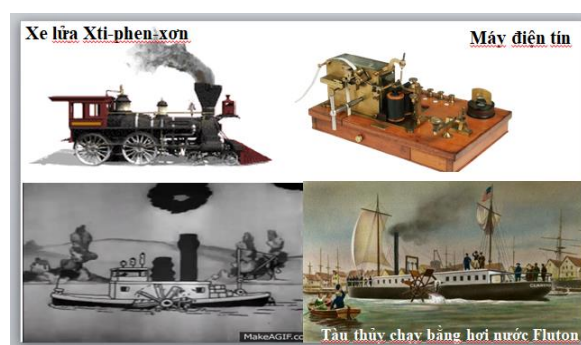
GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

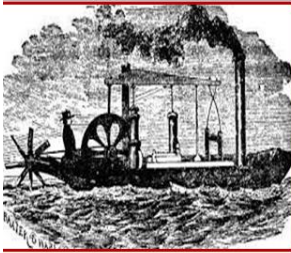
GV hướng dẫn từng nhóm thực hiện theo bảng

Lĩnh vực	Thành tựu	Tác động
Kĩ thuật		
Khoa học tự nhiên		
Khoa học xã hội		

GV cung cấp thêm cho HS các hình ảnh, tư liệu



	hơi nước. - Luyện kim, kĩ thuật canh tác, phân hoá học,..	triển nhanh chóng.
Khoa học tự nhiên	- Thuyết vạn vật hấp dẫn của I. Niu--ton. - Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của M. Lô-mô-nô-xốp. - Thuyết tiến hoá của S. Đác-uyn.	Tạo ra sự thay đổi lớn trong nhận thức của con người về vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật, đặt cơ sở cho cuộc cách mạng vĩ đại trong kĩ thuật và công nghiệp
Khoa học xã hội	- Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng của L.Phoi-ơ-bách. G. Hê ghen. - Các lúc phẩm kinh tế chính trị học tư sản của A. Xmit, D. Ri-các-đô. - Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lên án mặt trái của chủ nghĩa tư bản, phản ánh khát vọng xây dựng một xã hội mới không có chế độ tư hữu, không có bóc lột, từng bước hình thành cương lĩnh của giai cấp công nhân trong cuộc



Tàu thủy chạy bằng hơi nước ở thế kỉ XIX



Robert Fulton: (1765 – 1815) Robert Fulton sinh ra tại một trang trại tại Little Brain, tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ. Năm 1803 Fulton đóng xong con tàu động cơ hơi nước 8 mã lực. Ngày 9/1/1803 con tàu hạ thủy. Ngày 17/8/1807, con tàu Klemol hạ thủy. Fulton qua đời năm 1815 do nhiễm trùng ngực nặng do cảm lạnh.



Khoa học tự nhiên

Thời gian	Người phát minh	Tên phát minh
Đầu TKXVIII	Niu-ton (Anh)	Thuyết vạn vật hấp dẫn
Giữa TKXVIII	Lô-mô-nô-xốp (Nga)	Định luật bảo toàn vật chất và

	của C. Mác và Ph. Ăng - ghen	đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.
--	------------------------------	-----------------------------------

		năng lượng
1837	Puốc-kin-giơ (Séc)	Thuyết tế bào
1859	Đác-uyn (Anh)	Thuyết tiến hóa và di truyền

Khoa học xã hội

Ngành khoa học xã hội	Đại biểu
Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng	Phoi -ơ-bách và Hê-ghen
Kinh tế chính trị học tư sản	Xmít và Ri-các-đô
Chủ nghĩa xã hội không tưởng	Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen
Chủ nghĩa xã hội khoa học	C.Mác và Ph. Ăng-ghen

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

Câu 1: Tàu thủy chạy bằng hơi nước ở Anh được phát minh ở nước nào?

- A. Anh
- B. Mĩ
- C. Đức
- D. Pháp

Câu 2: Thuyết vận vật hấp dẫn là của ai?

- A. Niu-ơn
- B. Lô-mô-nô-xốp
- C. Puóc-kin-giơ
- D. Đác-uyn

Câu 3: Vai trò quan trọng nhất của việc máy móc ra đời là gì?

- A. Tạo điều kiện cho công nghiệp, nông nghiệp phát triển.
- B. Tạo điều kiện cho lĩnh vực quân sự phát triển.
- C. Tạo điều kiện cho giao thông vận tải, thông tin liên lạc phát triển.
- D. Là cơ sở kỹ thuật, vật chất cho sự chuyển biến từ công trường thủ công lên công nghiệp cơ khí.

Câu 4: Ý nghĩa quan trọng nhất của những phát minh về khoa học tự nhiên thế kỉ XVIII-XIX là gì?

- A. Giúp con người hiểu biết thêm về thế giới vật chất xung quanh.
- B. Khẳng định vận vật chuyển biến, vận động theo quy luật.
- C. Đặt cơ sở cho những nghiên cứu ứng dụng sau này thúc đẩy sản xuất và kỹ thuật phát triển.
- D. Tấn công mạnh mẽ vào những giáo lý của thần học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Em suy nghĩ gì về lời nói của nhà khoa học A-nô-ben:

“ Tôi hi vọng rằng nhân loại sẽ rút ra được từ những phát minh khoa học những điều tốt hơn là điều xấu”?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 31:**BÀI 13: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX (Tiết 2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kỹ thuật văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.
- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- *Năng lực riêng:

Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử, các thông tin trong phần Em có biết dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức thành tựu và Tác động của khoa học kỹ thuật văn học nghệ thuật đến xã hội trong các thế kỉ XVIII – XIX.

- Vận dụng kiến thức về thành tựu và tác động của khoa học kỹ thuật văn học nghệ thuật đến xã hội trong các thế kỉ XVIII - XIX để liên hệ với thực tiễn đời sống trong xã hội hiện nay. Các thành tựu nào của khoa học, kỹ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX vẫn còn ảnh hưởng đến đến đời sống hiện tại.

3. Về phẩm chất

Nhân ái – trách nhiệm: Trân trọng những cống hiến đóng góp vì sự tiến bộ của nhân loại bảo vệ những công trình văn hóa, nghệ thuật vẫn còn đến ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe Bản nhạc thư gửi elise của thiên tài âm nhạc Beethoven và yêu cầu HS nêu cảm nghĩ của mình khi nghe bản nhạc này

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Sự phát triển của văn học và nghệ thuật

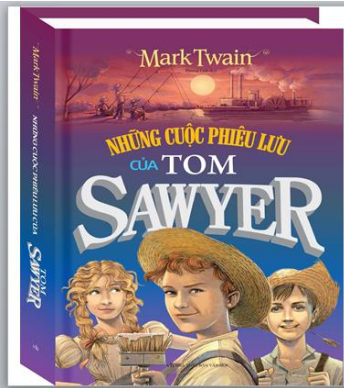
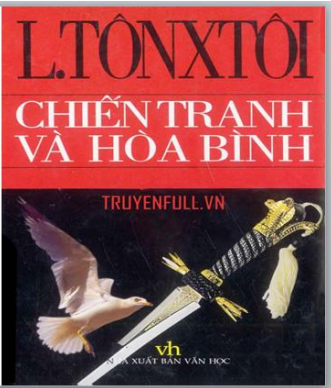
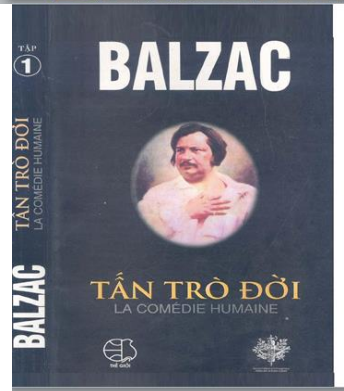
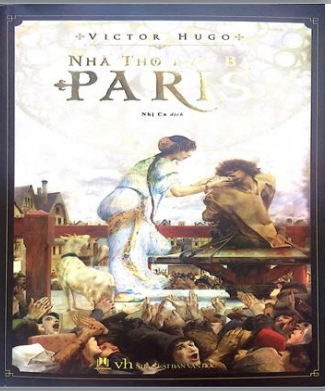
a. Mục tiêu:

- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.
- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến						
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành nội dung bảng sau <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Văn học</td><td></td></tr> <tr> <td>Nghệ thuật</td><td></td></tr> </tbody> </table> Nhiệm vụ 2: Cá nhân ? Em hãy phân tích tác động của những thành tựu văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX đối với xã hội loài người? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV cung cấp hình ảnh tư liệu    	Lĩnh vực	Thành tựu	Văn học		Nghệ thuật		3. Sự phát triển của văn học và nghệ thuật - Văn học: Văn học trong các thế kỉ XVIII XIX phát triển rực rỡ với sự xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn. - Nghệ thuật: Nghệ thuật phát triển với nhiều thể loại, phản ánh cuộc sống chứa chan tình nhân ái, ca ngợi cuộc đấu tranh cho tự do, hạnh phúc
Lĩnh vực	Thành tựu						
Văn học							
Nghệ thuật							

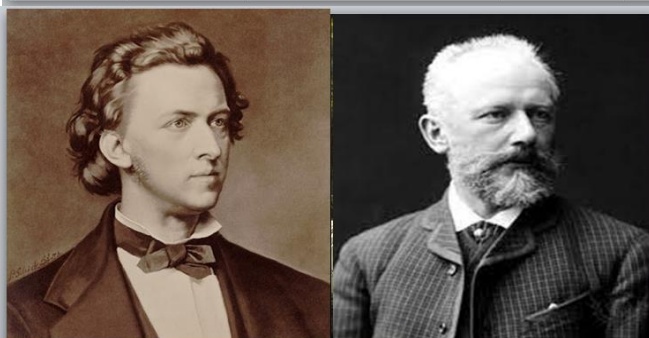


Tác phẩm Những người khốn khổ của Vich to Huygô và những giá trị của tác phẩm đó. Những người khốn khổ được xuất bản năm 1862, là tiểu thuyết miêu tả thế giới của những con người nghèo khổ một cách chân thực và cũng là bài ca về tình yêu. Tác phẩm được đánh giá là một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của nền văn học thế giới thế kỉ XIX.



Đa-vít (1748 - 1825)

Đơ-la-croa (1798 - 1863)



Sô-panh (1800-1849)

Trai-côp-xki (1840 -1893)

L. Bét-tô-ven (1770 – 1827): Là nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức. Ông sinh ra ở thành phố Bon, trong một gia đình có truyền thống lâu đời về âm nhạc. Năm 8 tuổi, ông đã tham gia trình diễn trong dàn nhạc cung đình. Năm 12 tuổi, Bét tỏ

ven bắt đầu sáng tác âm nhạc. Năm 16 tuổi, ông đã nổi tiếng với những tác phẩm âm nhạc tiêu biểu ca ngợi cuộc sống tự do. Từ năm 1800, tuy bị điếc song ông vẫn sáng tác đều đặn và có những tác phẩm kiệt xuất.



Cung điện Véc-xai (Pháp) Cung điện được xây dựng dưới thời vua Lu-I XVI, gồm hơn 700 kiến trúc khác nhau và trên 2.000 căn phòng. Mặc dù chế độ phong kiến Pháp đã sụp đổ nhưng cung điện Véc-xai vẫn được xem là biểu tượng của nước Pháp. Từ thế kỉ XIX, cung điện bởi đầu mở cửa cho công chúng tham quan và được chuyển đổi thành bảo tàng. Năm 1979, kiến trúc, lịch sử và cảnh quan tuyệt đẹp đã giúp Cung điện Véc-xai được công nhận là Di sản thế giới.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS làm bài tập
Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu tiêu biểu về văn học và nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)**Bài tập:**

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 10 câu) giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu hoặc một danh nhân văn hoá có nhiều đóng góp trong các thế kỉ XVIII – XIX.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHƯƠNG 6: CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Tiết 32:

BÀI 14: TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX (Tiết 1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.
- Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi; nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.
- Nêu được những nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị
- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV, có nhận thức về khu vực ảnh hưởng của các cường quốc trên lãnh thổ Trung Quốc vào cuối thế kỉ XIX.
- Vận dụng kiến thức về tư tưởng Tam dân để liên hệ với thực tiễn đời sống trong xã hội hiện nay.

3. Về phẩm chất

Nhân á: Đồng cảm với đời sống của nhân dân các nước thuộc địa dưới nền đô hộ của chủ nghĩa đế quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV ho HS xem hình ảnh và đặt câu hỏi: **Em biết gì về quốc gia này?**



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

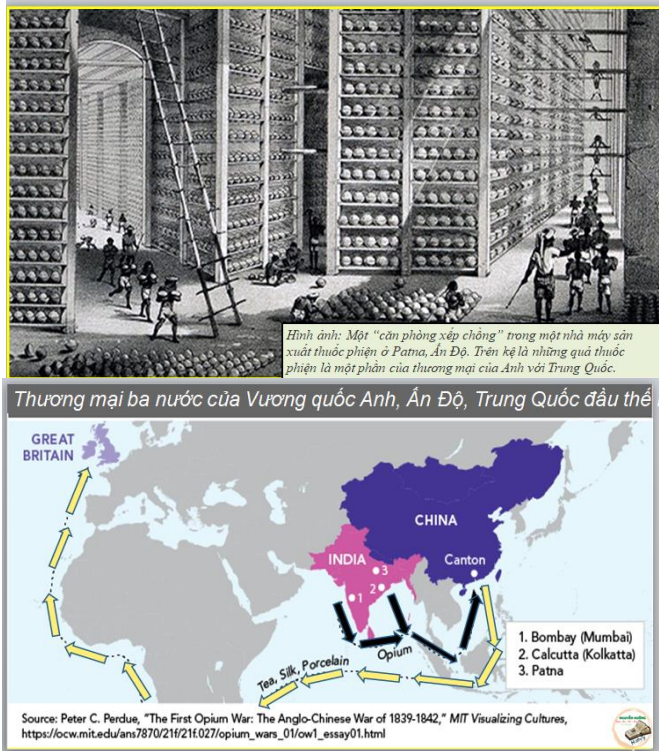
Nếu lịch sử Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX gắn với Thiên hoàng Minh Trị và cuộc Duy tân (1968) thì lịch sử Trung Quốc thời kì này không thể không nhắc đến nhân vật Tôn Trung Sơn với cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911). Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về hai nhân vật lịch sử và hai sự kiện tiêu trên thông qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**1. Trung Quốc từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX**

- a. Mục tiêu:** - Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
a. Quá trình xâm lược của các nước đế quốc B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV đặt câu hỏi, HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi ? Tại sao Trung Quốc bị xâm lược? ? Sự kiện nào mở đầu cho sự xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc? ? Sau Anh là những nước nào xâm lược Trung Quốc? ? Vì sao các nước đế quốc không độc chiếm xâm lược TQ mà phải chia ra? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.	1. Trung Quốc từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX a. Quá trình xâm lược của các nước đế quốc - Vào thế kỷ XIX chế độ phong kiến Trung Quốc đang trong quá trình suy yếu. Trung Quốc trở thành mục tiêu xâm lược của các nước đế quốc phương Tây.

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin - Trình bày quá trình xâm lược của các nước đế quốc vào Trung Quốc. + Lí do các cường quốc xâm lược Trung Quốc + Sự kiện mở đầu quá trình các cường quốc xâm lược + Quá trình các cường quốc Đức Pháp Nga Nhật xác lập các vùng ảnh hưởng. + Hậu quả của quá trình các cường quốc xâm lược Trung Quốc. - GV hướng dẫn HS bằng những câu hỏi gợi mở: ? Sau Anh là những nước nào xâm lược Trung Quốc? B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Dự kiến sản phẩm ? Tại sao Trung Quốc bị xâm lược? - Chế độ phong kiến suy yếu. - Trung Quốc giàu tài nguyên - Trung Quốc là thị trường rộng lớn ? Sự kiện nào mở đầu cho sự xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc? - 1840 – 1842: Anh tiến hành cuộc chiến tranh thuốc phiện, mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc. - Cây thuốc phiện: Trong nhựa tiết ra từ quả của cây thuốc phiện chứa moocphin và herôin là những chất độc nguy hiểm, khi sử dụng dễ gây nghiện. Khi đã mắc nghiện thì rất khó chữa. Nghiện thuốc phiện có hại đến sức khỏe và gây hậu quả xấu không những cho bản thân mà cho cả gia đình và xã hội.	- Cuộc Chiến tranh thuốc phiện (1480 - 1842) do thực dân Anh tiến hành đã mở đầu quá trình các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc. - Vào nửa sau thế kỷ XIX các nước đế quốc từng bước nhảy vào xâm lược Trung Quốc
--	--



? Sau Anh là những nước nào xâm lược Trung Quốc?

- Các nước đế quốc Âu, Mỹ và Nhật Bản tranh nhau xâm lược Trung Quốc.

1 Khu vực ảnh hưởng của các cường quốc trên lãnh thổ Trung Quốc vào cuối thế kỉ XIX

Đế quốc	Khu vực ảnh hưởng
Anh	Châu thổ sông Trường Giang
Đức	Sơn Đông
Pháp	Vân Nam
Nga	Đông Bắc Trung Quốc
Nhật	Đông Bắc Trung Quốc

? Vì sao các nước đế quốc không độc chiếm xâm lược TQ mà phải chia ra?

- “Mặc dù Trung Quốc rất suy nhược, mặc dù nội bộ Trung Quốc bị chia rẽ, nhưng dù sao, con số 111.139.000 km² vẫn là 1 miếng mồi quá to mà cái mõm của chủ nghĩa đế quốc thực dân không thể nuốt trôi ngay một lúc. Và không thể đẩy 1 cách tàn bạo 489.500.000 người Trung Quốc vào xiềng xích của chế độ nô lệ thuộc địa. Cho nên họ mới cắt vụn Trung Quốc ra. Cách này chậm hơn nhưng khôn hơn”

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

b. Cách mạng Tân Hợi (1911)**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi; nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: ? Tìm hiểu về nhân vật Tôn Trung Sơn và học thuyết Tam dân GV chia lớp làm 4 nhóm tìm hiểu về Cách mạng Tân Hợi + Nhóm 1: Nguyên nhân + Nhóm 2: Diễn biến + Nhóm 3: Kết quả + Nhóm 4: Ý nghĩa B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn HS khai thác kênh hình - Hình 14.1. Lược đồ Trung Quốc đầu thế kỉ XX với các chú giải màu sắc thể hiện khu vực ảnh hưởng của các nước đến quốc ở Trung Quốc. - Hình 14.2. Tôn Trung Sơn, hay còn gọi là Tôn Dật Tiên, xuất thân trong một gia đình nông dân ở tỉnh Quảng Đông. Thuở hàn vi, ông đồng cảm với những người dân nghèo khổ lớn lên, ông được	b. Cách mạng Tân Hợi (1911). - Nguyên nhân + 10/1911 Cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Vũ Xương + 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho các nước đế quốc -Diễn biến + 10/1911 Cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Vũ Xương + 12/2/1912, Phổ Nghi thoái vị. Nền quân chủ chuyên chế sụp đổ. - Kết quả + 2/1912, Tôn Trung

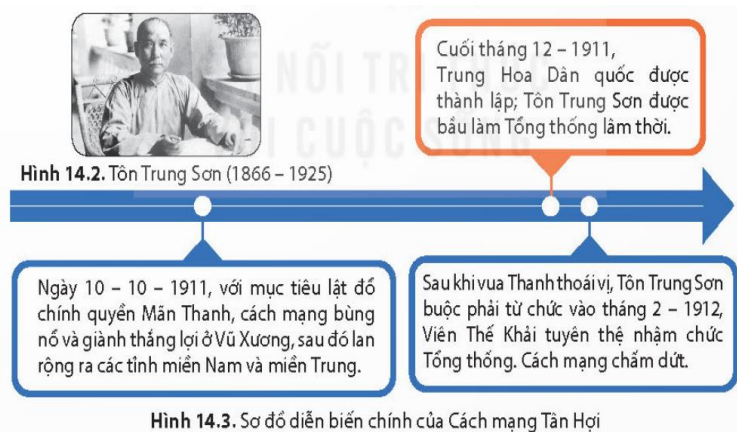
người anh là 1 nhà tư bản cho đi du học ở Nhật Bản, Mỹ, Anh. Năm 1882, ông tốt nghiệp bác sĩ y khoa ở Hồng Kông. Trong những năm 1902 – 1905 ông đã đi nhiều nước trên thế giới: Nhật bản, Mỹ, Châu Âu.

- GV giới thiệu Tôn Trung Sơn và tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội, sau đó hướng dẫn HS dựa trên trục thời gian trình bày diễn biến Cách mạng Tân Hợi từ ngày 9-5-1911 đến tháng 2 - 1912 và xác định kết quả quan trọng nhất của Cách mạng Tân Hợi: Nền Quân chủ chuyên chế của nhà Thanh sụp đổ (12-2-1912), chấm dứt thời kì phong kiến hàng nghìn năm ở Trung Quốc.

- GV hướng dẫn HS xác định ý nghĩa và hạn chế của Cách mạng Tân Hợi (1911).

+ Ý nghĩa: Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Hạn chế chưa giải quyết được vấn đề độc lập cho Trung Quốc và vấn đề ruộng đất cho nông dân.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

- Nguyên nhân: 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho các nước đế quốc.

Sơn từ chức, Viên Thế Khải làm Tổng thống. Cách mạng kết thúc.

- Diễn biến:

+ 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho các nước đế quốc.

+ 12/1911, Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Tôn Trung Sơn làm Tổng thống lâm thời.

+ Kết quả:

+ 2/1912, Tôn Trung Sơn từ chức, Viên Thế Khải làm Tổng thống. Cách mạng kết thúc.

+ Ý nghĩa:

+ Chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại hơn 2000 năm ở Trung Quốc.

+ Tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc.

+ Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi “Ô chữ”

1. Vị vua đứng đầu phong trào Duy Tân ở Trung Quốc (1898)

2. Đây là Học thuyết của Tôn Trung Sơn

3. Trong Học thuyết Tam dân, dân sinh phải có nhu cầu này.

4. Thực dân Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh này tại Trung Quốc.

5. Các nước đế quốc đã thực hiện âm mưu này đối với Trung Quốc

6. Một trong 3 nội dung của Học thuyết Tam dân

Hàng dọc: Tên cuộc cách mạng bùng nổ ở Trung Quốc vào năm 1911

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

1. Quang Tự
2. Tam dân
3. Hạnh phúc
4. Thuốc phiện
5. Xâm lược
6. Dân sinh

Hàng dọc: Tân hợi

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Nội dung nào của tư tưởng Tam dân vẫn còn giá trị đến xã hội hiện nay? tại sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 33:**BÀI 14: TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX (Tiết 2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.
- Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi; nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.
- Nêu được những nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị
- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức về mục đích và nội dung của cuộc Duy tân Minh trị biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.
- Vận dụng kiến thức về công cuộc cải cách ở Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX để rút ra những bài học lịch sử vẫn còn giá trị đến ngày nay.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Có ý thức tìm tòi, học hỏi vì sự phát triển của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Năm học 2023 – 2024

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV ho HS xem hình ảnh và đặt câu hỏi: **Em biết gì về quốc gia này?**



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Vào một ngày mùa hè năm 1853, đoàn tàu chạy bằng hơi mướn đến từ Mỹ do Đô đốc Feri (Perry) chỉ huy, nhả khói và lừng lững tiến vào vịnh Ê đô, gây ra ngạc nhiên cho cả nước Nhật. Nhảy bén trước thời cuộc, vài năm sau đó, nước Nhật bước vào thời đại canh tân đất nước. Lịch sử gọi là "cuộc Minh Trị Duy Tân". Ở bài học này, chúng ta sẽ

tìm hiểu và một dung, ý nghĩa của cuộc cải cách này. Nước Nhật có những biểu hiện nào của chủ nghĩa đế quốc khi trở nên cường thịnh nhờ cải cách. Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

A. Cuộc Duy tân Minh Trị (1868)

a. Mục tiêu:

- Nêu được những nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi ? Em hãy nêu nguyên nhân và mục đích của cuộc Duy tân Minh Trị? ? Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị được thực hiện vào thời gian nào và trên những lĩnh vực nào? Nhiệm vụ 2: Thảo luận GV chia HS làm các nhóm nhỏ, HS thảo luận trả lời câu hỏi và ghi đáp án vào bảng nhóm - Em có nhận xét gì về cuộc Duy tân Minh trị. - Cuộc duy tân mang lại kết quả, ý nghĩa to lớn như thế nào? - Nêu tính chất cuộc duy tân Minh trị ? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn HS khai thác thông tin	2. Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX a. Cuộc Duy tân Minh Trị - Nguyên nhân + Cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc phương Tây đẩy mạnh xâm lược thuộc địa. + 1/1868 Nhật hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng lạc hậu và giữ vững nền độc lập. + Nội dung: Tiến hành cải cách ở các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giáo dục, quân sự. + Kết quả: Cuộc Duy tân đưa Nhật Bản thoát khỏi

- Hiệp ước kanagawa

Hiệp ước mười hai điều mà Mạc phủ Edo đã ký với Perry năm 1854.

Hiệp ước này buộc Nhật Bản phải mở hai hải cảng Shimo và Hakodate cho thương thuyền Hoa Kỳ vào buôn bán. Sau 200 năm thực hiện chính sách Tỏa Quốc, Nhật Bản cuối cùng phải nhượng bộ cho thế lực thương mại nước ngoài.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 16.1 để định mục đích của cuộc Duy Tân Minh trị.

+ Hoàn cảnh xuất xứ của đoạn tư liệu

+ Ai là người phát biểu

+ Những từ và cụm từ nào thể hiện mục đích của Duy tân Minh trị?

+ Những cụm từ nào thể hiện những lĩnh vực chú trọng cải cách.

+ Những tri thức cải cách đến theo con đường nào? Đến từ đâu?

- GV hướng dẫn HS biết cách khai: Nội dung cải cách ở từng lĩnh vực cụ thể. Yêu cầu năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. Nêu nội dung chính của cải cách. Từ thông tin trong hình 14.4 GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy. Nêu ý nghĩa của cải cách: Nội dung các cách có đáp ứng được mục đích của cải cách? Dẫn dắt giải quyết vấn đề Cuộc Duy tân Minh Trị có ý nghĩa gì đối với Nhật Bản (Nhật Bản phát triển VƯỢT BẬC trở thành nước tư bản công nghiệp, thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa, có vị thế bình đẳng, với các nước Âu - Mỹ).

Dự kiến sản phẩm

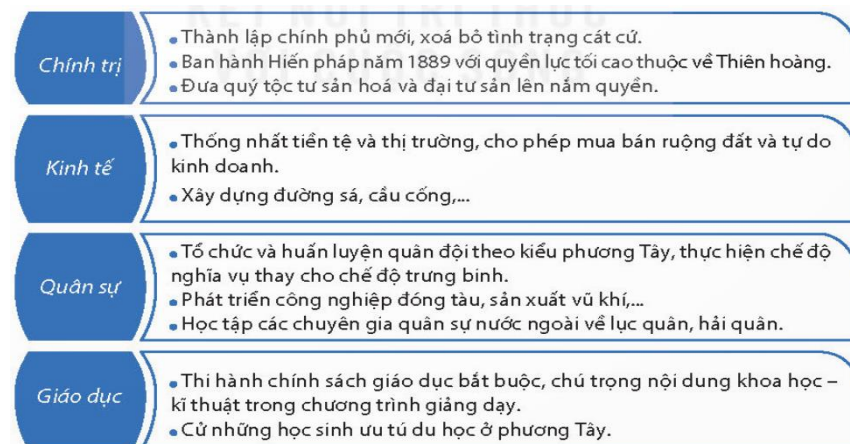
? Em hãy nêu mục đích của cuộc Duy tân Minh Trị?

nguy cơ trở thành thuộc địa.

- Sau năm 1853, Chính quyền Mạc Phủ ngày càng suy yếu.
 - 4/1868 Thiên hoàng Minh Trị nắm quyền cai trị đất nước.
 - Sau khi nắm quyền, Thiên hoàng Minh Trị tiến hành cải cách.

? Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị được thực hiện vào thời gian nào và trên những lĩnh vực nào?

Cải cách được tiến hành năm 1868 và trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, quân sự.



Hình 14.4. Sơ đồ nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

B. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

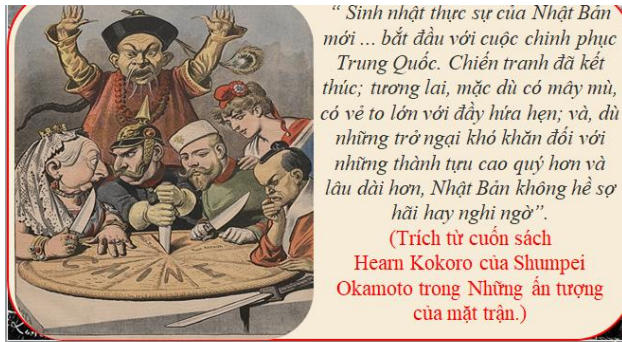
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

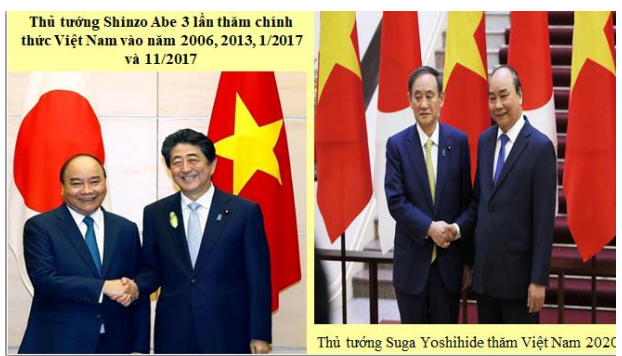
Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: ? Em hãy nêu những biểu hiện của Nhật Bản khi bước sang	b. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

chủ nghĩa đế quốc? ? Tìm hiểu về mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản trong thời kì hòa bình. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn HS khai thác lược đồ để nhận thức một biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là hoạt động xâm lược và bành trướng lãnh thổ. - Các biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở một quốc gia, bao gồm sự xuất hiện của công ty độc quyền, tầng lớp tư bản tài chính, hoạt động xuất khẩu tư bản và xâm lược thuộc địa. Các thông tin trong SGK cho thấy, ở trường hợp của Nhật Bản cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, các biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở quốc gia này bao gồm sự xuất hiện của công ty độc quyền, hoạt động xâm lược thuộc địa. - Với biểu hiện sự xuất hiện của công ty độc quyền: GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK để xác định các công ty độc quyền ở Nhật Bản thời kì này (Mít-su-bi-si, Mít-xui) và vai trò quan trọng của công ty độc quyền trong lĩnh vực kinh tế, chính trị của đất nước. - Với siêu hiện "hoạt động xâm lược thuộc địa" GV hướng dẫn HS sử dụng lược đồ 16.3 để chứng minh. Ở hoạt động này. GV có thể hướng dẫn HS lập phiếu học tập gồm 2 cột: Thời gian và vùng đất chiếm đóng xâm lược (chẳng hạn, 1972 – 1879 quần đảo Lưu Cầu. 1995: Đài Loan). GV lưu ý HS rằng Nhật bản tiến hành hoạt động bành trướng, xâm lược thuộc địa thông qua các hoạt động chiến tranh xâm lược với Trung Quốc và chiến tranh đế quốc với Nga.	- Xuất hiện nhiều công ti độc quyền chi phối về kinh tế. - Bước sang thế kỉ XX, Nhật Bản đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng. => Nhật Bản trở thành một nước đế quốc hùng mạnh ở Châu Á
--	---

GV cung cấp tư liệu hình ảnh



Trong tấm bưu thiếp minh họa này, được in ở Nga vào khoảng năm 1905, những người lính Nhật Bản đang tiến về phía Nga điều hành trên một người dân ông Hàn Quốc đang phục tùng.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

? Em hãy nêu những biểu hiện của Nhật Bản khi bước sang chủ nghĩa đế quốc?

- Sự ra đời của các công ty độc quyền.
 - Chiến tranh xâm lược với nước khác.
 ? Tìm hiểu về mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản trong thời kì hòa bình.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV ôn tập lại kiến thức cho HS bằng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Cuộc duy tân Minh Trị được thực hiện vào thời gian:

A.1668

B.1768

C.1868

D.1968

Câu 2. Vì sao Duy tân Minh Trị là cuộc cách mạng tư sản?

A. Do giai cấp tư sản lãnh đạo.

B. Lật đổ chế độ phong kiến.

C. Chính quyền từ phong kiến trở thành tư sản hóa.

D. Xóa bỏ chế độ nông dân

Câu 3: Vì sao Nhật Bản thoát ra khỏi sự xâm lược của tư bản phương Tây?

A. Vì Nhật có chính sách ngoại giao tốt.

B. Vì Nhật có nền kinh tế phát triển.

C. Vì Nhật tiến hành cải cách tiên bộ.

D. Vì chính quyền phong kiến Nhật mạnh

Câu 4. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc khi:

a. Các công ty độc quyền ra đời

b. Chạy đua vũ trang xâm lược thuộc địa

c. Đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân

d. Các công ty độc quyền ra đời. Chạy đua vũ trang xâm lược thuộc địa

Câu 5. Năm 1914, Nhật Bản dùng vũ lực để mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình ở đâu?

- A. Triều Tiên
- B. Đông Nam Á
- C. Trung Quốc

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	C	C	D	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sau khi tìm hiểu về lịch sử Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, theo em, cần học hỏi điều gì để đất nước phát triển

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 34:**BÀI 15: AN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á
TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX
- Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức về tình hình kinh tế chính trị xã hội Ấn Độ sau thế kỉ XIX.
- Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử, thông tin trong phần nhân vật lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức về những sự kiện tiêu biểu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- Vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm thông tin về một nhân vật lịch sử đã lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc của một nước trong khu vực Đông Nam Á vào thời kì này.
- Vận dụng kiến thức về tình hình kinh tế chính trị xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX để sưu tầm một số hình ảnh về đời sống của người Ấn Độ dưới ách cai trị của thực dân Anh vào thời kì này để viết một đoạn văn ngắn để nêu cảm nhận của HS.

3. Về phẩm chất

XX

Nhân ái: Đồng cảm với đời sống của nhân dân các nước thuộc địa dưới nên đô hộ của chủ nghĩa đế quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

Năm học 2023 – 2024

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 số hình ảnh và đặt câu hỏi

GV ho HS xem hình ảnh và đặt câu hỏi: Những hình ảnh dưới đây nói về đất nước nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Vào nửa sau thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, Ấn Độ và hầu hết các nước trong khu vực

Đông Nam Á đã bị thực dân phương Tây xâm chiếm. Theo aem mục đích các nước PhươngTây đến vùng đất này là gì Phải chăng là để "Khai hóa văn minh" và giúp phát triển nền công nghiệp? Nhân dân Ấn Độ và Đông Nạn Á đã có thái độ và hành động như thế nào trong làn sóng xâm lược của các nước phương Tây? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX

- a. Mục tiêu:** Trình bày được tình hình Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến																			
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi ? Tại sao các nước tư bản phương Tây lại xâm lược Ấn Độ? ? Lập bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?		1. Ấn Độ nửa sau TK XIX - Về chính trị + Thi hành nhiều biện pháp để áp đặt và củng cố quyền cai trị trực tiếp ở Ấn Độ. + Thực hiện chính sách nhượng bộ tầng lớp trên của phong kiến bản xứ, biến bộ phận này thành tay sai; tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo ở Ấn Độ. - Về kinh tế; Thực dân Anh tiến hành cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét																			
<table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Chính sách của TD Anh</th></tr><tr><td>Chính trị</td><td></td></tr><tr><td>Kinh tế</td><td></td></tr><tr><td>Xã hội</td><td></td></tr></table>			Lĩnh vực	Chính sách của TD Anh	Chính trị		Kinh tế		Xã hội												
Lĩnh vực	Chính sách của TD Anh																				
Chính trị																					
Kinh tế																					
Xã hội																					
? Qua bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về chính sách thống trị của Anh và hậu quả của nó đối với Ấn Độ?																					
<table><tr><th colspan="2">GIÁ TRỊ LƯƠNG THỰC XUẤT KHẨU</th><th colspan="2">SỐ NGƯỜI CHẾT ĐÓI</th></tr><tr><th>Năm</th><th>Số lượng</th><th>Năm</th><th>Số người chết</th></tr><tr><td>1840</td><td>858.000 livrơ</td><td>1825-1850</td><td>400.000</td></tr><tr><td>1858</td><td>3.800.000 livrơ</td><td>1850-1875</td><td>5.000.000</td></tr><tr><td>1901</td><td>9.300.000 livrơ</td><td>1875-1900</td><td>15.000.000</td></tr></table>		GIÁ TRỊ LƯƠNG THỰC XUẤT KHẨU		SỐ NGƯỜI CHẾT ĐÓI		Năm	Số lượng	Năm	Số người chết	1840	858.000 livrơ	1825-1850	400.000	1858	3.800.000 livrơ	1850-1875	5.000.000	1901	9.300.000 livrơ	1875-1900	15.000.000
GIÁ TRỊ LƯƠNG THỰC XUẤT KHẨU		SỐ NGƯỜI CHẾT ĐÓI																			
Năm	Số lượng	Năm	Số người chết																		
1840	858.000 livrơ	1825-1850	400.000																		
1858	3.800.000 livrơ	1850-1875	5.000.000																		
1901	9.300.000 livrơ	1875-1900	15.000.000																		

Thảo luận cặp đôi:

? Em có suy nghĩ gì về những chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Anh ở Ấn Độ cuối thế kỉ XIX?

Nhiệm vụ 2: Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau

Tên phong trào	Hình thức đấu tranh	Ý nghĩa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

Nhiệm vụ 1:

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin

– Nét nổi bật trong tình hình kinh tế ở Ấn Độ trong nửa sau thế kỉ XIX gồm:

- + Chính sách kinh tế của thực dân Anh,
- Hậu quả của chính sách kinh tế đó: nạn đói ở Ấn Độ

GV hướng dẫn HS vẽ biểu đồ về số lượng người dân Ấn Độ chết vì đói trong giai đoạn 1860-1900

Cuối thế kỉ XIX, hàng loạt vụ mất mùa nghiêm trọng xảy ra dẫn đến nạn đói và dịch bệnh liên tục xảy ra ở Ấn Độ.

- 1860 – 1861: 2 triệu người chết
- 1876 – 1878; 4,3 triệu người chết; thêm 1,2 triệu người ở các tỉnh Tây Bắc và Kát-mi (Kashmir) trong năm 1877 – 1878.
- 1896 – 1897: 5 triệu người chết.
- 1899 – 1900: hơn 1 triệu người chết.

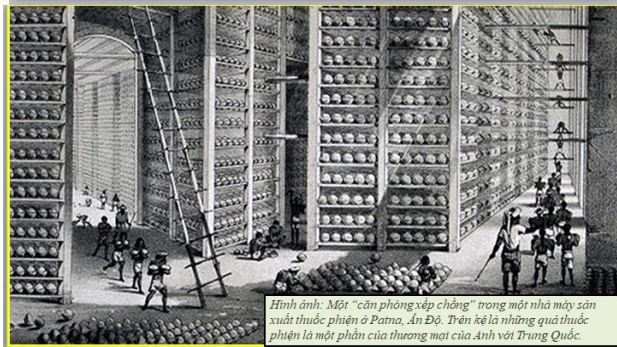
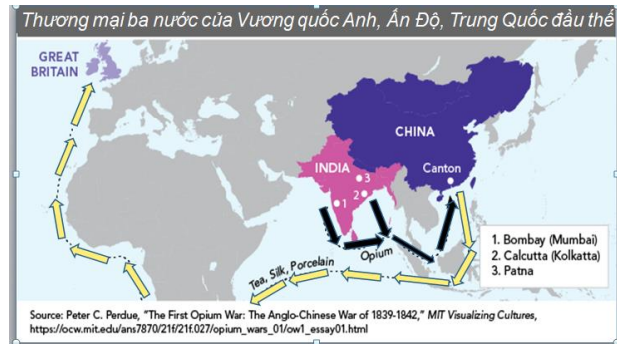
(P. G. Mac-san (P. J. Marshall) (Chủ biên), *Lịch sử vé bằng tranh về đế quốc Anh của Cam-brit (Cambridge)*, NXB Đại

nguồn nguyên liệu và bóc lột nhân công để thu lợi nhuận tối đa.

- Về xã hội: thực dân Anh thi hành chính sách “ngu dân” khuyến khích những tập quán lạc hậu và phản động.

- Chính sách cai trị hà khắc, khơi sâu mâu thuẫn chủng tộc, đẳng cấp của thực dân Anh đã làm bùng lên làn sóng đấu tranh của nhân dân Ấn Độ dưới nhiều hình thức khác nhau

học Cam-brit, 1996, trang 132)



Nhiệm vụ 2:

GV hướng dẫn HS khai thác tự liệu để nhận thức về chính sách phân biệt chủng tộc của thực dân Anh tại Ấn Độ và tự liệu 17.4 để nhận thức về một phong trào đấu tranh nổi bật ở Ấn Độ nửa cuối thế kỉ XIX là cuộc khởi nghĩa Xi-pay.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để xác định tình hình chính trị - xã hội ở Ấn Độ cuối thế kỉ XIX

+ Về chính trị: cai trị hà khắc khơi sâu mâu thuẫn chủng tộc đẳng cấp

+ Về xã hội: nhân dân Ấn Độ đấu tranh với nhiều hình thức tầng lớp tham gia, gồm cuộc khởi nghĩa Xi-pay, nông dân, tư

sản và công nhân.

-Lưu ý: GV giải thích thuộc ngữ Bình đoàn Xi-pay là tên gọi những đơn vị binh lính người Ấn Độ trong quân đội Anh. GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 17.3 để tìm hiểu một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Xi pay là thái độ phân biệt chủng tộc của chính quyền thực dân Anh đối với đơn vị binh lính người Ấn Độ trong quân đội Anh. Cuộc khởi nghĩa này được minh họa bằng hình ảnh của tư liệu 17.4. Có thể xem khởi nghĩa Xi-pay là một trong những hoạt động đấu tranh tiêu biểu cho hình thức đấu tranh vũ trang của nhân dân Ấn Độ. GV có thể mở rộng thêm nguyên nhân tôn giáo của cuộc khởi nghĩa Xi-pay.

- Sau khi cung cấp thông báo về sự thành lập Đảng Quốc đại (1885), GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để xác định phương pháp và mục tiêu đấu tranh của đảng này. Trên cơ sở đó. HS nêu nhận xét

+ Phương pháp đấu tranh ôn hòa:

Mục tiêu yêu cầu thực dân Anh thực hiện một số cải cách giáo dục xã hội và tạo điều kiện để giai cấp tư sản được tham gia các hội đồng tự trị.

- GV có thể gợi ý HS so sánh mục tiêu và phương pháp đấu tranh của Đảng Quốc đại (đảng của giai cấp tư sản) với cuộc khởi nghĩa Xi-pay, các hoạt động hình thức đấu tranh của nông dân công nhân Ấn Độ để nêu nhận xét hoặc có thể mở rộng so sánh với tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn và cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Lĩnh

Chính sách của TD Anh

vực		
Chính trị	- Thi hành nhiều biện pháp để áp đặt và củng cố quyền cai trị trực tiếp ở Ấn Độ - Thực hiện chính sách nhượng bộ tầng lớp trên của phong kiến bản xứ, biến bộ phận này thành tay sai; tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo,... ở Ấn Độ.	
Kinh tế	Thực dân Anh tiến hành cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét nguồn nguyên liệu và bóc lột nhân công để thu lợi nhuận tối đa.	
Xã hội	- Thực dân Anh thi hành chính sách “ngu dân”, khuyến khích những tập quán lạc hậu và phản động. - Mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh là mâu thuẫn cơ bản trong xã hội.	
Tên phong trào	Hình thức đấu tranh	Ý nghĩa
1. Khởi nghĩa Xi-pay (1857-1859)	Khởi nghĩa vũ trang	+ Tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ. + Thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh giành độc lập dân tộc.
2. PT đấu tranh của công nhân và nông dân trong những năm 1875 -1885	Ôn hoà, biểu tình, đòi cải cách	- Dẫn đến sự thành lập Đảng Quốc dân Đại hội năm 1885 (Đảng Quốc đại).

3. Khởi nghĩa Bom-Bay(1908)	Biểu tình, bãi công chính trị.	- Đỉnh cao của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.			

2. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

a. Mục tiêu:

Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học			Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bản đồ, HS xác định các khu vực thuộc địa của các nước đế quốc trên bản đồ ? Xem đoạn video sau và cho biết Tình hình Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX  GV yêu cầu HS hoàn thành bảng sau theo cặp đôi			1. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX - Đến cuối thế kỉ XIX, các nước Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, chỉ có Xiêm vẫn giữ được nền độc lập. - Mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Nam Á với
Tên nước	Thời gian	Phong trào tiêu biểu	

In-do-ne-xia		
Phi-lip-pin		
Việt Nam		
Cam-pu-chia		

? Em có nhận xét gì về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á nửa sau thế kỉ XIX?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS khai thác lược đồ để tìm hiểu về những cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu Ở các nước Đông Nam Á nửa sau thế kỉ XIX dưới sự thống trị của chính quyền thực dân phương Tây.

- GV hướng dẫn HS làm phiếu học tập yêu cầu HS trình bày: tên thuộc địa, thực dân xâm lược, thời gian. các phong trào đấu tranh tiêu biểu, hình thức đấu tranh và hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK để hoàn thành phiếu học tập.

+ Hướng dẫn HS so sánh hai cuộc đấu tranh tiêu biểu theo hai xu hướng: Bạo động của Bo-no-pha-xi-ô và ôn hòa của Hô-xê-ri-đan ở Phi-lip-pin và rút ra nhận xét.



thực dân phương Tây đô hộ trở nên gay gắt.

- Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, nhân dân các nước Đông Nam Á tiếp tục đấu tranh chống thực dân phương Tây để giành lại độc lập.



GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để nhận thức được điểm mới của phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á đầu thế kỉ XX.

+ Đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á có nét mới đó là sự tham gia của các tầng lớp trí thức, tiểu tư sản và tư sản dân tộc và công nhân.

+ Chịu ảnh hưởng của trào lưu dân chủ tư sản phương Tây, tầng lớp tư sản dân tộc, trí thức yêu nước tiêu biểu ở In-đô-nê-xia, Việt Nam nỗ lực truyền bá tư tưởng dân chủ kêu gọi cải cách, nâng cao dân trí dân quyền, tập hợp quần chúng hướng tới mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc từ thấp đến cao đòi chính quyền thực dân thực thi quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống phát triển kinh tế... đến đấu tranh chính trị đòi độc lập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Tên nước	Thời gian	Phong trào tiêu biểu
In-đô-nê-xia	1873-1903	Chiến tranh giành độc lập của nhân dân Hồi quốc A-chê (Aceh).
	1890-1907	Khởi nghĩa nông dân đảo Gia-va do Samin (Samin) lãnh đạo.

Phi-lip-pin	1892-1896	Cuộc đấu tranh theo đường lối ôn hoà của Liên minh Phi-lip-pin do Hô-xê Ri-xan thành lập.
	1896-1897	Khởi nghĩa Bô-ni-pha-xi-ô (Bonifacio) theo xu hướng bạo động
Việt nam	1885-1896	Phong trào Cần vương.
	1884-1913	Khởi nghĩa Yên Thế.
Cam-pu-chia	1864-1865	Khởi nghĩa của A-cha Xoa (Achar Soa) chống lại triều đình thân Pháp và thực dân Pháp.
	1876	Hoàng thân Si-vô-tha (SiVotha) lãnh đạo nhân dân chống thực dân Pháp và xây dựng vương quốc độc lập Cơ-rắc.
	1885-1886	Khởi nghĩa nông dân chống Pháp dưới danh nghĩa Hoàng thân Si-vô-tha.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi giải ô chữ

- Đất nước được gọi với các tên “Quốc gia nghìn đảo” (9 ô chữ)
- Đông Ti-mo là thuộc địa của nước nào? (8 ô chữ)
- Nước có nhiều thuộc địa nhất ở Đông Nam (2 ô chữ)
- Tên phong trào chống pháp tiêu biểu ở Việt nam cuối thế kỉ XX (8 ô chữ)
- Indônêxia là thuộc địa của nước này (8 ô chữ)

6. Đây là nước lớn nhất ở Đông Dương (7 ô chữ)

7. Đây là nước ra đời muộn nhất ở Đông Nam Á (8 ô chữ)

8. Học thuyết của ông bắt đầu được truyền bá ở Indônêxia từ 1905. (3 ô chữ)

Từ khóa: Khu vực em vừa học trong bài

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

1. In-do-ne-xia

2. Bờ Đào Nha

3. Anh

4. Cần Vương

5. Tây Ban nha

6. Việt nam

7. Đông-ti-mo

8. Mác

Từ khóa: Đông nam á

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Em hãy sưu tầm thông tin về một nhân vật lịch sử đã lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc của một nước trong khu vực Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 35:**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****I. MỤC TIÊU KIỂM TRA****A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ****1. Kiến thức:**

1. Nêu được hoàn cảnh ra đời của giai cấp công nhân và một số hoạt động tiêu biểu của phong trào công sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức công sản,...)
2. Trình bày được một số hoạt động chính của Các Mac (Karl Marx), Phri đrich Ang ghen (Friedrich Engels) và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.
3. Nêu được nguyên nhân bùng nổ, hậu quả và tác động của chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918). Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
4. Nêu một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX và tác động của những thành tựu này.
5. Khái quát tình hình các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

2. Kỹ năng:

- Xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết các vấn đề

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**1. Kiến thức**

- Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật Việt Nam.
- Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.
- Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.
- Trình bày được khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.

2. Năng lực

- Rèn luyện HS các kĩ năng: xử lí số liệu, nhận xét, kĩ năng làm bài và giải thích.

3. Phẩm chất

Giúp học sinh có thái độ nghiêm túc, trung thực và đúng đắn trong học tập, trong kiểm tra.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 40%.
- Tự luận 60%.

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 8

ĐỀ CHÍNH THỨC

Ngày kiểm tra: 11 tháng 03 năm 2024

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ 801

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Quốc tế thứ nhất (1864 – 1876) do ai thành lập?

- A. C. Mác và Ph. Ăng-ghen. B. Ph. Ăng-ghen.
C. C. Mác. D. V.I. Lê-nin.

Câu 2. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ là do

- A. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa về nguồn vốn.
B. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thuộc địa.
C. mâu thuẫn giữa các nước phong kiến về lãnh thổ.
D. mâu thuẫn giữa các nước tư bản về tài nguyên.

Câu 3. Khối Liên minh **không** bao gồm nước nào sau đây?

- A. Đức. B. I-ta-li-a. C. Áo – Hung. D. Nhật Bản.

Câu 4. Cuộc Cách mạng nào đã chấm dứt tình trạng hai chính quyền song song tồn tại diễn ra ở Nga?

- A. Cách mạng tháng Hai. B. Cách mạng tháng Năm.
C. Cách mạng tháng Tám. D. Cách mạng tháng Mười.

Câu 5. Tác phẩm *Những người khốn khổ* của tác giả nào?

- A. Giô-han Gôt. B. Vích-to Huy-gô.
C. W. Thác-cơ-rê. D. Lép Tôn-xtôi.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đã chấm dứt sự thống trị hơn hai nghìn năm của chế độ phong kiến Trung Quốc và mở đường cho chủ nghĩa tư bản ở nước này phát triển?

- A. Cách mạng Tân Hợi (1911). B. Nội chiến Quốc – Cộng (1945-1949).
C. Phong trào Ngũ Tứ (1919). D. Đại Cách mạng văn hóa vô sản (1966 – 1976).

Câu 7. Mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh đã dẫn tới các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tiêu biểu là

- A. cuộc khởi nghĩa Xi-pay. B. phong trào Cần Vương.
C. khởi nghĩa A-cha Xoa. D. khởi nghĩa Xu-ma-tơ-ra.

Câu 8. Ý nghĩa quan trọng nhất của những phát minh về khoa học tự nhiên thế kỉ XVIII-XIX là gì?

- A. Giúp con người hiểu biết thêm về thế giới vật chất xung quanh.
B. Khẳng định vận vật chuyển biến, vận động theo quy luật.
C. Đặt cơ sở cho cuộc cách mạng kĩ thuật và công nghiệp.
D. Tấn công mạnh mẽ vào những giáo lý của thần học.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm) Trình bày về diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tân Hợi năm 1911. Cách mạng Tân Hợi đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng Việt Nam?

Câu 2 (1 điểm) Nêu những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. Phân tích tác động của các thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII – XIX.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Hệ sinh thái rừng ngập mặn phân bố ở đâu nước ta?

- A. Rộng khắp trên cả nước. B. Vùng đồi núi.
C. Vùng đồng bằng. D. Vùng đất bãi triều cửa sông, ven biển, ven các đảo.

Câu 2. Vùng biển Việt Nam là một phần của biển nào?

- A. Biển Xu-lu. B. Biển Xu-la-vê-di.
C. Biển Đỏ. D. Biển Đông.

Câu 3. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh nào nước ta?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Ninh.
C. Khánh Hòa. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 4. Bờ biển Việt Nam dài bao nhiêu km?

- A. 3320 km. B. 6230 km.
C. 3260 km. D. 9000 km.

Câu 5. Nước nào sau đây **không** có chung Biển Đông với Việt Nam?

- A. Trung Quốc. B. Mi-an-ma.
C. Phi-líp-pin. D. Bru-nây.

Câu 6. Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam năm 2012, Việt Nam **không** có vùng biển nào sau đây?

- A. Nội thủy. B. Lãnh hải.
C. Vùng thềm lục địa. D. Vùng tiếp giáp biển quốc tế.

Câu 7. Các điểm chuẩn đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của lục địa Việt Nam bao gồm những mốc nào?

- A. A1 đến A11. B. A0 đến A11.
C. A2 đến A10. D. A0 đến A10.

Câu 8. Việt Nam và Trung Quốc có chung vịnh biển nào?

- A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Hạ Long.
C. Vịnh Thái Lan. D. Vịnh Cam Ranh.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.0 điểm).

- a) Kể tên các bộ phận của vùng biển nước ta.
- b) Trình bày đặc điểm của vùng nội thủy và lãnh hải.

Câu 2 (1.0 điểm). Trình bày đặc điểm địa hình vùng biển nước ta.

Câu 3 (1.0 điểm). Giải thích tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn? Là học sinh em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta.

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 8

Ngày kiểm tra: ngày 11 tháng 03 năm 2024

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ 802

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Tổ chức nào ra đời ở Pari gắn với vai trò quan trọng của Ph.Ăng-ghe-n?

A. Quốc tế thứ nhất.

B. Quốc tế thứ hai.

C. Quốc tế thứ ba.

D. Quốc tế thứ tư.

Câu 2. Sự kiện thái tử Áo – Hung bị ám sát đã trở thành

A. bước ngoặt đưa chiến tranh thế giới thứ nhất vào giai đoạn cuối.

B. nguyên nhân trực tiếp buộc Mỹ tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. duyên cớ - ngòi nổ cho Chiến tranh thế giới thứ nhất.

D. nguyên nhân sâu xa của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3. Khối Hiệp ước **không** bao gồm nước nào sau đây?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Nga.

D. Đức

Câu 4. Tổ chức nào đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nông dân, binh lính đấu tranh vũ trang giành chính quyền ở Nga vào tháng 7/1917?

A. Đảng Bôn-sê-vích.

B. Đảng Dân chủ thống nhất Nga.

C. Đảng Dân chủ Tự do Nga.

D. Đảng Men-sê-vích.

Câu 5. Tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình* của tác giả nào?

A. Giô-han Gôt.

B. Vích-to Huy-gô.

C. W. Thác-cơ-rê.

D. Lép Tôn-xtôi.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đã đưa Nhật Bản phát triển vượt bậc về kinh tế, chính trị, giáo dục, khoa học – kỹ thuật và giữ được nền độc lập, trở thành một nước tư bản chủ nghĩa?

A. Cuộc Duy tân Minh Trị (1868).

B. Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895).

C. Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905).

D. Thời kì Đại Chính (1912 – 1926).

Câu 7. Mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh đã dẫn tới các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tiêu biểu là

A. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay.

B. Phong trào Cần Vương.

C. Khởi nghĩa A-cha Xoa.

D. Khởi nghĩa Xu-ma-tơ-ra.

Câu 8. Những thành tựu về kĩ thuật trong thế kỉ XIX đã tác động như thế nào đối với xã hội loài người?

- A. Tạo nên cuộc cách mạng nông nghiệp. B. Tạo nên cuộc cách mạng tư sản.
C. Tạo nên cuộc cách mạng vô sản. D. Tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm) Trình bày về hoàn cảnh, nội dung chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử của cuộc cải cách Duy tân Minh Trị của Nhật Bản. Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

Câu 2 (1 điểm) Nêu những thành tựu tiêu biểu về khoa học trong các thế kỉ XVIII – XIX. Phân tích tác động của các thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII – XIX.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào nước ta?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Ninh.
C. Khánh Hòa. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 2. Đảo nào lớn nhất nước ta?

- A. Đảo Phú Quý. B. Đảo Phú Quốc
C. Đảo Cô Tô. D. Côn Đảo.

Câu 3. Việt Nam và Trung Quốc kí Hiệp định phân vịnh Bắc Bộ vào năm nào?

- A. Năm 1999. B. Năm 2000. C. Năm 2020. D. Năm 2001.

Câu 4. Đơn vị đo lường chiều dài vùng biển và đại dương là gì?

- A. Hải lí. B. Ki-lô-mét.
C. Dặm. D. Mét.

Câu 5. Đường phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc được xác định qua bao nhiêu điểm?

- A. 20 điểm. B. 11 điểm. C. 21 điểm. D. 31 điểm.

Câu 6. Chế độ thủy triều điển hình của nước ta là gì?

- A. Nhật triều đều. B. Bán nhật triều đều.
C. Nhật triều không đều. D. Bán nhật triều không đều.

Câu 7. Độ muối trung bình của biển nước ta là bao nhiêu ‰ ?

- A. Khoảng 29 – 30‰. B. Khoảng 34 – 35‰.
C. Khoảng 32 – 33‰. D. Khoảng 30 – 32‰.

Câu 8. Trung bình mỗi năm nước ta bị ảnh hưởng bởi bao nhiêu cơn bão?

- A. 5 – 6 cơn bão. B. 3 – 4 cơn bão.
C. 9 – 10 cơn bão. D. 7 – 8 cơn bão.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.0 điểm)

- a) Kể tên các bộ phận của vùng biển nước ta.
- b) Trình bày đặc điểm của vùng tiếp giáp lãnh hải và đặc quyền kinh tế.

Câu 2 (1.0 điểm) Trình bày đặc điểm khí hậu vùng biển nước ta.

Câu 3 (1.0 điểm) Giải thích tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn? Là học sinh em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta.

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 8

Đề 801

Phân môn Lịch sử

A. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	D	B	A	A	C

B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (2 điểm)	Trình bày về diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tân Hợi năm 1911.	1.5
	- Nguyên nhân: 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho các nước đế quốc.	0.25
	- Diễn biến:	0.25
	+ 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho các nước đế quốc.	0.25
	+ 12/1911, Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Tôn Trung Sơn làm Tổng thống lâm thời.	
	+ Kết quả:	0.25
	+ 2/1912, Tôn Trung Sơn từ chức, Viên Thế Khải làm Tổng thống. Cách mạng kết thúc.	
	+ Ý nghĩa:	0.25
	+ Chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại hơn 2000 năm ở Trung Quốc.	0.25
	+ Tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc.	
	+ Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.	
	Cách mạng Tân Hợi đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng Việt Nam?	0.5
	- Cần thủ tiêu toàn bộ chế độ phong kiến, đánh đổ đế quốc xâm lược.	0.25
	- Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân	0.25
2 (1 điểm)	Nêu những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.	0.5

	- Cải tiến kĩ thuật luyện kim, chế Tạo máy công cụ tìm ra nhiều nguyên liệu, nhiên liệu mới, - Chế tạo tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước. - Luyện kim, kĩ thuật canh tác, phân hoá học,..	
	Phân tích tác động của các thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII – XIX.	0.5
	- Tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp, làm tăng năng suất lao động.	0.25
	- Nhiều trung tâm công nghiệp xuất hiện, giao thông vận tải phát triển nhanh chóng.	0.25

Phân môn Địa lý

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	A	C	B	D	B	A

II.TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.0 điểm)	a) Kể tên các bộ của vùng biển nước ta. - Gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa. b) Trình bày đặc điểm của vùng nội thủy và lãnh hải. - Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. - Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.	0.5đ 0.5 0.5đ 0.25 0.25
2 (1.0 điểm)	Trình bày đặc điểm địa hình vùng biển nước ta. - Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng, bao gồm: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, các bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá, vũng vịnh nước sâu,... - Địa hình thềm lục địa có sự tiếp nối với địa hình trên đất liền: nông và bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miền Trung. - Địa hình đảo: + Ngoài quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nước ta có hệ thống đảo ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa,... + Ở phía bắc, đặc biệt trong vùng biển Quảng Ninh – Hải Phòng, các đảo, quần đảo thường có cấu tạo từ đá vôi với các dạng địa hình các – xtơ. Ở phía nam, nhiều đảo và quần đảo lớn có nguồn gốc hình thành từ san hô.	1.0đ 0.25 0.25 0.25 0.25
3 (1.0 điểm)	Giải thích tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn? - Việc khẳng định chủ quyền của một nước đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và	1.0đ 0.5

thêm lục địa quanh đảo, khẳng định lãnh thổ thống nhất toàn vẹn của Việt Nam. Là học sinh em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta. - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển. - Xây dựng và quảng bá thương hiệu biển Việt Nam. Góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo. <i>Lưu ý: Phần liên hệ thực tế vì vậy học sinh làm bài có ý đúng khuyến khích cho điểm.</i>	0.25 0.25
--	-------------------------

Đề 802

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	A	D	A	A	D

B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.5 điểm)	Trình bày về hoàn cảnh, nội dung chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử của cuộc cải cách Duy tân Minh Trị của Nhật Bản.	1
	- Nguyên nhân + Cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc phương Tây đẩy mạnh xâm lược thuộc địa. + 1/1868 Nhật hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng lạc hậu và giữ vững nền độc lập. + Nội dung: Tiến hành cải cách ở các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giáo dục, quân sự.	0.25
	+ Thành lập chính phủ mới, xoá bỏ tình trạng cát cứ. + Ban hành Hiến pháp năm 1889	0.25
	+ Đưa quý tộc tư sản hoá và đại tư sản lên nắm quyền.	0.25
	- Kinh tế: Thống nhất tiền tệ và thị trường. Xây dựng đường xá, cầu cống... - Quân sự: Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây, thực hiện chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Phát triển công nghiệp đóng tàu, sản xuất vũ khí....	0.25

	- Giáo dục: Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học -kĩ thuật trong chương trình giảng dạy. + Kết quả: Cuộc Duy tân đưa Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa.	0.25
	Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?	0.5
	- Quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục, coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Tiếp nhận, học hỏi những giá trị văn hóa tiên bộ của thế giới.	0.25
	- Cải biến các giá trị văn hóa tiên bộ của thế giới cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	0.25
2 (1điểm)	Nêu những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.	0.5
	- Thuyết vạn vật hấp dẫn của I. Niu-ơn. - Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của M. Lô-mô-nô-xốp. - Thuyết tiến hoá của S. Đác-uyn.	
	Phân tích tác động của các thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII – XIX.	0.5
	Tạo ra sự thay đổi lớn trong nhận thức của con người về vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật, đặt cơ sở cho cuộc cách mạng vĩ đại trong kĩ thuật và công nghiệp	

Phân môn Địa lí

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	B	A	C	A	C	A

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.0 điểm)	a) Kể tên các bộ của vùng biển nước ta.	1.0đ
	- Gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.	0.5
	b) Trình bày đặc điểm của vùng tiếp giáp lãnh hải và đặc quyền kinh tế.	0.25
	- Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. - Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải lãnh Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.	0.25

2 (1.0 điểm)	Trình bày đặc điểm khí hậu vùng biển nước ta. - Nhiệt độ không khí trung bình năm của vùng biển dao động từ 23 – 28 °C. - Hướng gió thay đổi theo mùa: từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau gió mùa mùa đông và gió Tín phong có hướng đông bắc chiếm ưu thế; từ tháng 5 đến tháng 9, gió mùa hướng đông nam chiếm ưu thế. Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. - Lượng mưa trên biển thường nhỏ hơn trên đất liền, khoảng trên 1100 mm/năm; các đảo có lượng mưa lớn hơn. - Vùng biển nước ta là nơi chịu nhiều thiên tai: bão, lốc,...	1.0đ 0.25 0.25 0.25 0.25
3 (0.5 điểm)	Giải thích tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn? - Việc khẳng định chủ quyền của một nước đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo, khẳng định lãnh thổ thống nhất toàn vẹn của Việt Nam. Là học sinh em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta. - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển. - Xây dựng và quảng bá thương hiệu biển Việt Nam. Góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo. <i>Lưu ý: Phần liên hệ thực tế vì vậy học sinh làm bài có ý đúng khuyến khích cho điểm.</i>	1.0đ 0.5 0.25 0.25

CHƯƠNG 7: VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX**Tiết 36:****BÀI 16: VIỆT NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX) (TIẾT 1)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.
- Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Suu tầm ca dân, tục ngữ ở địa phương phản ánh tình hình xã hội phong kiến, nhận xét về các thành tựu nghệ thuật thời kì này
- Biết phân tích giá trị những thành tựu đã đạt được về khoa học - kĩ thuật ở nước ta thời kì này.
- Có những việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.
- Vận dụng kiến thức trong bài về quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa với quần đảo Hoàng Sa, rút ra những bằng chứng lịch sử có ý nghĩa đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo ngày nay.

3. Về phẩm chất

- Lòng yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc.
- Trách nhiệm: Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

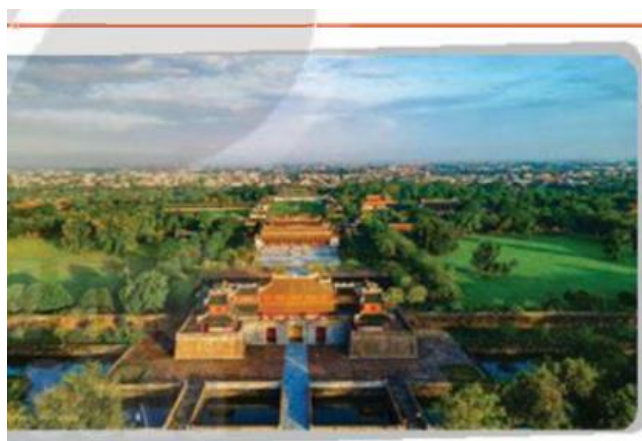
c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

?Em biết gì về Đại nội Huế?



Hình 16.1. Toàn cảnh Đại nội Huế
(Thừa Thiên Huế) hiện nay

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Khu Đại nội Huế thuộc cụm quần thể Di tích Cố đô Huế, nơi lưu giữ nhiều dấu ấn đặc sắc của một vương triều phong kiến trong lịch sử Việt Nam, được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới (1999). Vương triều nào được đề cập ở trên? Hãy chia sẻ những điều em biết về vương triều đó thông qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sự ra đời của nhà Nguyễn

a. Mục tiêu:

- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Sự thành lập Vương triều Nguyễn GV chiếu 1 đoạn video về sự ra đời của nhà Nguyễn và yêu cầu: ? Xem đoạn video kết hợp kiến thức SGK và cho biết sự ra đời của nhà Nguyễn? Nhiệm vụ 2: Nhà Nguyễn củng cố quyền lực thống trị GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bảng sau		1. Nhà Nguyễn thành lập và củng cố quyền thống trị a. Sự thành lập Vương triều Nguyễn - Sau khi Quang Trung mất, mâu thuẫn nội bộ ngày càng sâu sắc, uy tín giảm sút, lực lượng suy yếu. - Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại Triều Tây Sơn lập ra nhà Nguyễn, lấy
Lĩnh vực	Tình hình nổi bật	
Luật pháp		
Tổ chức hành chính		

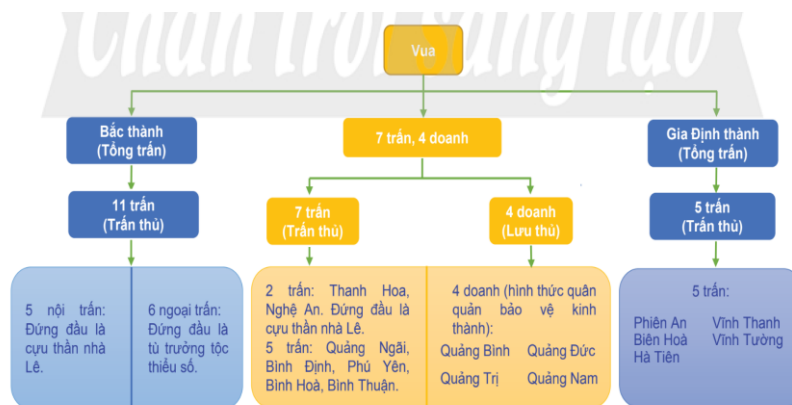
Ngoại giao		niên hiệu là Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế).
B2: Thực hiện nhiệm vụ		b. Nhà Nguyễn củng cố quyền lực thống trị
GV hướng dẫn HS trả lời		- Luật pháp: Nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) nhằm đặt cơ sở pháp lí cho nhà nước quân chủ.
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.		- Tổ chức hành chính: Với cuộc Cải cách Minh Mạng, bộ máy quản lí nhà nước từ Trung ương xuống địa phương được hoàn thiện. Cả nước được chia thành 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên).
Nhiệm vụ 1: Sự thành lập Vương triều Nguyễn		- Ngoại giao: Nhà Nguyễn thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với nhà Thanh, nhưng lại khước từ quan hệ và giao thương với các nước Âu – Mỹ, kể cả Pháp, thi hành chính sách cấm đạo gay gắt (bắt đầu từ thời Minh Mạng), gây nhiều hệ lụy về sau.
GV hướng dẫn HS giải mã được thông tin phần Nhân vật lịch sử: Hoàng đế Gia Long là ai? Ngay sau khi lên ngôi, nhà vua đã thi hành một chính sách chính trị như thế nào? Kết quả của chính sách đó là gì?		
- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn,		
+ Xác định mốc thời gian quan trọng có liên quan đến sự ra đời của nhà Nguyễn.		
+ Sử dụng các câu hỏi định hướng cho hoạt động		
? Sau khi vua Quang Trung qua đời, ai là người kế vị ông?		
? Tình hình nhà Tây Sơn sau đó như thế nào?		
? Sự kiện quân của Nguyễn Phúc Ánh chiếm được Phú Xuân cho biết điều gì?		
? Sự kiện nào cho biết nhà Tây Sơn chính thức sụp đổ và sự ra đời của nhà Nguyễn?		
Gv cung cấp thông tin		
- Vua Gia Long tên là Nguyễn Phúc Ánh (Anh), ngoài ra còn có tên là Chung và Noãn, con thứ 3 của Nguyễn Phúc Côn (Luân) và bà Nguyễn Thị Hoàn. Nguyễn Phúc Ánh sinh ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (8-2-1762).		
Năm 1775, lợi dụng sự suy sụp của triều đình chúa Nguyễn do cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, quân Trịnh vào chiếm Phú Xuân khiến Nguyễn Phúc Ánh phải trốn vào Nam. Từ đó ông bôn tẩu gian nan, tìm đủ mọi cách chiêu tập lực lượng để giành lại vương quyền cho họ Nguyễn.		
- Theo lịch sử ghi chép, triều đại nhà Nguyễn đã trải qua 13 đời trị vị, từ năm 1802 đến năm 1945. Cũng giống như bao		

triều đại khác, triều đại nhà Nguyễn cũng đã có những bước phát triển, thăng trầm theo suốt dòng chảy lịch sử Việt Nam.

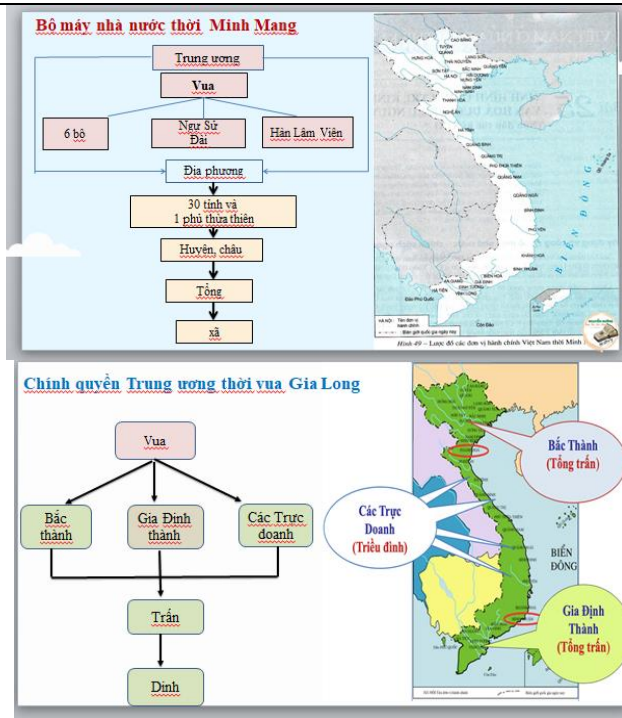


Nhiệm vụ 2: Nhà Nguyễn củng cố quyền lực thống trị

- Gv hướng dẫn Hs Quan sát và khai thác được sơ đồ 19.2 các đơn vị hành chính Việt Nam thời Gia Long. Sơ đồ cho thấy 3 nhánh hành chính nào Vì sao nhà vua chỉ trực tiếp quản lí 4 doanh và 7 trấn. Điều đó ảnh hưởng như thế nào đến tính tập quyền? Vì sao 5 nội trấn Bắc Thành và 2 trấn Thanh Hóa, Nghệ An lại do các cựu thân nhà Lê đứng đầu.
- Quan sát và khai thác được lược đồ 19.3 về hành chính thời Minh Mạng - Bản đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ (lưu ý tên bản đồ, tên nước đơn vị hành chính, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa đã tách thành hai tên riêng nhưng vẫn chung 1 đơn vị hành chính.
- Về hành chính



19.2 Sơ đồ các đơn vị hành chính Việt Nam thời Gia Long



- Về pháp luật:

Bộ luật Gia Long gồm 398 điều chia thành 22 quyển. Bộ luật phân thành 6 loại tương ứng với chức năng do 6 bộ phụ trách để tiện thi hành, gồm: Danh lệ, Lại luật, Hộ luật, Lễ luật, Binh luật, Công luật và Tỳ dẫn luật đều quy định về việc áp dụng luật pháp.

Trong 398 điều của Bộ luật Gia Long, có tới 79 điều quy định về các tội liên quan đến tham nhũng, điều chỉnh hành vi của quan lại lạm quyền. Điều 31 quy định, quan lại nhận hối lộ phải chịu hình phạt thấp nhất là 70 trượng, cao nhất là treo cổ. Điều 111 quy định, quan lại dùng uy thế (chức vụ) vô cớ bắt trói người và tra khảo họ nơi tư gia (không kể có thương tích hay không thương tích) thì tăng hơn người thường 2 bậc tội. Nếu nạn nhân chết, người ấy bị xử treo cổ...

Một số điều trong Luật Gia Long liên quan đến đạo đức xã hội

Quyển 9, mục Lễ luật, Điều 17, quy định: ...Nếu con đối với cha mẹ, cháu đối với ông bà già trên 80 tuổi mà lại bị bệnh nặng, trong nhà không có ai thay mình chăm sóc, mà không

chịu về hậu hạ. khép vào tội bỏ nhiệm vụ chăm sóc cha mẹ... phạt 80 trượng". Quyển 15, mục Hình luật, Điều 10, quy định: "Nếu đánh thầy dạy học của mình thì tăng thêm hai bậc tội so với đánh người thường. <i>(Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long), tập III và tập IV, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994, trang 448 và trang 761)</i> - Về quân đội - Tăng cường củng cố lực lượng quân đội - Về đối ngoại + Với nhà Thanh: Phục tùng + Với Chân Lạp, Lào: Bắt họ thần phục + Với phương Tây: đóng cửa Đường lối ngoại giao đặc trưng của chế độ phong kiến mang tính bảo thủ, lạc hậu và sai lầm ở giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm, HS trả lời ôn tập kiến thức

Câu 1: Vua Gia Long đã cho ban hành bộ luật nào ?

- A. Hoàng triều luật lệ.
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Hình thư

Câu 2: Nhà Nguyễn được thành lập vào năm nào?

- A. 1804
- B. 1803
- C. 1802
- D. 1801

Câu 3: Nhà Nguyễn ở đầu thế kỉ XIX có mối quan hệ như thế nào với nhà Thanh?

- A. thần phục
- B. đối đầu gay gắt
- C. không ổn định lúc đối đầu, lúc hòa dịu
- D. không có quan hệ gì

Câu 4: Công lao to lớn đầu tiên của nhà Nguyễn đối với lịch sử dân tộc đầu thế kỉ XIX là gì?

- A. hoàn thành thống nhất đất nước
- B. ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ
- C. ổn định đời sống nhân dân
- D. thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển

Câu 5: Đâu là nguyên nhân chính khiến nhà Nguyễn thi hành chính sách "bế quan tỏa cảng", đóng cửa thậm chí là cự tuyệt các nước phương Tây ?

- A. Vì các nước trong khu vực cũng đều đóng cửa, không giao thiệp với phương Tây.
- B. Vì nhà Nguyễn chỉ muốn buôn bán và quan hệ với những nước trong khu vực.
- C. Vì lo sợ nguy cơ xâm lược từ các nước tư bản phương Tây.
- D. Vì các nhà buôn phương Tây không trung thực trong buôn bán.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

1. In-do-ne-xia
2. Bồ Đào Nha
3. Anh
4. Cần Vương

5. Tây Ban nha

6. Việt nam

7. Đông-ti-mo

8. Mác

Từ khóa: Đông nam á

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm hiểu thêm những điều luật trong bộ luật Hoàng Triều luật lệ (Luật Gia Long) mà có thể áp dụng cho xã hội hiện nay?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 37:**BÀI 16: VIỆT NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX) (TIẾT 2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.
- Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Suu tầm ca dân, tục ngữ ở địa phương phản ánh tình hình xã hội phong kiến, nhận xét về các thành tựu nghệ thuật thời kì này
- Biết phân tích giá trị những thành tựu đã đạt được về khoa học - kĩ thuật ở nước ta thời kì này.
- Có những việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.
- Vận dụng kiến thức trong bài về quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa với quần đảo Hoàng Sa, rút ra những bằng chứng lịch sử có ý nghĩa đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo ngày nay.

3. Về phẩm chất

- Lòng yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc.
- Trách nhiệm: Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS 1 đoạn video về ngành làm gốm và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Xem video và cho biết đoạn video đang nhắc đến nghề thủ công nghiệp nào dưới thời Nguyễn?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những nét chính về tình hình sự phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Kinh tế GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm		1. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX a. Kinh tế - Nông nghiệp: Nhà Nguyễn đã quan tâm đến việc tổ chức khai hoang, di dân lập ấp, lập đồn điền ở nhiều tỉnh phía bắc và phía nam. - Thủ công nghiệp: Thủ công nghiệp có những cải tiến nhất định về kĩ thuật. Nghề khai mỏ được đẩy mạnh. - Thương nghiệp: Hoạt động buôn bán trong nước và với nước ngoài ngày càng tăng.								
<table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Tình hình nổi bật</th></tr><tr><td>Nông nghiệp</td><td></td></tr><tr><td>Thủ công nghiệp</td><td></td></tr><tr><td>Thương nghiệp</td><td></td></tr></table>	Lĩnh vực	Tình hình nổi bật	Nông nghiệp		Thủ công nghiệp		Thương nghiệp			b. Xã hội - Cuộc sống cơ cực của người dân và các mâu thuẫn xã hội khác đã làm bùng nổ nhiều cuộc nổi dậy chống nhà Nguyễn. - Tiêu biểu là các cuộc
Lĩnh vực	Tình hình nổi bật									
Nông nghiệp										
Thủ công nghiệp										
Thương nghiệp										
GV cho HS xem 1 số bức tranh và mời HS tham gia trò chơi “thử tài đoán tranh”										
										





khởi nghĩa của Phan Bá Vành (1821 – 1827), của Lê Duy Lương (1833), của Nông Văn Vân (1853 – 1835), của Cao Bá Quát (1851 1856)....

? Em có nhận xét gì về đề tài tranh dân gian? Qua đó nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?

Nhiệm vụ 2: xã hội

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Trình bày những nét chính về tình hình xã hội thời Nguyễn?

? Liệt kê các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu chống lại triều Nguyễn? Lý giải vì sao họ khởi nghĩa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

Nhiệm vụ 1: Kinh tế

- GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu ảnh, cho biết đặc trưng

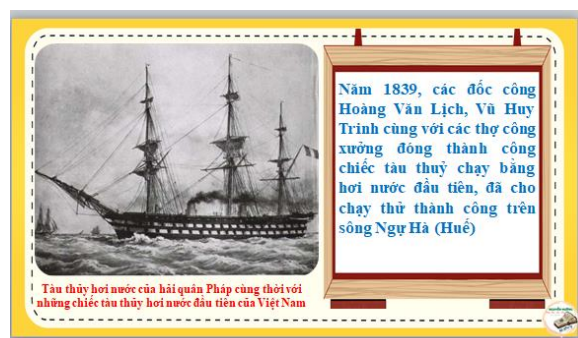
của nền nông nghiệp Việt Nam thời ấy: Hình tượng cây lúa nước được khắc trên Cửu đỉnh thời Nguyễn cho em biết thông tin gì? Trên đỉnh có khắc chữ gì? - HS trình bày được những nét chính về phát triển nông nghiệp thời Nguyễn (khảo hoang doanh điền, trị thủy) - HS xác định được chính sách mà nhà Nguyễn thực hiện hiệu quả nhất trong nông nghiệp. GV gợi ý, các chính sách khai hoang đều phát huy hiệu quả, nổi trội nhất đó là chính sách “doanh điền” và có sự kết hợp giữa nhà nước và nhân dân khai hoang với sự góp vốn ban đầu của nhà nước (là tài sản quan trọng, vốn làm ăn mà không phải người dân nào cũng có). Quan trọng hơn, đất doanh điền sẽ được phân phối cho những người có công tùy theo thời điểm, điều kiện này khuyến khích nhân dân hăng hái khai phá. Số ruộng đất vì vậy tăng lên nhanh chóng nhiều làng xã, ấp mới xuất hiện. - GV hướng dẫn HS xác định được những chính sách làm hạn chế sự phát triển của giao thương - Giải thích: Việc đánh thuế nặng hoặc đánh thuế nhiều lần lên hàng hóa buôn bán trong nước sẽ dẫn đến hệ lụy gì? (thương nhân nản lòng vì không có lãi hoặc bị lỗ, gây phiền hà, chuyển sang làm nông hoặc làm thủ công. Cuối cùng nguồn thu của nhà nước bị giảm sút) Vì sao nhà Nguyễn kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán với nước ngoài, đặc biệt là người phương Tây). Hành động kiểm soát chặt chẽ đó cho thấy tầm nhìn của các vua nhà Nguyễn như thế nào? GV cung cấp thêm tư liệu và hình ảnh Kênh Vĩnh Tế dài 87 km, từ Châu Đốc đến Hà Tiên, chảy qua hai tỉnh An Giang, Kiên Giang ngày nay. Kênh được đào từ năm 1819 đến năm 1824, gắn bó với dân cư của hàng chục làng ấp ven kênh. Ca dao ngày ấy có câu: “Kênh Vĩnh Tế, biển Hà Tiên,	
--	--

Ghe thuyền xuôi ngược, bán buôn dập dìu”

- Doanh điền Nguyễn Công Trứ đã tâu với vua: “Cái hại quan lại làm một, hai phần còn cái hại cường hào đến 8,9 phần”.

“Không chỉ có nhân dân than thở: “muốn nói ra làm quan mà nói” hay “quan tha, nha bắt”... mà cả vua Minh Mạng cùng bất bình đã từng nhận xét: “bọn quan lại xem pháp luật như hư văn xoay xở nhiều vành, chỉ cốt lấy tiền không được thì buộc tội”.

(trích Đại Nam thực lục)





Nhiệm vụ 2: Xã hội

Gv cung cấp thông tin qua thơ văn

“Con ơi nhớ lấy câu này

Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan”

“Không chỉ có nhân dân than thở: “muốn nói ra làm quan mà nói” hay “quan tha, nha bắt”... mà cả vua Minh Mạng cùng bất bình đã từng nhận xét: “bọn quan lại xem pháp luật như hư văn xoay xở nhiều vành, chỉ cốt lấy tiền không được thì buộc tội”.

(trích Đại Nam thực lục)

Hàng trăm cuộc nổi dậy từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi đến miền ngược đã bùng lên trong suốt hơn nửa thế kỷ thống trị của nhà Nguyễn. Nổi bật hơn cả là các cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát...

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

? Các chính sách về sự phát triển nông nghiệp thời Nguyễn

- Chú trọng khẩn hoang
- Triều Nguyễn thực hiện chính sách doanh điền.
- Triều Nguyễn đào nhiều sông và kênh rạch ở phía Nam.

? Các nghề thủ công nghiệp thời kì này của nhà Nguyễn

- Nghề làm gốm sứ, dệt vải, nấu đường... ngày càng phổ biến và chuyên nghiệp. - Đặc biệt thời kì này xuất hiện nghề in tranh. Những làng nghề nổi tiếng như làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), Làng Sình (Huế)... ? Các chính sách về sự phát triển thương nghiệp thời Nguyễn - Nội thương: Buôn bán phát triển. - Ngoại thương: rất nhộn nhịp. - Hệ thống thuế khóa đã làm hạn chế nhiều hoạt động buôn bán B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

Lập và hoàn thành bằng hệ thống (theo gợi ý dưới đây) về một số thành tựu tiêu biểu dưới thời Nguyễn,

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Viết một bài phỏng vấn giới thiệu về kênh Vĩnh Tế

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 38:

BÀI 16: VIỆT NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX) (TIẾT 3)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.

- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.

- Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Suu tầm ca dân, tục ngữ ở địa phương phản ánh tình hình xã hội phong kiêu, nhận xét về các thành tựu nghệ thuật thời kì này
- Biết phân tích giá trị những thành tựu đã đạt được về khoa học - kĩ thuật ở nước ta thời kì này.
- Có những việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.
- Vận dụng kiến thức trong bài về quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa với quần đảo Hoàng Sa, rút ra những bằng chứng lịch sử có ý nghĩa đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo ngày nay.

3. Về phẩm chất

- Lòng yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc.
- Trách nhiệm: Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh về Mộc bản triều Nguyễn yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
? Em có cảm nhận gì về hình ảnh này



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Sự phát triển của văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những nét chính về tình hình sự phát triển văn hóa của Việt Nam thời nhà Nguyễn.

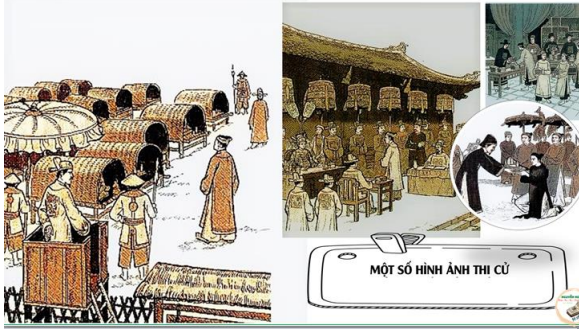
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

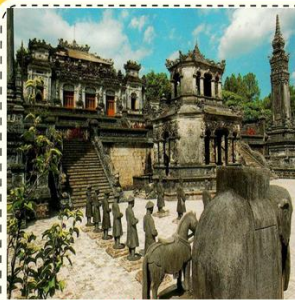
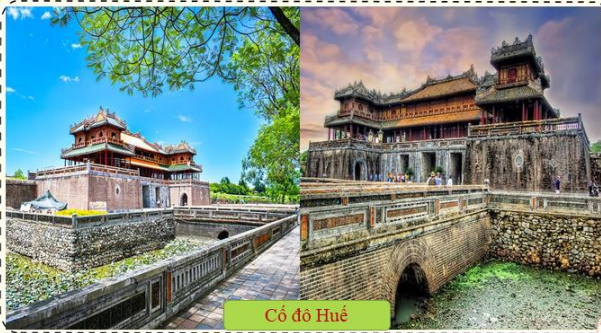
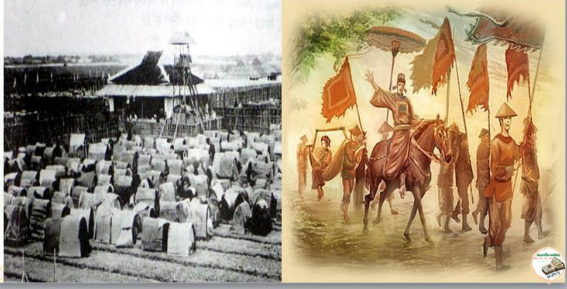
d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cặp đôi GV yêu cầu thảo luận theo cặp đôi và hoàn thành bảng	2. Sự phát triển của văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

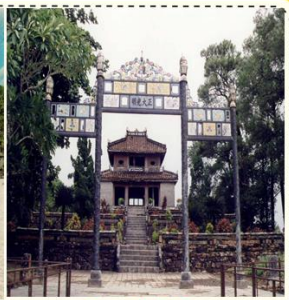
sau		- Văn học: Dòng văn học viết với nhiều tác phẩm có giá trị phần lớn được sáng tác bằng chữ Nôm làm phong phú thêm nền văn học dân tộc. Văn học dân gian được thể hiện dưới nhiều hình thức. - Nghệ thuật: Nhã nhạc đến thời Nguyễn phát triển đến đỉnh cao. Văn nghệ dân gian xuất hiện hàng loạt làn điệu dân ca. - Tôn giáo: Phật giáo thời kì này tiếp tục phát triển. Các giáo sĩ phương Tây tích cực truyền bá Công giáo. - Khoa học: Một số bộ địa lí và địa lí lịch sử, y dược học có giá trị được biên soạn
Lĩnh vực		
Văn học		
Nghệ thuật		
Tôn giáo		
Khoa học		
Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm		
Cả lớp sẽ chia làm 4 nhóm các nhóm sẽ được nghe một đoạn dân ca và sau đó hát lại theo lời karaoke. Nhóm nào hát hay nhất sẽ nhận được 1 phần thưởng		
B2: Thực hiện nhiệm vụ		
GV hướng dẫn HS trả lời		
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.		
GV cung cấp cho HS tư liệu và hình ảnh		
		
		



- Từ năm 1807, nhà Nguyễn đã bắt đầu tổ chức các kì thi Nho học



Lăng Khải Định



Lăng Minh Mạng



- **Chiếu xây dựng việc học!**

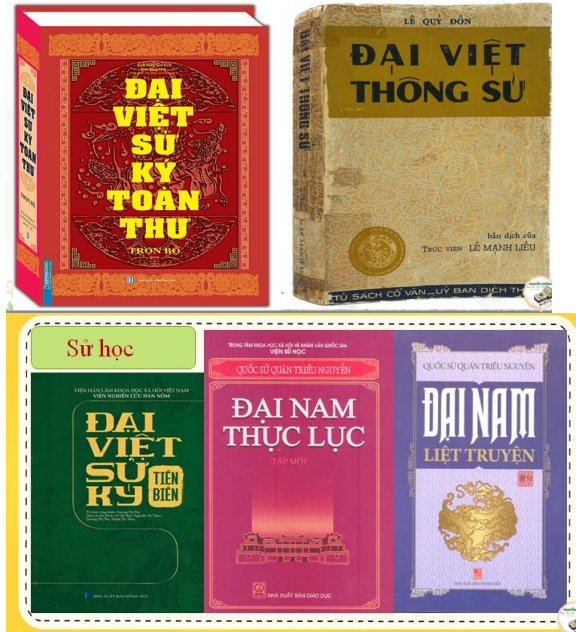
Xuống chiếu cho quan viên và toàn thể dân chúng trong thiên hạ được biết: Xây dựng đất nước lấy dạy học làm đầu, tìm lễ trị bình, tuyển nhân tài làm gấp. Trước kia bốn phương nhiều việc biến động, chế độ học hành không được sửa sang, phép khoa cử dần dần sa sút, nhân tài ngày một khan hiếm. Việc đời lúc yên, lúc loạn là lẽ tuần hoàn. Song sau khi loạn càng cần phải hưng khởi chấn chỉnh, lập giáo hóa, đặt khoa cử. Đó là quy mô lớn chuyển loạn thành trị vậy.

Trăm buổi đầu đại định vẫn có ý coi trọng Nho học, lưu tâm yêu mến kẻ sĩ, muốn tìm những người thực tài để giúp ích cho đất nước. Chiếu này ban xuống, dân các xã nên lập nhà học của xã mình, chọn những Nho sĩ có học hạnh, đặt làm chức giảng dụ cấp xã để dạy dỗ học trò. Còn như từ vũ ở các phủ thì cho phép dân địa phương chọn làm nơi để quan huân đạo của phủ đến đặt làm trường giảng tập của phủ. Hẹn trong năm nay sẽ mở khoa thi hương chọn lấy những Tú tài hạng ưu sung vào trường quốc học, còn hạng thứ thì đưa về trường học ở phủ. Những người đỗ Hương cống của triều cũ chưa được bổ nhiệm thì đưa đến triều đình đợi sung bổ vào các chức Huân đạo, Tri huyện. Các Nho sinh và Sinh đồ cũ đều cho đợi đến kỳ để vào thi. Loại ưu thì được vào tuyển, loại kém thì trả về trường học của xã. Còn các “Sinh đồ ba quan” thì đều trả về hạng thường dân, và phải cùng gánh vác phu phen tạp dịch. Từ nay về sau, các xã hễ đặt chức giảng dụ thì phải nộp danh sách cho quan huyện, để chuyển đệ lên, để quan triều đình cấp bằng, khiến họ biết được sự khích lệ của trên.

Việc này quan hệ đến điển chương lớn buổi đầu, ai nấy phải mài rũa chí khí, phấn chấn tinh thần để đón phúc lành, để

cùng bước lên con đường thênh thang, giúp cho nền thịnh trị trong sáng.

Vậy bố cáo xa gần, khiến mọi người đều biết”.



Đại Việt sử ký tiền biên là bộ sử biên niên gồm 17 quyển, viết bằng chữ Hán do Ngô Thì Sĩ biên soạn, Ngô Thì Nhậm hiệu đính. Sách chép lịch sử từ Hồng Bàng đến hết thời thuộc Minh, chia thành 2 phần: ngoại kỉ từ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân gồm 7 quyển; bản kỉ từ nhà Đinh đến hết thuộc Minh, gồm 10 quyển. Phần đầu sách liệt kê danh sách các sử gia: Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Lê Tung, Nguyễn Nghiễm, Ngô Thì Sĩ.

Hoàng Việt nhất thống dư địa chí được xem là bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn. Bộ sách được viết từ rất sớm, khi hoàng đế Gia Long vừa đăng quang, đang trong thời gian tổ chức và ổn định triều chính sau mấy thế kỷ nhân dân phải trải qua nạn binh đao, cát cứ. Mặt khác, diện mạo đất nước đương thời đã hoàn toàn đổi khác, biên cương được mở rộng phía Bắc từ Tuyên – Lạng, phía Nam đến Hà Tiên.

“Hoàng Việt nhất thống dư địa chí” vừa là một thư tịch chính thống nhằm khẳng định cương vực của quốc gia, vừa tỏ rõ ý thức độc lập, văn hiến của một dân tộc tự cường vào đầu thế kỷ XIX. Sự ra đời của Hoàng Việt nhất thống dư địa chí có ý nghĩa rất lớn đối với công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng

triều đại của nhà Nguyễn. Lãnh thổ dài rộng từ Nam chí Bắc được chép trong đó là một biểu thị về sự hùng mạnh của Việt Nam vào đầu thế kỷ đó. - Lê Quý Đôn nguyên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh ngày 2-8-1726, cha là tiến sĩ Lê Trọng Thứ, quê làng Diên Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông là người học giỏi, 6 tuổi biết làm thơ, 17 tuổi thi đỗ giải nguyên, 26 tuổi ông đỗ bảng nhãn, giữ nhiều chức vụ ở triều Lê- Trịnh. - Tác phẩm và công trình lớn: Vân đài loại ngữ là một loại "bách khoa thư" đánh dấu một bước tiến bộ vượt bậc đối với nền khoa học Việt Nam thời phong kiến. - Đại Việt thông sử (Lê triều thông sử) viết theo thể ký truyện về triều Lê. - Kiến văn tiểu lục là tập bút ký về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ đời Trần đến đời Lê. - Phủ biên tạp lục, được viết về tình hình xã hội Đàng Trong từ thế kỷ thứ XVIII trở về trước. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Dự kiến sản phẩm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

4. Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nhà Nguyễn

a. Mục tiêu:

- Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và viết câu trả lời vào bảng nhóm Em hãy liệt kê ít nhất 3 bằng chứng lịch sử chứng minh việc nhà Nguyễn thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS Đọc hiểu và bước đầu khai thác được thông tin Hình 16.7: Đại Nam nhất thống toàn đồ. Là bản đồ nước ta thời Nguyễn, vẽ khoảng năm 1838. Bản đồ có ghi hai tên “Hoàng Sa” và Vạn lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam. Đây là một bằng chứng cụ thể thể hiện sự xác lập, thực thi chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa. - Tư Liệu 2: Đây là những tư liệu thể hiện quá trình xác lập, thực thi chủ quyền của các vua nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa với những bằng chứng đáng tin cậy. GV cung cấp thông tin - Thời Gia Long, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi Triều đình lập lại hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải, biên chế nằm trong lực lượng quân đội, với nhiệm vụ thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Hồi kí của G. B. Se nhỏ (Jean Baptiste Chaigneaul, một người Pháp, làm quan thời Gia Long, năm 1820, có đoạn viết - vị vua Hiện nay (vua Gia Long) tuyên xưng Hoàng đế gồm xứ Nam Hà... xứ Bắc Hà... một vài đảo có dân cư ở không xa bờ	4. Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nhà Nguyễn - Nhà Nguyễn tiếp tục quản lí và khai thác vùng quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa mà trước đó chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn đã thực hiện.

biển và quần đảo Paracel (quần đảo Hoàng Sa) hợp thành từ những đảo nhỏ, bãi ngầm và mỏm đá không có người ở. Chỉ đến năm 1816, đương kim hoàng đế mới chiếm hữu được quần đảo này. <i>(Hán Nguyễn Nguyễn Nhã, Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, trang 55)</i> - Đến thời Minh Mạng hoạt động thực thi chủ quyền trên quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa tiếp tục được đẩy mạnh: việc đo đạc kết hợp với vẽ bản đồ được quan tâm thực hiện. Nhà vua đã cho dựng miếu thờ và trồng cây xanh ở quần đảo Hoàng Sa,... Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân “Sai Suất đội Thủy quân Phạm Hữu Nhật, đem binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo 10 cai bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, một bài khắc những chữ “Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vòng mệnh đi Hoàng Sa trông nom do đọc đến đây lưu dấu để ghi nhớ. <i>(Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục tập 4, NXB Giáo dục Hà Nội, 2007, trang 867</i> - Giải mã sơ đồ :Tính chính xác của sơ đồ dựa trên tư liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn. - Nội dung sơ đồ: Hoạt động của Hải đội Hoàng Sa và thủy quân nhà Nguyễn trên vùng biển quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa (quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa) thời nhà Nguyễn đã phân định thành hai đơn vị hành chính với tên gọi là Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa nhưng vẫn được xem là một vùng và thuộc một đơn vị hành chính (theo bản đồ Minh Mạng 1838).	
--	--

- Nêu những bằng chứng lịch sử chứng minh việc nhà Nguyễn thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa . - Bằng chứng lịch sử: bản đồ tài liệu ghi chép của người nước ngoài: tài liệu của Quốc sử quán Triều Nguyễn.. - Bằng chứng cho thấy việc thực thi chủ quyền, Chính sách của các vua Triều Nguyễn và bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo. Hoạt động của hai đội Hoàng Sa và thủy quân Triều Nguyễn ở Biển Đông quần đảo Hoàng Sa quần đảo Trường Sa . B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Dự kiến sản phẩm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi ô chữ:

1. Nơi có cung điện, lăng tẩm các vua Nguyễn? (3 ô)
2. Thơ của ai có nội dung đã kích vua quan phong kiến, bênh vực quyền sống của phụ nữ? (11 ô)
3. Một ngôi chùa có kiến trúc nổi tiếng đầu thế kỉ XIX? (13 ô)
4. Tác phẩm “Chinh phụ ngâm khúc” của ai? (11 ô)
5. Cuối thế kỉ XIII-nửa đầu thế kỉ XIX, loại văn học nào phát triển đến đỉnh cao? (12 ô)
6. Một kiệt tác văn học bằng chữ Nôm của nước ta vào nửa đầu thế kỷ XIX là: (10 ô)
7. Tranh dân gian nổi tiếng đầu thế kỉ thứ XIX là: (11 ô)

8. Cửu đỉnh được đặt tại đâu? (11 ô)

9. Kinh đô Huế được xây dựng từ triều vua nào? (7 ô)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

1. Huế

2. Hồ Xuân Hương

3. Chùa Tây Phương

4. Đoàn Thị Điểm

5. Văn học chữ Nôm

6. Truyện kiều

7. Tranh đông hồ

8. Cung điện Huế

9. Gia Long

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sưu tầm về một trong những thành tựu tiêu biểu của Việt Nam thời Nguyễn. Giới thiệu tư liệu đó với thầy cô và bạn học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 39

**CHỦ ĐỀ 2: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN
VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (Tiết 1)**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông.
- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như: bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để hình thành kiến thức về vị trí, phạm vi vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

2. Năng lực:

* *Năng lực chung:* Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

* *Năng lực chuyên biệt:*

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:*

- + Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- + Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
- + Phân tích được những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của biển đảo Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử:*

- + Đánh giá công lao to lớn của các thế hệ cha ông đã quên mình để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và biển đảo của Việt Nam như ngày nay.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
- + Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

3. Phẩm chất

- + *Chăm chỉ:* HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.
- + *Trách nhiệm:* HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.
- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Lược đồ phạm vi biển Đông.
- Sơ đồ đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.
- Tranh ảnh, tư liệu, máy tính, ti vi

2. Học sinh:

- Tranh ảnh, tư liệu, dụng cụ học tập liên quan để nội dung bài học theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về vùng biển đảo Việt Nam với nội dung chủ đề.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi thông qua trò chơi

c. Sản phẩm: Phần trình bày đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi “Ai thông minh hơn HS lớp 5”

Có 4 câu hỏi theo dạng trắc nghiệm, HS giơ tay trả lời, HS nào có đáp án chính xác nhất và nhanh nhất sẽ dành được điểm cộng



Câu 1: Hòn đảo nào được mệnh danh là “Đảo tôm hùm” ở Việt Nam?

A. Bình Ba

B. Cát Bà

C. Phú Quốc

D. Phú Quý

Câu 2: Đảo nào lớn nhất Việt Nam?

A. Bạch Long Vĩ

B. Phú Quốc

C. Thổ Chu

D. Lý Sơn

Câu 3: Vịnh Hạ Long thuộc quản lý của tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A. Bắc Ninh

B. Quảng Ninh

C. Hải Phòng

D. Thái Bình

Câu 4: Hãy điền từ còn thiếu vào câu khẩu hiệu của lực lượng hải quân Việt Nam:

“Đảo là nhà, là quê hương”

A. Mẹ

B. Sóng biển

C. Biển

D. Biển cả

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	B	D

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Cùng với phần đất liền, biển đảo là không gian sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam từ bao đời nay. Hiểu biết về biển đảo sẽ góp phần phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Để biết những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, chúng ta cùng tìm hiểu thông qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam

- a. Mục tiêu:** - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi Quan sát lược đồ và dựa vào thông tin trong mục, hoàn thành các câu hỏi sau về vị trí của Biển Đông. ? Ngoài tên gọi Biển Đông thì vùng biển này còn có những tên gọi nào khác? ? Biển Đông thuộc đại dương nào? ? Xác định vị trí đại lý và phạm vi các vùng biển Việt Nam ? Nêu tên và xác định trên bản đồ các huyện đảo của Việt Nam Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.	1. Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam - Vùng biển Việt Nam trong Biển Đông bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền - Vùng biển Việt Nam diện tích khoảng 1 triệu km2 (gấp hơn ba lần diện tích

GV cung cấp thông tin tư liệu

- Biển Đông là tên riêng mà Việt Nam dùng để gọi vùng biển này. Nó có tên quốc tế là South China Sea (tiếng Anh, nghĩa là biển ở phía Nam Trung Quốc) hay Mer de Chine méridionale (tiếng Pháp)



- Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước.

(Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435).

- Các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp Biển Đông: Biển Đông được bao bọc bởi 9 nước là: Việt Nam, Trung Quốc, Phi líp pin, In-đô-nê-xia, Bru này, Ma-lai-xi-a, Xin ga po, Thái Lan, Cam-pu-chia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan.



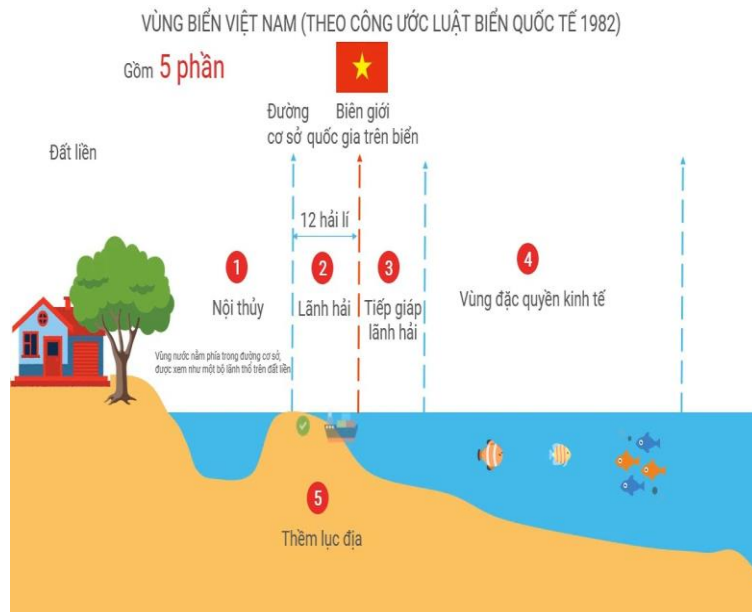
Hình 2. Bản đồ Biển Đông và các quốc gia Đông Nam Á hiện nay

- Theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, vùng biển Việt Nam trong Biển Đông bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng

phần đất liền).

- Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ.

tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.



- Vùng biển của Việt Nam mở rộng ra tới ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trên Biển Đông với diện tích khoảng 1 triệu km² (gấp hơn ba lần diện tích phần đất liền).



- Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa ở giữa Biển Đông.

CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐẢO Ở VIỆT NAM, NĂM 2022			
STT	Đơn vị	Diện tích đất nổi (km²)	Trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1	Huyện Vân Đồn	551,30	Tỉnh Quảng Ninh
2	Huyện Cô Tô	46,20	Tỉnh Quảng Ninh
3	Huyện Cát Hải	345,00	Thành phố Hải Phòng
4	Huyện Bạch Long Vĩ	2,50	Thành phố Hải Phòng
5	Huyện Côn Cỏ	2,50	Tỉnh Quảng Trị
6	Huyện Hoàng Sa	305,00	Thành phố Đà Nẵng
7	Huyện Lý Sơn	9,97	Tỉnh Quảng Ngãi
8	Huyện Trường Sa	496,00	Tỉnh Khánh Hòa
9	Huyện Phú Quý	16,00	Tỉnh Bình Thuận
10	Huyện Côn Đảo	75,15	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
11	Huyện Kiên Hải	30,00	Tỉnh Kiên Giang
12	Thành phố Phú Quốc	589,23	Tỉnh Kiên Giang

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân/nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm thông qua các trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi” Thu hoạch cà rốt” HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm cá nhân



Câu 1 : Bờ biển nước ta nằm ở phía nào của Biển Đông?

- A. Phía Tây của Biển Đông
- B. Phía Đông của Biển Đông
- C. Phía Bắc của Biển Đông
- D. Phía Nam của Biển Đông

Câu 2 : Đâu không phải là tài nguyên biển

- A. Tài nguyên sinh vật
- B. Tài nguyên lâm nghiệp
- C. Tài nguyên khoáng sản
- D. Tài nguyên du lịch

Câu 3: Biển Việt Nam có diện tích bao nhiêu?

- A. Khoảng 2 triệu km²
- B. Khoảng 10 triệu km²
- C. Khoảng 100 triệu km²
- D. Khoảng 1 triệu km²

Câu 4: Hai Quần đảo lớn nhất ở nước ta là

- A. Hoàng Sa và Trường sa
- B. Đảo Phú Quý và Hoàng Sa
- C. Đảo Lý Sơn và Trường sa
- D. Song Tử Tây và Đảo Phú Quý

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí, lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử và địa lí vào cuộc sống

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Việt Nam là một trong những nước có lợi thế về biển. Theo em, chúng ta phải làm những gì để khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 40**CHỦ ĐỀ 2: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN
VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (Tiết 2)****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông.
- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như: bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để hình thành kiến thức về vị trí, phạm vi vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

2. Năng lực:

* *Năng lực chung:* Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

* *Năng lực chuyên biệt:*

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:*

- + Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- + Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
- + Phân tích được những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của biển đảo Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử:*

- + Đánh giá công lao to lớn của các thế hệ cha ông đã quên mình để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và biển đảo của Việt Nam như ngày nay.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- + Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

3. Phẩm chất

- + *Chăm chỉ:* HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.
- + *Trách nhiệm:* HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Lược đồ phạm vi biển Đông.
- Sơ đồ đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.
- Tranh ảnh, tư liệu, máy tính, ti vi

2. Học sinh:

- Tranh ảnh, tư liệu, dụng cụ học tập liên quan để nội dung bài học theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về vùng biển đảo Việt Nam với nội dung chủ đề.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi thông qua trò chơi

c. Sản phẩm: Phần trình bày đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi “Ai thông minh hơn HS lớp 5”

Có 4 câu hỏi theo dạng trắc nghiệm, HS giơ tay trả lời, HS nào có đáp án chính xác nhất và nhanh nhất sẽ dành được điểm cộng



Câu 1: Hòn đảo nào được mệnh danh là “Đảo tôm hùm” ở Việt Nam?

A. Bình Ba

B. Cát Bà

C. Phú Quốc

D. Phú Quý

Câu 2: Đảo nào lớn nhất Việt Nam?

A. Bạch Long Vĩ

B. Phú Quốc

C. Thổ Chu

D. Lý Sơn

Câu 3: Vịnh Hạ Long thuộc quản lý của tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A. Bắc Ninh

B. Quảng Ninh

C. Hải Phòng

D. Thái Bình

Câu 4: Hãy điền từ còn thiếu vào câu khẩu hiệu của lực lượng hải quân Việt Nam:

“Đảo là nhà, là quê hương”

A. Mẹ

B. Sóng biển

C. Biển

D. Biển cả

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	B	D

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Cùng với phần đất liền, biển đảo là không gian sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam từ bao đời nay. Hiểu biết về biển đảo sẽ góp phần phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Để biết những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, chúng ta cùng tìm hiểu thông qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Vị trí, phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam

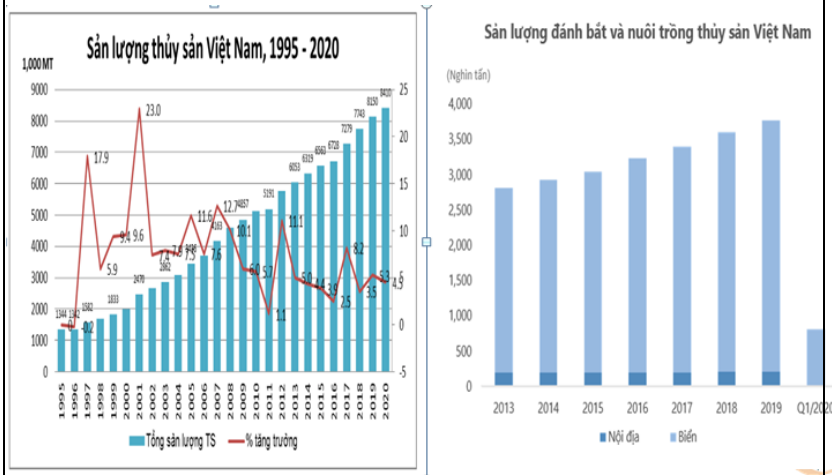
- a. Mục tiêu:** - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
 - b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
 - c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời của HS
 - d. Tổ chức thực hiện**
- 2. Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam**
- a. Mục tiêu-** Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên;
 - b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
 - c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời của HS
 - d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành phiếu học tập sau		2. Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam - Các hệ sinh thái biển rất đa dạng, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái
Đặc điểm môi trường biển đảo	Tài nguyên môi trường biển đảo	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

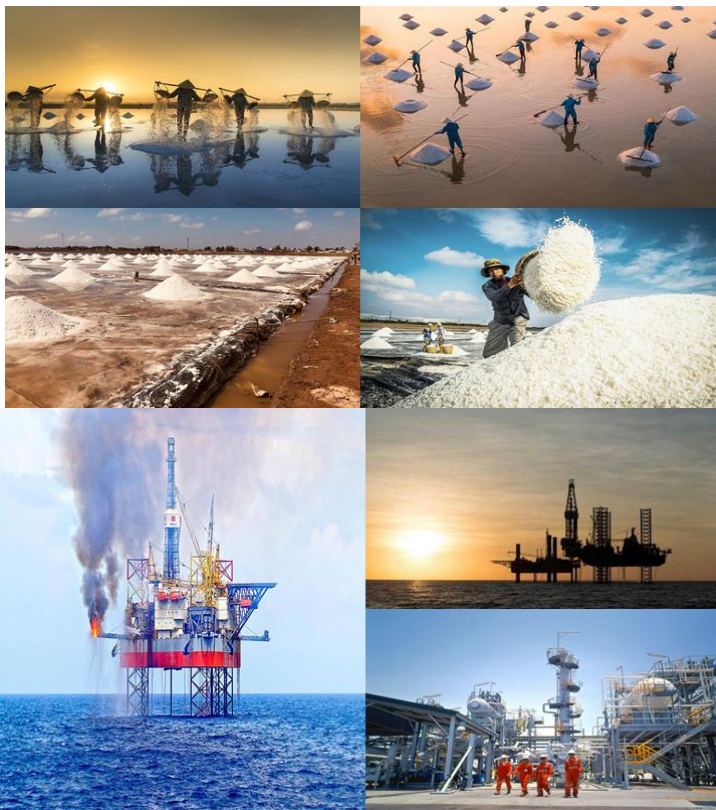
- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV cung cấp thông tin tư liệu



ran san hô. Tuy nhiên, chất lượng môi trường biển đảo có xu hướng suy thoái.

- Vùng biển và hải đảo nước ta có nguồn tài nguyên khá phong phú và đa dạng.





Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Đặc điểm môi trường biển đảo	Tài nguyên môi trường biển đảo
- Chất lượng môi trường nước biển (ven bờ và xa bờ, ven các đảo và cụm đảo) đều còn khá tốt Các hệ sinh thái biển rất đa dạng, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rạn san hô.	- Tài nguyên sinh vật nhiều loài có giá trị kinh tế cao, có thể khai thác 1,6 - 1,7 triệu tấn cá , 60 -70 nghìn tấn tôm, 30-40 nghìn tấn mực. Dọc ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản.

- Chất lượng môi trường biển có xu hướng suy thoái: lượng rác thải, chất thải trên biển tăng, nhiều vùng biển ven bờ bị ô nhiễm, số lượng nhiều loại hải sản suy giảm, một số hệ sinh thái (nhất là hệ sinh thái san hô, cỏ biển....) bị suy giảm.	sản có giá trị cao. - Tài nguyên khoáng sản: nguồn muối vô tận, các khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn như: dầu mỏ, khí tự nhiên, cát thủy tinh, titan.... - Tài nguyên du lịch biển đảo đặc sắc đa dạng.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân/nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm thông qua các trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**
- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**
- GV tổ chức trò chơi” Thu hoạch cà rốt” HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm cá nhân**



Câu 1 : Bờ biển nước ta nằm ở phía nào của Biển Đông?

- A. Phía Tây của Biển Đông
- B. Phía Đông của Biển Đông
- C. Phía Bắc của Biển Đông
- D. Phía Nam của Biển Đông

Câu 2 : Đâu không phải là tài nguyên biển

- A. Tài nguyên sinh vật
- B. Tài nguyên lâm nghiệp
- C. Tài nguyên khoáng sản
- D. Tài nguyên du lịch

Câu 3: Biển Việt Nam có diện tích bao nhiêu?

- A. Khoảng 2 triệu km²
- B. Khoảng 10 triệu km²
- C. Khoảng 100 triệu km²
- D. Khoảng 1 triệu km²

Câu 4: Hai Quần đảo lớn nhất ở nước ta là

- A. Hoàng Sa và Trường sa
- B. Đảo Phú Quý và Hoàng Sa
- C. Đảo Lý Sơn và Trường sa
- D. Song Tử Tây và Đảo Phú Quý

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí, lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử và địa lí vào cuộc sống

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Việt Nam là một trong những nước có lợi thế về biển. Theo em, chúng ta phải làm những gì để khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 41

**CHỦ ĐỀ 2: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN
VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (Tiết 3)**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông.
- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như: bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để hình thành kiến thức về vị trí, phạm vi vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

2. Năng lực:

* *Năng lực chung*: Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

* *Năng lực chuyên biệt*:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*:

- + Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- + Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
- + Phân tích được những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của biển đảo Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*:

- + Đánh giá công lao to lớn của các thế hệ cha ông đã quên mình để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và biển đảo của Việt Nam như ngày nay.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*:

- + Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

3. Phẩm chất

- + *Chăm chỉ*: HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.
- + *Trách nhiệm*: HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Lược đồ phạm vi biển Đông.
- Sơ đồ đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.
- Tranh ảnh, tư liệu, máy tính, ti vi

2. Học sinh:

- Tranh ảnh, tư liệu, dụng cụ học tập liên quan để nội dung bài học theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về vùng biển đảo Việt Nam với nội dung chủ đề.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi thông qua xem video

c. Sản phẩm: Phần trình bày đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS xem video và trả lời câu hỏi theo cặp đôi

Xem đoạn video cho biết: Trung Quốc đang xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam như thế nào? và chúng ta căn cứ vào đâu để có thể đấu tranh chống lại sự xâm phạm đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích video và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo

a. Mục tiêu: phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Đối với sự phát triển kinh tế GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau ? Kể tên một số hoạt động khai thác tài nguyên vùng biển, đảo nước ta ? Phân tích những thuận lợi đối với phát triển kinh tế ở vùng biển Việt Nam. ? Phân tích những khó khăn đối với phát triển kinh tế ở vùng biển Việt Nam. Nhiệm vụ 2: Đối với bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và viết câu trả lời vào bảng nhóm ? Trình bày những thuận lợi và khó khăn của nước ta đối với bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV cung cấp thông tin tư liệu Nhiệm vụ 1: Kể tên: Giao thông vận tải biển, khai thác khoáng sản, làm muối, khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch biển,.... -Thuận lợi: Hàng năm, nước ta khai thác và nuôi trồng	3. Những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo a. Đối với sự phát triển kinh tế - Thuận lợi Tài nguyên biển (sinh vật, khoáng sản,...) đa dạng, phong phú tạo điều kiện để phát triển nhiều ngành kinh tế biển. - Khó khăn. + Vùng biển nhiệt đới nước ta nhiều thiên tai, đặc biệt là bão. + Cơ sở hạ tầng các vùng biển và hải đảo nhìn chung còn chưa đầy đủ và đồng bộ, không tương xứng với tiềm năng và thế mạnh biển đảo. b. Đối với bảo vệ chủ

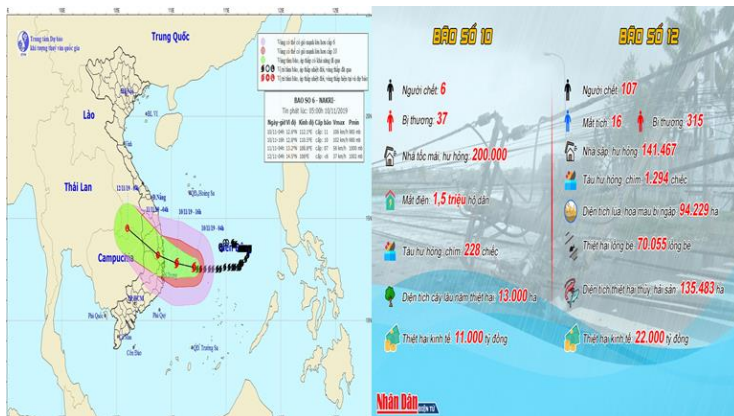
hơn 3 triệu tấn hải sản, thu hút hàng triệu du khách đến vùng biển, đảo.

- Vùng biển nước ta dễ tiếp cận với các tuyến hàng hải quan trọng trong khu vực. Hiện nay, trong tổng số 10 tuyến đường biển lớn trên thế giới, có 5 tuyến đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông

- Hoạt động khai thác khoáng sản như dầu mỏ, khí tự nhiên,... phát triển nhanh

- **Khó khăn:** vùng biển nước ta có nhiều thiên tai và hiện tượng thời tiết bất lợi: bão, nước dâng, sóng lớn, xói lở bờ biển,... gây thiệt hại về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển

- Ở một số nơi, tài nguyên thiên nhiên có dấu hiệu suy giảm, ảnh hưởng đến môi trường và phát triển bền vững.



Sạt lở biển

Nhiệm

vụ 2:

• Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển

quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- **Thuận lợi**

+ Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 là cơ sở pháp lí để các quốc gia khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp trên biển.

+ Việt Nam đã xây dựng được hệ thống luật và pháp luật làm cơ sở để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước trên Biển Đông

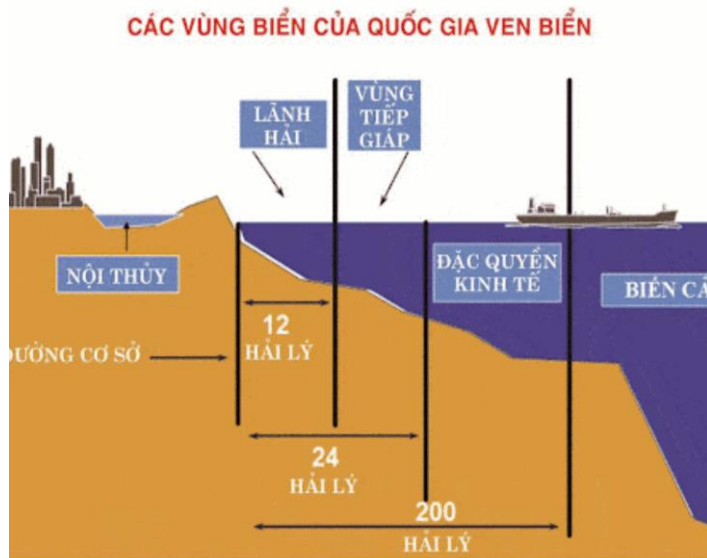
+ Việt Nam tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC), kí một số thoả thuận và hiệp định về phân định và hợp tác trên biển

- **Khó khăn**

+ Hiện nay, khó khăn lớn nhất là tình trạng chông lán giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia đã dẫn đến những tranh chấp,

năm 1982 (UNCLOS), - Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, gọi tắt là UNCLOS 1982), kí ngày 10 – 12 – 1982 tại vịnh Mon-tê-gâu, Gia-mai-ca, có hiệu lực từ ngày 16 – 11 – 1994, là một văn kiện pháp lí đa phương đồ sộ, bao gồm 320 Điều khoản và 9 Phụ lục, với hơn 1.000 quy phạm pháp luật. - Việt Nam là một trong 107 quốc gia ký Công ước tại Montego Bay, Jamaica ngay sau khi văn kiện này được mở ký và là một trong những quốc gia phê chuẩn sớm, trước khi Công ước có hiệu lực. Điều này thể hiện thiện chí, sự coi trọng và kỳ vọng của Việt Nam vào một trật tự pháp lý mới về biển và đại dương. Ngày 23 – 6 – 1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về việc phê chuẩn UNCLOS. Điều 87 thuộc Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc như sau: Điều 87. Tự do trên biển cả 1. Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển. Quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trù định. Đối với các quốc gia, dù có biển hay không có biển, quyền tự do này đặc biệt bao gồm: a) Tự do hàng hải; b) Tự do hàng không 2. Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác, cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến các hoạt động trong vùng,	ảnh hưởng đến tình hình an ninh trên Biển Đông, đòi hỏi giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình.
---	---

-Theo Công ước, các quốc gia ven biển (kể cả các quốc gia quần đảo) có 5 vùng biển như sau: vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa (kể cả thềm lục địa kéo dài). Tùy theo đặc điểm và cấu tạo địa lí mà quốc gia ven biển có đầy đủ 5 vùng biển. Việt Nam là quốc gia ven biển có đặc điểm địa lí phù hợp cho việc yêu sách cả 5 vùng biển nêu trên.



Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

- Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) là văn kiện được các nước ASEAN và Trung Quốc ký ngày 4-11-2002. Việc ký văn kiện này là kết quả nỗ lực của các nước ASEAN cũng như Việt Nam trong việc duy trì hoà bình và ổn định ở Biển Đông.



- Ngày 4 – 11 – 2002 tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), 10 nước ASEAN và Trung Quốc kí Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm thúc đẩy môi trường hoà bình, ổn định và hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực Biển Đông, tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực này một cách hoà bình và lâu dài.

• **Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.**

Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều.

Ban hành Luật Biển Việt Nam là hoạt động lập pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lí của Việt Nam về biển, đảo; lần đầu tiên Việt Nam có văn bản luật quy định đầy đủ chế độ pháp lí của các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng UNCLOS; tạo cơ sở pháp lí quan trọng để Việt Nam thực hiện quản lí, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của mình.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

GV yêu cầu **HS** trả lời.

HS trả lời câu hỏi của **GV**.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân/nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm thông qua các trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Hái táo” HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm cá nhân, Mỗi câu trả lời đúng sẽ hái được 1 quả táo (tương đương 1 dấu cộng)



Câu 1 : Công ước Luật Biển của Liên hợp quốc được kí kết vào năm nào?

A. 1982

B. 1930

C. 1945

D. 1991

Câu 2 Đâu không phải là thuận lợi của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển đảo?

A. Tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc

B. Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.

C. Nghiên cứu, chế tạo vũ khí hạt nhân

D. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

Câu 3: Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) có một quốc gia không nằm trong khối ASEAN là

A. Nhật Bản

B. Ấn Độ

C. Hàn Quốc

D. Trung Quốc

Câu 4: Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp nào?

A. Chiến tranh

B. Hòa bình

C. Hợp pháp và bất hợp pháp

D. Đáp án A và C đúng

Câu 5: Khó khăn lớn nhất đối với bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

A. Sự hống hách của Trung Quốc

B. Nội bộ ASEAN bị chia rẽ

C. Các bên không tôn trọng luật biển 1982

D. Đó là tình trạng chùng lún giữa các vùng biển đảo của nhiều nước

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	D	B	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí, lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử và địa lí vào cuộc sống

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu cho du khách về những giá trị của môi trường, tài nguyên biển đảo của Việt Nam

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 42

**CHỦ ĐỀ 2: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN
VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (Tiết 4)**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo luật biển Việt Nam).
- Trình bày được những nét về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông.
- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như: bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để hình thành kiến thức về vị trí, phạm vi vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

2. Năng lực:

* *Năng lực chung*: Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

* *Năng lực chuyên biệt*:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*:

- + Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam.
- + Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
- + Phân tích được những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của biển đảo Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*:

- + Đánh giá công lao to lớn của các thế hệ cha ông đã quên mình để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và biển đảo của Việt Nam như ngày nay.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*:

- + Có ý thức bảo vệ môi trường biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên vùng biển đảo.

3. Phẩm chất

- + *Chăm chỉ*: HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài học.
- + *Trách nhiệm*: HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm.

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Lược đồ phạm vi biển Đông.
- Sơ đồ đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.
- Tranh ảnh, tư liệu, máy tính, ti vi

2. Học sinh:

- Tranh ảnh, tư liệu, dụng cụ học tập liên quan để nội dung bài học theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về vùng biển đảo Việt Nam với nội dung chủ đề.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi thông qua xem video

c. Sản phẩm: Phân trình bày đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS xem video và trả lời câu hỏi theo cặp đôi

Xem video và cho biết tên hát đang được nhắc tới trong video?

A. Gân lăm Trường Sa

B. Nơi đảo xa

C. Sức sống Trường Sa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích video và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

4. Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam

a. Mục tiêu: Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trong lịch sử.

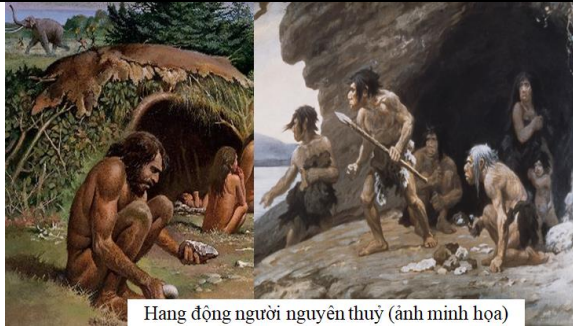
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học			Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: thảo luận nhóm GV chia lớp ra làm 4 nhóm HS mỗi nhóm đọc phần 4 và trả lời các câu hỏi. thời gian 5 phút			4. Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam. * Thời tiền sử: cư dân Việt cổ có những hoạt động đánh bắt hải sản cũng như giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực. : * Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X: cư dân người Việt tiếp tục sinh sống và khai thác biển. Trong khoảng hơn một nghìn năm bắc thuộc người Việt ở phía bắc vừa đấu tranh giành độc lập vừa duy trì và thực thi chủ quyền biển đảo qua
Thời gian	Biểu hiện/ bằng chứng	Ý nghĩa	
Thời tiền sử	- Nhóm 1. Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam thời tiền sử diễn ra như thế nào?(<i>tình hình Việt Nam, biểu hiện bằng chứng</i>) <i>ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền</i>)		
Thế kỉ VII đến thế kỉ X	Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X diễn ra như thế nào? ?(<i>tình hình Việt Nam, biểu hiện bằng chứng</i>) <i>ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền</i>).		
Thế kỉ X đến thế kỉ XV	Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ X- XV diễn ra như thế nào? ?(<i>tình hình Việt Nam, biểu hiện, bằng chứng</i>) <i>ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền</i>).		

Thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX	Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thế kỉ XVI-XIX và từ thế kỉ XIX đến ngày nay diễn ra như thế nào? (<i>tình hình Việt Nam, biểu hiện, bằng chứng</i>) ý nghĩa của quá trình xác lập chủ quyền).	khai thác biển đảo. * Từ thế kỉ X- XV: . - Thế kỉ XI đến thế kỉ XIV: Thời Lý-Trần xây dựng cảng Vân Đồn(Quảng Ninh) thành thương cảng và quân cảng,góp phần vào chiến thắng ngoại xâm của quân dân Đại Việt. Ngoài ra còn có các cửa biển khác trở thành trung tâm buôn bán lớn;Hội Thống(Nghệ An- Hà Tĩnh) Hội Triều(Thanh Hóa) - Thời Lê sơ (XV) tiếp tục khai phá và mở rộng vùng đất phía nam, duy trì các thương cảng, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như biển đảo. * Từ thế kỉ XVI-XIX. - Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: khai khẩn vùng đất phía nam, xây dựng thành lũy, phòng thủ ven biển,
Nhiệm vụ 2: Thảo luận cặp đôi ? Em cho biết Việt Nam đã có những hoạt động nào từ năm 1945 đến nay nhằm thực thi chủ quyền biển đảo? Xem hình ảnh và cho biết sự kiện nào đang được nhắc tới? 		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV cung cấp thông tin tư liệu Nhiệm vụ 1 - Nhóm 1 + Nhiều bộ lạc đã sinh sống gần các hang động ven biển như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh,... + Biểu hiện: cư dân Việt cổ có những hoạt động đánh bắt hải sản cũng như giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực. + Ý nghĩa: Đánh dấu sự xuất hiện của người Việt cổ ở những vùng đất ven biển.		



Hang động người nguyên thủy (ảnh minh họa)

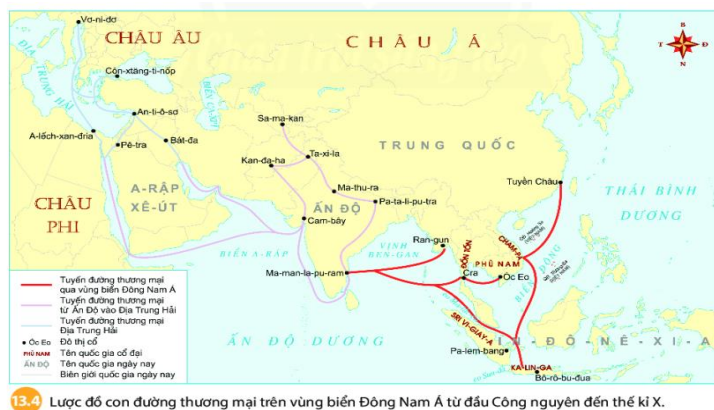
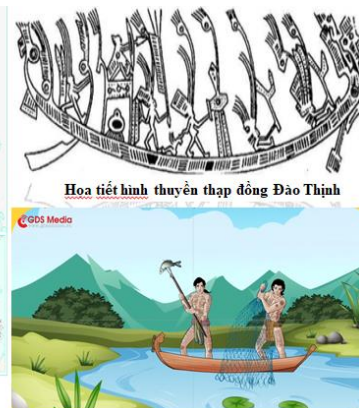
- Nhóm 2

+ Thời kì ra đời và phát triển của các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Biểu hiện: cư dân tiếp tục sinh sống và khai thác biển. Trong khoảng hơn một nghìn năm bắc thuộc người Việt ở phía bắc vừa đấu tranh giành độc lập vừa duy trì và thực thi chủ quyền biển đảo qua khai thác biển đảo.

+ Ý nghĩa: Các nền văn minh đầu tiên của Việt Nam được ra đời ở lưu vực các con sông lớn.

? Kể tên ba vương quốc cổ trên đất nước ta trước thế kỉ X?



13.4 Lược đồ con đường thương mại trên vùng biển Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

lập đội quân phòng thủ biển đảo.

- Triều Tây sơn tiếp tục tổ chức khai thác quần đảo Hoàng sa và thực hiện chủ quyền biển đảo.

-Triều Nguyễn(1802-1884) tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như:vẽ bản đồ , cấm cò trên quần đảo Hoàng sa.

*** Từ thế kỉ cuối thế kỉ XIX đến ngày nay.**

- Từ 1884-1945 thực dân Pháp cai trị và đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại , tiếp tục thực thi chủ quyền biển đảo.

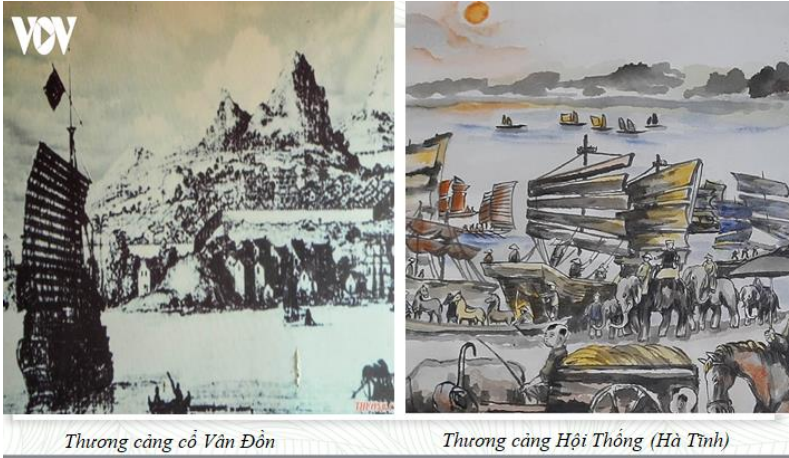
- Từ 1945 đến nay: nhà nước Việt Nam qua các thời kì tiếp tục đấu tranh kiên quyết thực thi chủ quyền biển đảo cũng như chủ quyền của hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa.

*** Ý nghĩa:**

- Quá trình khai phá xác

 Bản đồ thương mại Á châu, khoảng năm 600  Đồng tiền La Mã Khắc hình Vua Marcus-Aurelius Năm 161-180 sau Công nguyên  Hình 19.1. Bình gốm Phú Nam  Mảnh vàng trang sức Giống Cá Vó - Cần Giờ Cách nay khoảng 2.500 năm. Pieces of gold Giống Cá Vó - Cần Giờ About 2,500 years ago. Các di chỉ khảo cổ được tìm thấy ở Ốc-eo	lập và thực thi quyền và chủ quyền biển đảo nói chung và đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng của Việt Nam diễn ra từ rất sớm theo chiều dài của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc. - Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.												
- Nhóm3+ Thời kì các nhà nước phong kiến ra đời và phát triển. + Biểu hiện: Thế kỉ XI đến thế kỉ XIV: Thời Lý-Trần xây dựng cảng Vân Đồn (Quảng Ninh) thành thương cảng và quân cảng, góp phần vào chiến thắng ngoại xâm của quân dân Đại Việt. Ngoài ra còn có các cửa biển khác trở thành trung tâm buôn bán lớn; Hội Thống(Nghệ An- Hà Tĩnh) Hội Triều (Thanh Hóa)... Thời Lê sơ (XV) tiếp tục khai phá và mở rộng vùng đất phía nam, duy trì các thương cảng, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như biển đảo. + Ý nghĩa: từ xa xưa, nhân dân ta đã biết khai thác lợi thế của biển, các triều đại phong kiến quan tâm phát triển giao thương đường biển, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như trên biển. ? 3 trận chiến tại cửa biển Bạch Đằng (năm diễn ra, ai lãnh đạo, chống quân xâm lược nào và kết quả)													
<table><tr><th>Năm</th><th>Lãnh đạo</th><th>Quân xâm lược</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>938</td><td>Ngô Quyền</td><td>Nam Hán</td><td>Thắng lợi</td></tr><tr><td>981</td><td>Lê Hoàn</td><td>Tống</td><td>Thắng lợi</td></tr></table>	Năm	Lãnh đạo	Quân xâm lược	Kết quả	938	Ngô Quyền	Nam Hán	Thắng lợi	981	Lê Hoàn	Tống	Thắng lợi	
Năm	Lãnh đạo	Quân xâm lược	Kết quả										
938	Ngô Quyền	Nam Hán	Thắng lợi										
981	Lê Hoàn	Tống	Thắng lợi										

1288	Trần Quốc Tuấn	Mông Nguyên	-	Thắng lợi	
------	----------------	-------------	---	-----------	--

Thương cảng cổ Vân Đồn

Thương cảng Hội Thống (Hà Tĩnh)

- Nhóm 4

+ Đất nước chia thành Đàng Trong và Đàng Ngoài.

+ Biểu hiện: Các cảng thị, đô thị đều hướng ra biển, giao thương mở rộng với các nước trong khu vực và cả Châu Âu. Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: khai khẩn vùng đất phía nam, xây dựng thành lũy, phòng thủ ven biển, lập đội quân phòng thủ biển đảo.

Triều Tây sơn tiếp tục tổ chức khai thác quần đảo Hoàng sa và thực hiện chủ quyền biển đảo.

Triều Nguyễn (1802-1884) tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo thông qua các việc như: bản khắc chủ quyền, vẽ bản đồ ,

cắm cờ trên quần đảo Hoàng sa,..

- Từ 1884-1945 thực dân Pháp cai trị và đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại , tiếp tục thực thi chủ quyền biển đảo.

- Ý nghĩa:

+ Quá trình khai phá xác lập và thực thi quyền và chủ quyền biển đảo nói chung và đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng của Việt Nam diễn ra từ rất sớm theo chiều dài của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc. Đó là một quá trình liên tục không ngừng nghỉ với nhiều hoạt động kiên quyết.

+ Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.



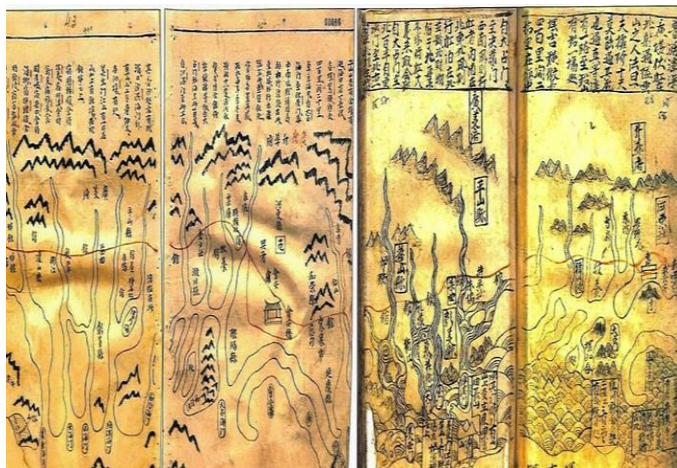
-Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX.

-Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635) đã thành lập hải đội Hoàng Sa, sau đó lập thêm đội Bắc Hải, “sai đội Hoàng Sa kiêm quản” Hải đội Hoàng Sa đảm nhận việc khai thác và canh giữ các đảo ở Biển Đông, chạy dài ngoài khơi, từ phía tây nam đảo Hải Nam xuống vùng đảo Trường Sa, tới tận

vùng đảo Côn Lôn ngày nay. Hải đội còn có quyền thu gom những hàng hoá của các tàu nước ngoài bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa về nộp cho triều đình. -Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải tiếp tục duy trì hoạt động ở thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII). Sự quan tâm của các chính quyền phong kiến và hoạt động liên tục của các đội dân binh này trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII đã khẳng định quá trình khai thác, thực thi chủ quyền từ rất sớm của người Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. -Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỉ XVII) nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về... Ngày nay, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa vẫn được duy trì nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương. -Nhiều lập bản đồ của các triều đại quân chủ Việt Nam như: Toàn lập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (1686), Giáp Ngọ niên bình Nam đồ (1774), Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838),... và của người phương Tây như: Bộ Át lát thế giới (1827), An Nam đại quốc hoạ đồ (1838),... đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. - Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lí Vương quốc Cô-chin-chi-na” (Tạp chí Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút-láp, có đoạn ghi rõ Pa-ra-xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là "Cát Vàng".	
---	--



-Theo ghi chú bản đồ trong bộ Thiên Nam tử chỉ lộ đồ thư biên soạn vào thế kỉ XVII, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi).



-Một số công trình sử học và địa lí của Việt Nam cũng ghi chép tường tận về cương vực lãnh thổ và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê – chúa Trịnh, Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa như: Đại Việt sử ký tục biên, Phủ biên tạp lục, Đại Nam thực lục, Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam nhất thống chí,...

- Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một dải những hòn đảo được gọi bằng nhiều tên khác nhau trong các

bộ chính sử của các triều đại phong kiến Việt Nam như: Bải Cát Vàng, Cồn Vàng, Vạn Lý Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa, Đại Trường Sa,...

Nhiệm vụ 2

1945: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Pháp tiếp tục thực hiện quyền quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

1954: Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ, Pháp rút quân khỏi Đông Dương, Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn) đã tiếp quản và khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

T4-1975: Hải quân nhân dân Việt Nam tiến hành thu hồi quần đảo Trường Sa, triển khai lực lượng quản lí và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hoà đóng giữ.

Sau 1975 đến nay: Nhà nước Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động thực hiện quyền quản lí hành chính và đấu tranh về pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Biểu hiện/ bằng chứng	Ý nghĩa
Thời tiền sử	- Nhiều bộ lạc đã sinh sống ở các hang động ven biển Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ	Đánh dấu sự xuất hiện của người Việt cổ ở những vùng đất

	An, Hà Tĩnh, Quảng Bình... - Cư dân Việt cổ có những hoạt động đánh bắt hải sản cũng như giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng và trong khu vực.	ven biển.		
Thế kỉ VII đến thế kỉ X	Cư dân tiếp tục sinh sống và khai thác biển. Trong khoảng hơn một nghìn năm bắc thuộc người Việt ở phía bắc vừa đấu tranh giành độc lập vừa duy trì và thực thi chủ quyền biển đảo qua khai thác biển đảo.	Các nền văn minh đầu tiên của Việt Nam được ra đời ở lưu vực các con sông lớn.		
Thế kỉ X đến thế kỉ XV	- Thế kỉ XI đến thế kỉ XIV: Thời Lý-Trần xây dựng cảng Vân Đồn(Quảng Ninh) thành thương cảng và quân cảng, góp phần vào chiến thắng ngoại xâm của quân dân Đại Việt. - Thời Lê sơ (XV) tiếp tục khai phá và mở	Từ xa xưa, nhân dân ta đã biết khai thác lợi thế của biển, các triều đại phong kiến quan tâm phát triển giao thương đường biển, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng		

	rộng vùng đất phía nam, duy trì các thương cảng, giữ vững chủ quyền trên đất liền cũng như biển đảo.	như trên biển.	
Thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX	- Các cảng thị, đô thị đều hướng ra biển, giao thương mở rộng với các nước trong khu vực và cả Châu Âu. - Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo - Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn (1802-1884) tiếp tục thực hiện chủ quyền biển đảo. - Từ 1884-1945 thực dân Pháp cai trị và đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại , tiếp tục thực thi chủ quyền biển đảo.	Là cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực			

hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân/nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm thông qua các trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm cá nhân, Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1 dấu cộng



Câu 1 : Những trống đồng, thạp đồng có trang trí hoa văn hình thuyền thuộc văn hoá Đông Sơn được phát hiện đã chứng tỏ điều gì?

- A. Nghề biển là nghề chính
- B. Nghề biển phát triển
- C. Cư dân ở đây tiếp tục sinh sống và khai thác biển.
- D. Tất cả đáp án trên đều sai

Câu 2 : Các chúa Nguyễn tổ chức các đội gì hằng năm ra quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thực hiện khai thác sản vật và quản lí biển đảo.

- A. Hoàng Sa, Trường Sa
- B. Hoàng Sa, Vân Đồn
- C. Bắc Hải, Nam Hải
- D. Hoàng Sa, Bắc Hải

Câu 3: Thương cảng Óc Eo thuộc vương quốc nào?

- A. Văn Lang
- B. Âu Lạc
- C. Chăm-pa
- D. Phù Nam

Câu 4: Cảng biển Vân Đồn (Quảng Ninh) thuộc vùng quần đảo phía đông bắc, đã trở thành thương cảng quốc tế quan trọng từ thời nào?

- A. Đinh-Tiền Lê
- B. Lý – Trần
- C. Lê sơ
- D. Nguyễn

Câu 5: Từ năm 1884 đến năm 1945: nước nào là đại diện quyền lợi trong quan hệ đối ngoại và việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, tiếp tục thực thi chủ quyền trên Biển Đông quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- A. Mỹ
- B. Đức
- C. Anh
- D. Pháp

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	D	D	B	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí, lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử và địa lí vào cuộc sống

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Viết bản tin

Thông điệp tuyên truyền kêu gọi thế hệ trẻ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.
- Bản tin này nói về cái gì? Vì sao cần viết bản tin này.
- Có những bằng chứng nào? Có những nhân vật nào liên quan
- Những bằng chứng hiện trưng bày ở đâu? Tìm thấy ở đâu?
- Những bằng chứng đó chứng minh điều đó. Làm thế nào để giới thiệu những bằng chứng đó cho bạn bè quốc tế.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 43:**BÀI 17: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC TỪ NĂM 1858
ĐẾN NĂM 1884 (Tiết 1)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).

• Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng lược đồ để tìm hiểu về quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam trong những năm 1858 – 1884.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc và ý chí không khuất phục và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi Tổ quốc lâm nguy. Lên án chiến tranh xâm lược phi nghĩa.
- Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv mời HS tham gia trò chơi Lật mảnh ghép



Câu 1: Nhà bác học Anh-xtanh là người nước nào?

Câu 2: “ Tôi hi vọng rằng nhân loại sẽ ra được từ những phát minh Khoa học nhiều điều tốt hơn là điều xấu”. Đây là câu nói của ai?

Câu 3: Thuyết vạn vật hấp dẫn là của ai?

Câu 4: Thành tựu nào khoa học nào của nhân loại đã bị biến thành vũ khí hủy diệt trong chiến tranh thế giới thứ hai?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Nước Đức

Câu 2: Nhà khoa học Nô-ben

Câu 3: Niu- ton

Câu 4: Bom nguyên tử

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sang thế kỉ XIX, tình hình châu Á và khu vực Đông Nam Á có nhiều biến động trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Trong bối cảnh đó, theo em, lịch sử Việt Nam sẽ chịu tác động và diễn ra theo chiều hướng nào? Nhà nước phong kiến có đối sách như thế nào, nhân dân ta có thái độ và hành động ra sao để đương đầu với những thử thách to lớn của lịch sử? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1874

a. Mục tiêu:

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1874).

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng và Nam Kỳ (1858-1862) GV chia HS làm 4 nhóm yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi Hoàn thành những sự kiện chính xảy ra trong quá trình Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến 1873		1.Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1874 a. Cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng và Nam Kỳ (1858-1862) - 1/9/1858: Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. - 2/1859: Pháp buộc phải rút phần lớn binh lực chuyển quân vào Gia Định - 17/2/1859: Quân Pháp tấn công thành Gia Định - 24/2/1861: Quân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa. - 6/1862: Triều đình Huế kí hiệp ước Nhâm Tuất b. Nhân dân Nam Kỳ tiếp tục kháng chiến (1862-1874)
Thời gian	Sự kiện	
Nhiệm vụ 2: Nhân dân Nam Kỳ tiếp tục		

kháng chiến (1862-1874)

GV yêu cầu các thành viên nhóm HS trả lời cá nhân

Hoàn thành bảng sau về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ sau hiệp ước Nhâm Tuất?

Hành động của thực dân Pháp	Thái độ của Triều đình nhà Nguyễn	Thái độ và hành động của nhân dân ta

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

? Pháp đã lấy cớ gì để xâm lược nước ta?

? Vì sao Pháp lại chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên khi xâm lược nước ta?

? Vậy âm mưu của Pháp khi tấn công Đà Nẵng?

? Vì sao Pháp lại chọn Gia Định làm mục tiêu tấn công sau Đà Nẵng?

? Sau khi chiếm được Đại Đồn Chí Hoà Pháp tiếp tục đánh chiếm ở đâu?

? Nhìn vào những nội dung của bản hiệp ước em có nhận xét gì?

- Khai thác được thông tin từ tư liệu. GV hướng dẫn HS đọc kĩ hiệu rồi quan sát bản đồ để thấy được thế trận kháng chiến của

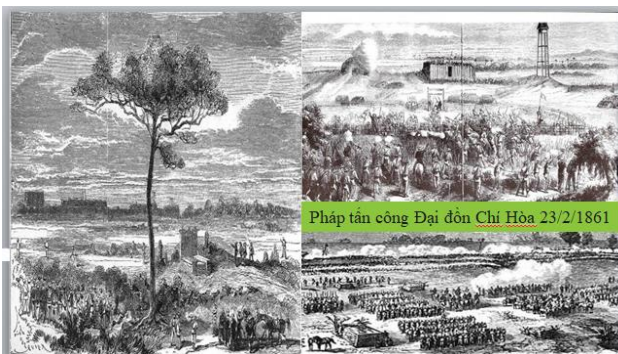
Hành động của thực dân Pháp	Thái độ của Triều đình nhà Nguyễn	Thái độ và hành động của nhân dân ta
Sau Hiệp ước Nhâm Tuất, đến năm 1867, thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ	Triều đình Huế tập trung lực lượng đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, ngăn cản phong trào kháng chiến của nhân dân ở Nam Kỳ.	Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân vẫn tiếp diễn ngày càng mạnh mẽ.

quân dân Đà Nẵng - Quảng Nam - Khai thác được thông tin từ trước đó để xác định chủ đề lược đồ (những địa điểm nổi ra khỏi nghĩa ở Nam Kỳ, kí hiệu nơi diễn ra các cuộc khởi nghĩa chống Pháp gắn với tên địa danh - Sử dụng được những thông tin từ tư liệu và trong bài trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ở Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1874. GV cung cấp cho HS tư liệu và hình ảnh Nguyễn Tri Phương Tên thật là Nguyễn Văn Chương, quê làng Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, còn tên Nguyễn Tri Phương do vua Tự Đức cải tên (1850), hàm ý nói về con người nghĩa dũng, nhiều mưu chước. Từ đó, Nguyễn Tri Phương trở thành tên chính của ông. Xuất thân trong một gia đình nông dân, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chân thơ lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. Dự kiến sản phẩm? Pháp đã lấy cớ gì để	
--	--

xâm lược nước ta?

Nguyên nhân khiến thực dân Pháp xâm lược Việt Nam

- Pháp tiến lên chủ nghĩa tư bản.
- Việt Nam có vị trí quan trọng, giàu tài nguyên thiên nhiên.
- Chế độ phong kiến suy yếu.

**Hiệp ước Nhâm Tuất**

Thừa nhận cho Pháp cai quản 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

- Mở ba cửa biển (Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên) cho Pháp vào buôn bán.
- Cho phép người Pháp và người Tây Ban Nha tự do truyền đạo Gia Tô, bãi bỏ lệnh cấm đạo trước đây.
- Bồi thường cho Pháp một khoản chiến phí tương đương 280 vạn lạng bạc.
- Pháp sẽ trả lại thành Vĩnh Long cho triều

đình Huế với điều kiện triều đình buộc được nhân dân ta ngừng kháng chiến chống lại thực dân Pháp.	
Thời gian	Sự kiện
1/9/1858	Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam.
2/1859	Pháp buộc phải rút phần lớn binh lực chuyển quân vào Gia Định
17/2/1859	Quân Pháp tấn công thành Gia Định
24/2/1861	Quân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.
6/1862	Triều đình Huế kí hiệp ước Nhâm Tuất
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi ôn tập

Nhiệm vụ 1: Nối cột

A	B
a. 1/9/1858	1. Pháp tấn Gia Định
b. 17/2/1859	2. Pháp tấn công đại đồn Chí Hoà
c. 23/2/1861	3. Hiệp ước Nhâm Tuất
d. 5/6/1862	4. Pháp tấn công Đà Nẵng

Nhiệm vụ 2: Tham gia trò chơi” Món quà giáng sinh”

Câu 1: Người được nhân dân tôn làm Bình Tây đại nguyên soái là ai?

Câu 2: Pháp chọn nơi nào làm mục tiêu mở đầu cuộc tấn công xâm lược nước ta?

Câu 3: Câu nói “ Bao giờ người tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” là của ai?

Câu 4: Trung tâm hệ thống chiến lũy Chí Hòa do ai trấn giữ?

Câu 5: Triều đình Huế kí hiệp ước Nhâm Tuất với Pháp vào thời gian nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Trương Định

Câu 2: Đà Nẵng

Câu 3: Nguyễn Trung Trực

Câu 4: Nguyễn Tri Phương

Câu 5: Ngày 5-6-1862

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Đây là hình ảnh chụp từ trên không về di tích thành Điện Hải thuộc thành phố Đà Nẵng ngày nay.

Dựa vào tư liệu và kiến thức trong bài, tham khảo thêm thông tin trên internet, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) để thuyết minh cho du khách khi đến thăm di tích này.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 44:**BÀI 17: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1884 (Tiết 2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).
- Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.

2. Về năng lực

** Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

** Năng lực riêng:*

- Khai thác và sử dụng lược đồ để tìm hiểu về quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam trong những năm 1858 – 1884

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc và ý chí không khuất phục và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi Tổ quốc lâm nguy. Lên án chiến tranh xâm lược phi nghĩa.
- Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS,

tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV tổ chức trò chơi chia lớp thành 2 đội tham gia: Có 5 câu hỏi ở dạng trắc nghiệm 4 đáp án. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 10 điểm. 2 đội sẽ có 10s suy nghĩ (hết nhạc). Đội nào trả lời đúng trước sẽ nhận được điểm. Nếu trả lời sai sẽ mất lượt cho đội còn lại trả lời.

Câu 1: Pháp chọn nơi nào để xâm lược nước ta đầu tiên?

- A. Hà Nội
- B. Đà Nẵng
- C. Huế
- D. Sài Gòn

Câu 2: Pháp tấn công Đà Nẵng vào thời gian nào?

- A. 1/9/1858
- B. 2/9/1858
- C. 3/9/1858
- D. 4/9/1858

Câu 3: Sau Đà Nẵng thì Pháp chuyển sang hướng tấn công nơi nào?

- A. Hà Nội
- B. Huế
- C. Nha Trang
- D. Gia Định

Câu 4: Pháp tấn công thành Gia Định vào thời gian nào?

- A. 17/2/1859
- B. 18/2/1859
- C. 19/2/1859
- D. 20/2/1859

Câu 5: 23/2/1861 Pháp tấn công vào đâu?

- A. Vĩnh Long
- B. Định Tường
- C. Đại đồn Chí Hòa
- D. Biên hoà

Câu 6: 5/6/1862 triều đình Huế đã ký với Pháp hiệp ước gì?

- A. Pa-tơ-nốt
- B. Giáp Tuất
- C. Hắc mãng
- D. Nhâm Tuất

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lan rộng ra cả nước (1873 – 1884)

a. Mục tiêu:

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1873 – 1884).

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm Hoàn thành những sự kiện chính xảy ra trong quá trình Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1873 đến 1884 bằng những câu hỏi gợi ý sau		2. Thực dân Pháp Mở rộng xâm lược ra cả nước và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam giai đoạn 1873 - 1884 - 1873 Pháp đánh Hà Nội
Thời gian		

		và Bắc kì lần thứ nhất
Nhiệm vụ 2: Cá nhân GV yêu cầu các thành viên nhóm HS trả lời cá nhân ? Pháp có âm mưu và thủ đoạn gì để chuẩn bị cho quá trình đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất? ? Tại sao sau khi chiếm các tỉnh Nam kì Pháp không chiếm kinh thành Huế mà đánh Bắc kì? ? Em có nhận xét gì về các điều khoản của hiệp ước Giáp Tuất? ? Pháp lấy cớ gì để đánh chiếm Bắc kì lần thứ 2? ? Em có nhận xét gì về những việc làm của triều đình Huế? Em có nhận xét gì về các điều khoản của hiệp ước Hác Măng ? ? Tại sao Pháp lại kí với triều đình Huế bản hiệp ước Pa – tơ – nôt (1884)? ? Lập bảng so sánh nội dung chủ yếu của các Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nôt (1884).		- 1874 Triều đình Huế kí hiệp ước Giáp Tuất, Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ. - 1882 Pháp đánh Hà Nội và Bắc Kỳ lần thứ 2. - 1883: Trần Cầu Giấy lần 2. Pháp chiếm cửa biển Thuận An. Triều đình Huế kí hiệp ước Hắc Măng - 1884: Triều đình Huế kí hiệp ước Pa-tơ-nôt.
	Hiệp ước Hác – măng (1883)	
Giống		
Khác		
HS thảo luận cặp đôi ? Trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước? ? Giả sử nếu em là vua Tự Đức, em sẽ làm gì để đất nước không trở thành thuộc địa của Pháp (nếu ít nhất 3 việc làm)? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS Biết cách khai thác thông tin của một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê hiển thị các mốc sự kiện theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra trong quá trình Pháp xâm lược và cuộc kháng chiến của quân dân Việt		

Nam giai đoạn 1873-1884.

- Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: Thực dân Pháp mở rộng xâm lược và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1873 – 1884)

- Xác định khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện: Các sự kiện xảy ra trong từng năm .

- Sử dụng thông tin thu thập được để trả lời các câu hỏi:

+ Mốc thời gian bắt đầu và mốc thời gian hoàn thành quá trình xâm lược Bắc Kỳ, Trung Kỳ của thực dân Pháp.

+ Những trận đánh nào tiêu biểu trong diễn biến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam giai đoạn 1873-1884.

- Biết cách khai thác thông tin lược đồ:

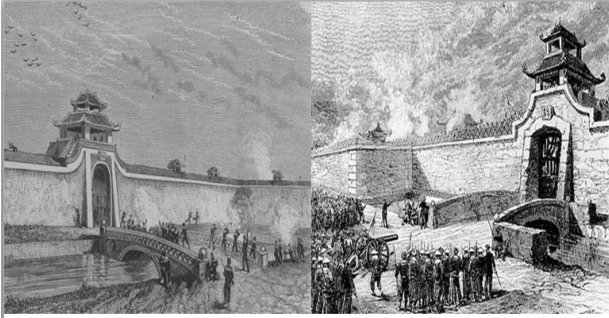
+ xác định chủ đề lược đồ: lược đồ quân Pháp đánh thành Hà Nội và trận chiến Cầu giấy lần thứ nhất, lần thứ 2.

- Kí hiệu và màu của kí hiệu thể hiện trên lược đồ

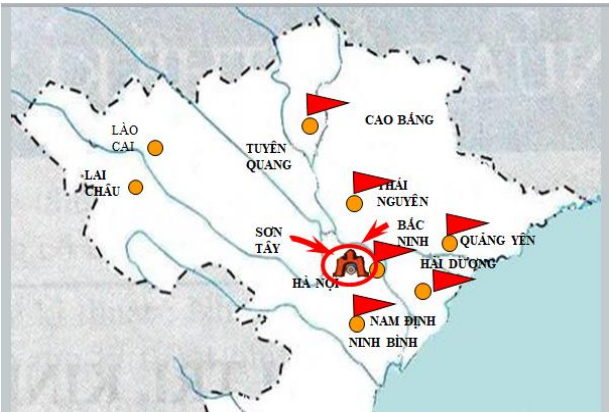
GV có thể mở rộng nhận thức lịch sử về quá trình Pháp xâm lược thông qua giới thiệu nội dung: bản Hiệp ước Giáp Tuất (1874), Hiệp ước Hác-mang (1883), Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) .GV sử dụng kiến thức hỗ trợ cuộc kháng chiến của quân dân Việt Nam thông qua miêu tả tinh thần chiến đấu của quân dân Hà Nội.

GV cung cấp hình ảnh tư liệu





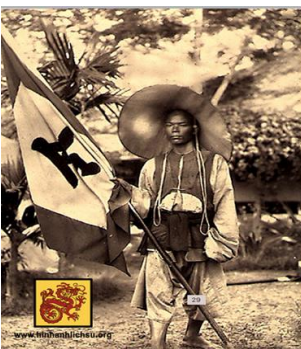
Quân Pháp đánh thành Hà Nội năm 1873



LƯỢC ĐỒ KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN BẮC KÌ 1873-1874



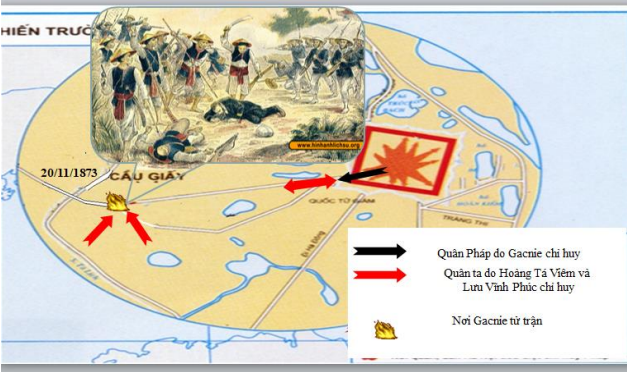
Quân Pháp trèo lên mặt thành Nam Định



Lính Cờ Đen và cờ hiệu trong tay.



Quân Cờ Đen.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Sự kiện
1873	Pháp đánh Hà Nội và Bắc kì lần thứ nhất
1874	Triều đình Huế kí hiệp ước Giáp Tuất, Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ.
1882	Pháp đánh Hà Nội và Bắc Kỳ lần thứ 2
1883	- Trận Cầu Giấy lần 2. Pháp chiếm cửa biển Thuận An - Triều đình Huế kí hiệp ước Hắc - Măng
1884	Triều đình Huế kí hiệp ước Pa-tơ-nốt

? Pháp có âm mưu và thủ đoạn gì để chuẩn bị cho quá trình đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất?

- **Âm mưu:** Đánh Việt Nam lâu dài, thiết lập bộ máy cai trị ở Nam kì. Từ đó làm bàn đạp tấn công ra Bắc kì.

- **Thủ đoạn:** Lợi dụng giải quyết vụ Đuy-quy, kéo quân ra Bắc kì.

? Tại sao sau khi chiếm các tỉnh Nam kì Pháp không chiếm kinh thành Huế mà đánh Bắc kì?

Pháp chưa đủ điều kiện. Pháp đang gặp khó khăn sau chiến tranh với Đức (1870)

Bắc kì là vùng giàu tài nguyên thiên nhiên (giải quyết nhu

cầu mà Pháp đang cần lúc này).

Bắc kì xa kinh thành Huế nên triều đình không đủ lực lượng để chống Pháp.

Bắc kì là nơi có phong trào đấu tranh mạnh mẽ. Dẹp yên được các phong trào này thì có thể làm bàn đạp tấn công Huế.

? Em có nhận xét gì về các điều khoản của hiệp ước Giáp Tuất?

Gồm 22 khoản trong đó có nội dung chính sau:

+ Triều đình Huế thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc Pháp
+ Công nhận quyền đi lại, buôn bán, kiểm soát và điều tra tình hình của Pháp.

+ Pháp sẽ rút quân khỏi Bắc kì.

Từ Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) đến Hiệp ước Giáp Tuất (1874) là sự thụ động tuyệt đối và bất lực của triều đình Huế, toàn bộ Nam kỳ lục tỉnh của Đại Nam chính thức trở thành thuộc địa của người Pháp

? Pháp lấy cớ gì để đánh chiếm Bắc kì lần thứ 2?

Tiếp tục giao thiệp với nhà Thanh mà không hỏi ý kiến Pháp
25.4.1882 : Ri-vi-e gửi tối hậu thư, sau đó bất ngờ tấn công và hạ thành Hà Nội

? Tại sao Pháp lại kí với triều đình Huế bản hiệp ước Pa – tơ – nốt (1884)?

- Ngày 6-6-1884, Pháp buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Với nội dung không khác là mấy so với Hiệp ước Hác-măng, chỉ là thực dân Pháp bổ sung một số điều khoản để làm yên lòng dân.

Bảng so sánh nội dung chủ yếu của các Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).

	Hiệp ước Hác – măng	Hiệp ước Pa-tơ-nốt
--	----------------------------	---------------------------

	(1883)	(1884)
Giống	- Triều đình chỉ được cai quản vùng đất Trung Kỳ, nhưng mọi việc đều phải thông qua viên Khâm sứ Pháp ở Huế. - Công sứ Pháp ở các tỉnh Bắc Kỳ thường xuyên kiểm soát những công việc của quan lại triều đình, nắm các quyền trị an và nội vụ. - Mọi việc giao thiệp với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) đều do người Pháp nắm. Triều đình Huế phải rút quân đội ở Bắc Kỳ về Trung Kỳ.	
Khác	- Triều đình chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, cắt tỉnh Bình Thuận ra khỏi vùng Trung Kỳ để nhập vào đất Nam Kỳ thuộc Pháp. Ba tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh được sáp nhập vào Bắc Kỳ.	- Ranh giới khu vực Trung Kỳ được điều chỉnh: sáp nhập thêm 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh ở phía Bắc và tỉnh Bình Thuận ở phía Nam.

? Trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước?

- **Triều Nguyễn duy trì chính sách bảo thủ, lạc hậu đối với nhân dân.** Giữa thế kỉ XIX, khi Pháp đánh chiếm Việt Nam, có nhiều nhà tư tưởng đề nghị canh tân, đổi mới đất nước. Nhưng nhà Nguyễn đã từ chối con đường này. Nhà Nguyễn vẫn tiếp tục chính sách cai trị cũ, làm cho đất nước ngày càng suy yếu, mất dần sức đề kháng trong cuộc chiến chống Pháp. Như vậy, nhà Nguyễn vì sự ích kỉ của mình đã hy sinh quyền lợi của dân tộc.

- **Trong quá trình kháng chiến chống Pháp, nhà Nguyễn còn mắc nhiều sai lầm** như từ bỏ con đường vũ trang chống

pháp, đi theo con đường thương lượng đầu hàng từng bước đến đầu hàng hoàn toàn; không biết chớp lấy thời cơ để giành thắng lợi.	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi ôn tập

Câu hỏi: Khi Pháp kéo quân ra Hà Nội lần thứ nhất, ai là người trấn thủ thành Hà Nội ?

- A. Hoàng Diệu
- B. Nguyễn Tri Phương
- C. Tôn Thất Thuyết
- D. Phan Thanh Giản

Câu hỏi: Đội nghĩa binh do ai chỉ huy chiến đấu hi sinh đến người cuối cùng ở cửa ô Thanh Hà?

- A. Viên Chương Cơ
- B. Phạm Văn Nghị
- C. Nguyễn Mậu Kiến
- D. Nguyễn Tri Phương.

Câu hỏi: Thực dân Pháp lấy cớ gì để tiến quân ra Bắc?

- A. Vì triều đình không thi hành đúng Hiệp ước 1862.
- B. Vì triều đình cầu cứu nhà Thanh.
- C. Lấy cớ giải quyết vụ Đuy-puy.
- D. Lợi dụng triều đình nhờ đem tàu ra Hạ Long dẹp cướp biển.

Câu hỏi: Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất vào ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 10 tháng 3 năm 1874.
- B. Ngày 15 tháng 3 năm 1874.
- C. Ngày 3 tháng 5 năm 1874.
- D. Ngày 13 tháng 5 năm 1874

Câu hỏi: Hậu quả của Hiệp ước Giáp Tuất (1874) là gì?

- A. Làm mất chủ quyền của dân tộc ta.
- B. Làm mất chủ quyền của 6 tỉnh Nam Kỳ.
- C. Làm mất chủ quyền về ngoại giao của Việt Nam.
- D. Làm mất một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại của Việt Nam

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	C	B	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG****a) Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.**d) Tổ chức thực hiện****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)**Bài tập:**

Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy viết bài giới thiệu hoặc làm thẻ nhớ về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1883) mà em yêu thích nhất theo dàn ý sau:

- Đóng góp/vai trò của nhân vật trong cuộc kháng chiến.
- Địa danh, công trình hiện nay liên quan đến nhân vật mà em biết.
- Bài học mà em học được từ nhân vật.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 45:**BÀI 17: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1884 (Tiết3)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).
- Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng lược đồ để tìm hiểu về quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam trong những năm 1858 – 1884.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước tự hào dân tộc và ý chí không khuất phục và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi Tổ quốc lâm nguy. Lên án chiến tranh xâm lược phi nghĩa.
- Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Đi tìm nhân vật sự kiện

1. Người nhân danh vua Hàm Nghi ra “Chiếu Cần vương” là ai?



2. Người lãnh đạo cao nhất trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê là ai?



3. Cuộc khởi nghĩa lớn nhất của nông dân miền Bắc là cuộc khởi nghĩa nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

1. Tôn Thất Thuyết
2. Phan Đình Phùng
3. Khởi nghĩa Hương Khê

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Năm 1859, có một người Việt Nam đi sang các nước châu Âu. Ông đã nhìn thấy những chiếc đèn không cần thấp dầu vẫn sáng, những chiếc xe chạy mà không cần ngựa, bò kéo và tận mắt so sánh được khoảng cách của Việt Nam với những vùng đất xa xôi mà người đến lúc bấy giờ không hề biết đến. Đó chính là nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ. Ông đã đánh lên hồi trống báo động phải duy tân đất nước và trở thành người tiên phong của trào lưu cải cách nửa sau thế kỷ XIX. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến trào lưu cải cách này? Nội dung trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Trào lưu cải cách nửa sau thế kỉ XIX

a. Mục tiêu:

Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến																
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Nguyên nhân GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi ? Vì sao các quan lại và sĩ phu lại đưa ra đề nghị cải cách? Nhiệm vụ 2: Những cải cách tiêu biểu GV chia HS làm 4 nhóm và thảo luận nội dung, sau đó các nhóm sẽ trao đổi bài làm và tự chấm điểm ? Kể tên các nhà cải cách tiêu biểu của Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX ? Theo em, các nhà cải cách quan tâm đến những vấn đề nào nhất? ? Những đề nghị cải cách có kết quả như thế nào? So sánh điểm giống và khác nhau giữa cải cách duy tân ở nước ta với cải cách duy tân Minh Trị ở Nhật Bản trong thời kì này? <table><tr><th colspan="2">Nội dung</th><th>Nhật Bản</th><th>Việt nam</th></tr><tr><td colspan="4">Giống nhau</td></tr><tr><td>Khác nhau</td><td>Lực lượng tiến hành cải cách</td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>Kết quả</td><td></td><td></td></tr></table> B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời	Nội dung		Nhật Bản	Việt nam	Giống nhau				Khác nhau	Lực lượng tiến hành cải cách				Kết quả			3. Trào lưu cải cách nửa sau thế kỉ XIX a. Nguyên nhân - Triều Nguyễn ngày càng lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. - Xuất phát từ lòng yêu nước thương dân => Các quan lại, sĩ phu đưa ra đề nghị cải cách. b. Những cải cách tiêu biểu - Một số nhà cải cách tiêu biểu như: Nguyễn Trường Tộ, Trần Đình Túc, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch.... - Tất cả những đề nghị cải cách đều thất bại.
Nội dung		Nhật Bản	Việt nam														
Giống nhau																	
Khác nhau	Lực lượng tiến hành cải cách																
	Kết quả																

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn HS khai thác được thông tin từ tư liệu . GV hướng dẫn HS nhận diện tư liệu phản ánh lớp học của thầy đồ nho vẫn giữ vị trí trọng yếu trong xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX. - Trình bày được ở nửa sau thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn là một xã hội nông nghiệp lạc hậu học thuyết Nho giáo vẫn chiếm vị trí ưu thế, đất nước lạc hậu, suy yếu lại thêm cuộc xâm lược của thực dân Pháp đẩy xã hội Việt Nam. vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và toàn diện. Rút ra được kết luận giải thích nguyên nhân: Trong bối cảnh lịch sử đó đã thúc đẩy các quan lại sĩ phu yêu nước đưa ra những đề nghị cải cách gửi lên triều đình Huế. - GV hướng dẫn HS xác định khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện” các đề nghị cải cách đưa ra và gửi lên triều đình Huế trong khoảng thời gian từ năm 1863 đến năm 1882. - Sử dụng được những thông tin từ sơ đồ và trong bài trình bày những nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại sĩ phu. - HS nêu nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại sĩ phu yêu nước, GV có thể giới thiệu thêm về các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ để HS thấy rõ vai trò của các nhà cải cách ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX. - Dẫn dắt HS tiếp tục nhận thức lịch sử bằng câu hỏi. Theo em, các nhà cải cách quan tâm đến vấn đề nhỏ nhất (mở cửa đất nước, đổi mới giáo dục...) - Phát triển nhận thức và tư duy lịch sử của HS bằng câu hỏi: Trong bối cảnh đất nước vào cuối thế kỉ XIX, em có đồng ý với những đề xuất đó không? Tại sao? GV cung cấp tư liệu	
---	--

Trần Đình Túc (1818-1899)

Quê ở Quảng Trị, đỗ cử nhân dưới triều Thiệu Trị và Tự Đức. Đầu năm 1864, khi được cử làm Dinh Điền Sứ Quảng Trị và Thừa Thiên, ông đã xin triều đình khơi sông từ Hà Trữ đến Hà Trung, có công lập các ấp: Quý Lộc, Mỹ Thuận, Lương Tri, Lương Sơ Tây (huyện Phú Lộc). Trong khoảng năm 1860-1865, ông đã về định cư tại làng Bàn Môn và lập thêm làng An Hà, xã Lộc An. Ông còn có công giúp nhân dân làng Hà Trung, Hà Trữ (huyện Phú Vang), làng Mục Bài, Bàn Môn, An Hà... (huyện Phú Lộc) thau chua, rửa mặn, đắp đập, be bờ tạo thêm hàng ngàn mẫu ruộng đất.

- Nguyễn Lộ Trạch (Quý Sửu 1853 - Mậu Tuất 1898)

Nhà cách tân đất nước, tự là Hà Nhân, hiệu Kỳ Am, biệt hiệu Quý Ưu, Hồ Thiên Cư Sĩ, Bàn Cơ Điều Đồ, quê ở làng Kế Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, thân phụ là Tiến sĩ giữ chức Tổng đốc hàm Thượng thư, nhạc phụ là Tiến sĩ Phụ chính Đại thần. Ông học rộng biết nhiều, ghét lối từ chương nên không đi thi, chỉ chú tâm vào con đường thực dụng. Ông thường giao du với những người có tư tưởng tiến bộ, chấp nhận cái mới.

Năm 1877, nhân một kỳ thi Đình có đề ra nói về thời sự, ông ở ngoài làm bài và dâng một bản Thời vụ sách nêu lên những yêu cầu bức thiết của nước nhà nhưng không được chấp nhận. Năm 1882, Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, ông lại dâng bản Thời vụ sách II gồm 5 điều cốt yếu để bảo vệ đất nước, trong đó có điểm Dời đô về Thanh Hóa lấy chỗ hiểm yếu để giữ vững gốc nước. Triều đình Tự Đức vẫn không chấp nhận những ý kiến gan ruột của ông.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.			
Dự kiến sản phẩm			
Nội dung		Nhật Bản	Việt nam
Giống nhau - Đều là cải cách tiến bộ nhằm cứu vãn tình thế nguy nan của đất nước. - Đều diễn ra vào cuối thế kỉ XIX trong bối cảnh đất nước có nguy cơ bị biến thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây			
Khác nhau	Lực lượng tiến hành cải cách	Thiên hoàng Minh Trị tổ chức và thực hiện.	Do các sĩ phu, quan lại đề xướng.
	Kết quả	Thành công, đưa Nhật tiến lên CNTB.	Không thực hiện được và trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.
B4: Kết luận, nhận định (GV)			
GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.			

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển nào để thông thương ?

- A. Cửa biển Hải Phòng
- B. Cửa biển Trà Lý (Nam Định)
- C. Cửa biển Thuận An (Huế)
- D. Cửa biển Đà Nẵng

Câu 2: Số lượng bản điều trần mà Nguyễn Trường Tộ gửi lên triều đình năm 1863 đến năm 1871 là:

- A. 20 bản
- B. 25 bản

C. 30 bản

D. 35 bản

Câu 3: Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của những tư tưởng cải cách cuối thế kỉ XIX là gì?

A. Đã gây được tiếng vang lớn

B. Đạt được những thắng lợi nhất định.

C. Phản ánh một nhu cầu thực tại khách quan của xã hội

D. Phản ánh một nhu cầu thực tại khách quan của xã hội.

Câu 4: Việc triều đình Huế từ chối cải cách đã đưa đến hậu quả gì ?

A. Phản ánh một nhu cầu thực tại khách quan của xã hội

B. Xã hội bế tắc trong chế độ phong kiến.

C. Mâu thuẫn xã hội không thể giải quyết.

D. Tạo điều kiện để Pháp tiếp tục xâm chiếm Việt Nam.

Câu 5: Hạn chế cơ bản nhất của các đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX là

A. Mang tính chất lẻ tẻ, rời rạc

B. Chưa xuất phát từ cơ sở bên trong.

C. Chưa giải quyết được vấn đề cơ bản là mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ

D. Vì nhiều nội dung cải cách rập khuôn hoặc mô phỏng của nước ngoài khi mà điều kiện nước ta có khác biệt

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	C	B	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG****a) Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.**d) Tổ chức thực hiện****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)**Bài tập:**

Trào lưu cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX để lại những bài học gì cho chúng ta ngày nay.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 46:**BÀI 18: PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM 1885 -1896 (T1)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương (1885-1896).
- Trình bày được những nét cơ bản của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913).

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV đã tìm hiểu và nhưng cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX.

3. Về phẩm chất

Yêu nước. Thể hiện lòng tự hào trân trọng trước sự của tranh và hi sinh anh dũng của các lãnh tụ và nghĩa quân yêu nước trong phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam vào thế kỉ XIX.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV mời HS tham gia trò chơi “Ô chữ”

1. Địa danh Trương Định đặt đại bản doanh khởi nghĩa chống Pháp (6 ô chữ)
2. Địa danh nơi Ri-vi-e bị giết (7 ô chữ)
3. Vị tổng đốc chết với thành Hà Nội năm 1882 (9 ô chữ)
4. Vị tướng chỉ huy quân cờ đen (11 ô chữ)
5. Tên thật của vua Hàm Nghi (7 ô chữ)
6. Tên dãy núi Vua Hàm Nghi vượt qua để đến Sơn Phòng Phú Gia (Hà Tĩnh) (9 ô chữ)
7. Nơi Tôn Thất Thuyết nhân danh vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương (5 ô chữ)
8. Nơi Vua Hàm Nghi bị lưu đày (7 ô chữ)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

1. Gò Công
2. Cầu Giấy
3. Hoàng Diệu
4. Lưu Vĩnh Phúc
5. Ứng Lịch
6. Trường Sơn
7. Tân Sở
8. Angiêri

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Hiện nay có nhiều con đường trường học, di tích lịch sử gắn liền với tên tuổi của các nhân vật như: Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám... Hãy chia sẻ những điều em biết về các nhân vật lịch sử này, cũng như các sự kiện liên quan thông qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương

a. Mục tiêu:

- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương (1885-1896).

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học					Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Phong trào Cần vương bùng nổ. ? Trình bày nguyên nhân ra đời của phong trào Cần vương? ? Vì sao phe chủ chiến chiếm số ít mà dám chống lại Pháp ? Tại sao cuộc phản công diễn ra quyết liệt nhưng thất bại? ? Mục đích chiếu Cần Vương là gì? Nhiệm vụ 2: Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và viết câu trả lời vào bảng nhóm					1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương a. Phong trào Cần vương bùng nổ. - Đêm ngày 4 rạng sáng ngày 5/7/1885, phái chủ chiến tấn công Pháp tại kinh thành Huế nhưng thất bại. - 13/7/1885: Tôn Thất Thuyết thay mặt vua xuống chiếu Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân giúp vua cứu nước.
Khởi nghĩa	Thời gian	Lãnh đạo	Địa bàn	Hết	
Ba Đình					
Bãi Sậy					
Hương Khê					
? Tại sao các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương đều thất bại? Và cho biết ý nghĩa của các phong trào này? ? Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương					
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.					

Gv hướng dẫn HS Biết cách khai thác lược đồ, Phân biệt ba kí hiệu căn bản: Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (tên và vị trí diễn ra các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương: Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê.

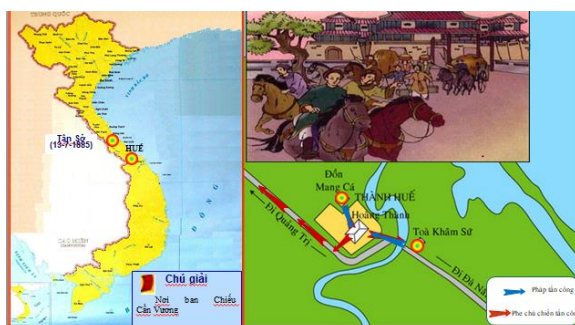
- Giải thích được tại sao gọi là Cần Vương?
- Nêu được sự kiện 5-7-1885
- Nêu được sự kiện Dụ Cần vương được ra lệnh tại Tân Sở

Nhiệm vụ 1:

GV cung cấp tư liệu

Chiếu cần Vương: “Từ xưa, kẻ sách chống giặc không ngoài 3 điều: đánh, giữ, hòa. Đánh thì chưa có cơ hội, giữ thì khó định hện được sức, hòa thì họ đòi hỏi không biết chán.

...Nước ta gần đây ngẫu nhiên gặp nhiều việc. Trăm tuổi trẻ nói ngôi không lúc nào không nghĩ tới tự cường,tự trị. Kẻ phái của Tây ngang bức, mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước, chúng tăng thêm binh thuyền đến buộc theo những điều mình không thể nào làm được...trong triều đình đấn đo hai điều: cúi đầu tuân mệnh hay ngôi mất cơ hội,sao bằng nhìn thấy chỗ âm mưu biến động của địch mà đối phó trước?Vì bằng việc xảy ra không thể tránh,thì cũng còn có cái việc như ngày nay để lo tốt cái lợi sau này,ấy là do thời thế xui nên vậy Phàm những người đã cùng dự chia mỗi lo này,tướng cũng tự biết. Biết thì phải dự vào công việc,ngheến rằng dựng tóc thề giết giặc, nào ai là không có cái lòng như thế?...” (trích chiếu Cần Vương)



=> **Phong trào Cần vương ra đời**

b. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra trong đó tiêu biểu là khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Hương Khê.



Nhiệm vụ 2:

GV cung cấp tư liệu Bãi Sậy



Vị trí Bãi Sậy hiểm yếu và có nhiều đường thông ra ngoài. Chính nhờ vậy, mà nghĩa quân đã bung ra hoạt động khắp nơi, lan sang các tỉnh lân cận khác như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên...

- Nguyễn Thiện Thuật sinh năm 1884 mất năm 1929. Ông từng làm Tán tương quân vụ tỉnh Hải Dương. Khi triều đình kí hiệu ước năm 1883, Nguyễn Thiện Thuật trở về quê (Mĩ Hào, Hưng Yên) mộ quân, lập căn cứ kháng chiến.

Ba Đình

- **Điểm mạnh:** Vị trí cứ điểm Ba Đình, án ngữ đường số 1, có thể

tiếp tế lương thực, vũ khí từ biển vào có lợi cho phòng thủ chiến đấu.

- **Điểm yếu:** Dễ bị cô lập, khó khăn khi rút lui nếu bị tấn công.

Ba Đình

*“Lệnh cho dân chúng chặt tre
Chẻ nan đan sọt, nhặt về cho nhanh
Kéo quân đến đóng Ba Đình
Đào hào, đắp ụ, can thành tứ vi”.*

Giới thiệu Phạm Bành và Đinh Công Tráng bằng thơ

“Trông ra dãy phố hai hàng

Đồn đây có tiếng một chàng cai Mao*

Người này thật đáng anh hào

Quân dư năm vạn, người cao bằng vôi

Bình yên vẫn thường xuống chơi

Đến ngày loạn lạc trấn nơi cửa rừng”.

“Có chàng Công Tráng họ Đinh

Dựng lũy Ba Đình chống đánh giặc Tây

Cơ mưu dũng lược ai tày

Chẳng quản đêm ngày vì nước lo toan”

Hương Khê



- Phan Đình Phùng sinh ra và lớn lên tại làng Đông Thái, huyện

La Sơn (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình nho học.

Phan Đình Phùng (1847 - 1895) hiệu: Châu Phong, là nhà thơ và là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ 19 trong lịch sử Việt Nam.

- Cao Thắng (1864-1893) sinh trưởng trong một gia đình nông dân tại làng Tuần Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Năm 1885, cụ Phan Đình Phùng hưởng ứng chiếu Cần vương, được vua Hàm Nghi giao trọng trách tổ chức phong trào kháng Pháp ở Hà Tĩnh. Ông Cao Thắng gia nhập nghĩa quân. Ông được cụ Phan Đình Phùng phong chức Quản cơ, lo việc đôn đốc tổ chức nghĩa quân. Năm 1893 ông bị trúng đạn mà mất.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

? Vì sao phe chủ chiến chiếm số ít mà dám chống lại Pháp

Vì Tôn Thất Thuyết là Thượng thư Bộ binh, nắm binh quyền.

Được một số quan lại và nhân dân ủng hộ.

Ông phế bỏ các vua thân Pháp, đưa Hàm Nghi lên ngôi

? Tại sao cuộc phản công diễn ra quyết liệt nhưng thất bại?

Do chênh lệch về lực lượng và vũ khí

? Mục đích chiếu Cần Vương là gì?

Khởi nghĩ a	Thời gian	Lãnh đạo	Địa bàn	Hoạt động chính	Kết quả
-------------------	--------------	-------------	---------	-----------------	------------

Ba Đình	1886 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Căn cứ Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn-Thanh Hóa	+ 12 –1886 đến 1/1887 cuộc khởi nghĩa diễn ra quyết liệt, đẩy lui nhiều đợt tấn công của địch	Thất bại
Bãi Sậy	1885 - 1892	Nguyễn Thiện Thuật	Vùng lau sậy thuộc tỉnh Hưng Yên	+ 1883 –1889: Nghĩa quân chiến đấu quyết liệt chống Pháp. 1889 - 1892: Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc => Phong trào tan rã	Thất bại
Hương Khê	1885 - 1896	Phan Đình Phùng, Cao Thắng	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.	+ 1885 –1888: xây dựng lực lượng . + 1889 –1896: Chiến đấu ác liệt giữa nghĩa quân và Pháp.	Thất bại
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.					

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi ôn tập

Câu 1: Vì sao phong trào Cần vương thất bại?

- A. Địa hình bất lợi trong quá trình đấu tranh.
- B. Thiếu một giai cấp tiên tiến đủ sức lãnh đạo.
- C. Vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt.

D. Không được tăng lớp nhân dân ủng hộ.

Câu 2: Phong trào yêu nước chống xâm lược đã dâng lên sôi nổi, kéo dài từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX được gọi là phong trào gì?

- A. Phong trào nông dân
- B. Phong trào nông dân Yên Thế
- C. Phong trào Duy Tân
- D. Phong trào Cần vương.

Câu 3: Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương là cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Ba Đình
- B. Khởi nghĩa Bãi Sậy
- C. Khởi nghĩa Hương Khê.
- D. Khởi nghĩa Yên Thế

Câu 4: Mục tiêu của phong trào yêu nước Cần Vương là gì?

- A. Đánh đế quốc, giành lại độc lập dân tộc, khôi phục lại chế độ phong kiến.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến, giành độc lập dân tộc.
- C. Đánh đổ phong kiến, đế quốc giành độc lập.
- D. Đánh đế quốc thành lập nước cộng hòa.

Câu 5: Sự kiện nào đánh dấu sự chấm dứt của phong trào Cần Vương ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX?

- A. Vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt.
- B. Khởi nghĩa Ba Đình thất bại
- C. Khởi nghĩa Hương Khê thất bại.
- D. Khởi nghĩa Bãi Sậy thất bại

Câu 6: Vì sao cuộc khởi nghĩa Hương Khê là khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương?

- A. Có sự ảnh hưởng của văn thân sĩ phu yêu nước
- B. Quy mô rộng lớn khắp cả nước.
- C. Thời gian tồn tại hơn 10 năm.
- D. Được trang bị vũ khí hiện đại.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	A	C	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Em hãy tìm hiểu thêm về các cuộc đấu tranh chống Pháp những năm cuối thế kỉ XIX theo những gợi ý sau tên cuộc khởi nghĩa, thời gian, người lãnh đạo, lực lượng tham gia, địa bàn hoạt động, những trận đánh tiêu biểu

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 47**BÀI 18: PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM 1885 -1896 (Tiết2)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương (1885-1896).
- Trình bày được những nét cơ bản của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913).

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử dưới sự hướng dẫn của GV đã tìm hiểu và những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Thể hiện lòng tự hào trân trọng trước sự của tranh và hi sinh anh dũng của các lãnh tụ và nghĩa quân yêu nước trong phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam vào thế kỷ XIX.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên.**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi “Trạm xe bus”. GV đưa ra các câu hỏi để HS trả lời nhanh và ghi điểm cộng.



? Khởi nghĩa Bãi Sậy do ai lãnh đạo?

? Khởi nghĩa Hương Khê do ai lãnh đạo?

? Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương là cuộc khởi nghĩa nào?

? Sự kiện nào đánh dấu sự chấm dứt của phong trào Cần Vương ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: **Nguyễn Thiện Thuật**

Câu 2: **Phan Đình Phùng**

Câu 3: Khởi nghĩa Hương Khê

Câu 4: Khởi nghĩa Hương Khê thất bại.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Cùng với phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX, phong trào tự vệ vũ trang kháng Pháp của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX đã gây cho thực dân Pháp không ít khó khăn, điển hình nhất là cuộc khởi nghĩa Yên Thế (tồn tại gần 30 năm). Hôm nay, chúng ta tìm hiểu về khởi nghĩa Yên Thế.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 -1913)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những nét cơ bản của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức theo công thức 5W+1H ? Who: Ai là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế? ? When: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra khi nào? ? Where: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra ở đâu? ? What: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế có kết quả gì? ? Why: Vì sao cuộc khởi nghĩa Yên Thế bùng nổ ? ? How: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra như thế nào? ? Vì sao khởi nghĩa Yên Thế thất bại và ý nghĩa lịch sử? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV cung cấp tư liệu - Hoàng Hoa Thám sinh năm 1858 tên thật là Trương Văn Thám, thời trẻ có tên Trương Văn Nghĩa, quê ở làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sau lên ở làng Ngọc Cục, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. - Hình 18.7, Hoàng Hoa Thám (1858 - 1913) Ông tên thật	2. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 - 1913). a. Nguyên nhân - Yên thế trở thành mục tiêu bình định của thực dân Pháp - Để bảo vệ cuộc sống, nhân dân Yên Thế đứng lên đấu tranh. b. Diễn biến - Cuộc khởi nghĩa kéo dài từ năm 1884 đến 1913 c. Kết quả - Bị thực dân Pháp đàn áp

là Trương Văn Nghĩa, quê ở làng Dị Chế (xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên), sau đó di cư lên Sơn Tây (Hà Nội) rồi đến Yên Thế (Bắc Giang). Khi cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Yên Thế nổ ra, ông tham gia nghĩa quân của Lương Văn Năm (Đề Năm), Khi Đề Năm chết, ông đứng ra lãnh đạo phong trào.

Hoàng Hoa Thám có vóc người vạm vỡ, tóc thường cắt ngắn, nói năng nhỏ nhẹ, sống kín đáo, giản dị, nhưng sự can đảm lòng kiên trì và tài năng chiến trận của ông đã khiến cho kẻ thù nhiều phen khiếp đảm. Chúng đã phải thừa nhận rằng "Đề Thám rất can đảm, ưa hành động, bản năng chiến trận của ông thật là kì diệu... Ông ta có những tài năng lớn của một chiến binh. Sẽ là hèn hạ nếu không công nhận điều đó. Dựa vào vùng rừng núi hiểm trở, vận dụng linh hoạt chiến thuật đánh du kích, Đề Thám đã lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu chống thực dân Pháp trong suốt 30 năm, gây cho chúng nhiều phen khốn đốn và tổn thất nặng nề.

Hình 18.8. Đề thám và nghĩa quân Yên Thế. Bức ảnh này do viên Trung úy Pháp là Rô-man Đi-pho-si (Romain Destesses) chụp người đồng hương của mình (người mặc áo trắng đứng sau Đề Thám) với Đề Thám và các chiến hữu của ông. Thông qua bức ảnh cho thấy nó được chụp trong giai đoạn nghĩa quân giảng hòa với quân Pháp, mối quan hệ giữa Đề Thám và người Pháp lúc này có vẻ "hữu hảo", Cậu bé trai, con Cả Huỳnh (đứng trước viên sĩ quan Pháp) còn được kê ghế dùng để không bị khuất giữa các cửa chú. Sau này, khi quan hệ trở thành thù địch, chân dung từng người trong ảnh được nghiên cứu ghi nhận kĩ lưỡng nhằm mục đích tiêu diệt (thể hiện qua việc viết tên trên áo của từng để dễ cho việc đối chiếu, tra xét).

Năm 1892 Đề Năm hy sinh ông trở thành lãnh tụ tối cao

của phong trào Yên Thế. Đề Thám tiếp tục hoạt động lập căn cứ Yên Thế và trở thành thủ lĩnh danh tiếng nhất của phong trào nông dân chống Pháp với biệt danh “ Hùm xám Yên Thế”.

Ngày 10 tháng 2 năm 1913, Hoàng Hoa Thám hy sinh tại khu vực Hồ Náy



Chân dung Cai Rinh và Cai Huynh.



GV có thể đặt câu hỏi mở rộng:

? Thành phần lãnh đạo của phong trào nông dân Yên Thế khác với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương như thế nào? (phong trào chống Pháp ở Yên Thế không phải do một số người hoặc một cá nhân, văn thân, sĩ phu phát động, tập hợp mà là một loạt các cuộc khởi nghĩa nhỏ là do nhiều thủ lĩnh địa phương cầm đầu. Những người này đều xuất phát từ nông dân địa phương, ít chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, không nhằm hưởng ứng khẩu hiệu Cần vương, mong muốn xây dựng một cuộc sống bình quân, bình đẳng (sơ khai) về kinh tế và xã hội - một biểu hiện của tính tự phát về mặt tư tưởng của nông dân; nhận xét về thời gian tồn tại của cuộc khởi nghĩa là cuộc khởi nghĩa diễn ra lâu nhất trong phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX, tính chất biểu biểu của cuộc khởi nghĩa là

mang tính dân tộc yêu nước.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

? Who: Ai là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế?

Hoàng Hoa Thám (Đề Thám)

? When: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra khi nào?

Khởi nghĩa Yên Thế bắt đầu từ năm 1884

? Where: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra ở đâu?

Căn cứ Yên Thế ở phía tây bắc tỉnh Bắc Giang, có diện tích khoảng 40-50km² gồm đất đồi là chủ yếu, có cây cối rậm rạp, gò bụi um tùm .

Từ đây có thể đi thông sang Tam Đảo, Thái Nguyên, xuống Phúc Yên, Vĩnh Yên. Địa hình rất hiểm trở.

? What: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế có kết quả gì?

Thất bại

? How: Cuộc khởi nghĩa Yên Thế diễn ra như thế nào?

STT	Năm	Nội dung
1	12/1890	Nghĩa quân đánh bại ba cuộc tấn công của quân Pháp vào căn cứ Hồ Chuối nhưng sau nhiều trận chiến, họ phải rút lui khỏi căn cứ.
2	5/1894	Nghĩa quân phục kích cuộc tấn công của quân Pháp lên Yên Thế buộc quân Pháp phải hoà hoãn
3	1897	Tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân củng cố và phát triển địa bàn hoạt động. Đồn Phồn Xương (Bắc Giang) từng là nơi gặp gỡ giữa Đề Thám với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

4	1908	Lấy cớ nghĩa quân tham gia vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công lên Yên Thế. Ngày 10 – 2 – 1913, Hoàng Hoa Thám bị sát hại, phong trào tan rã.	
? Vì sao khởi nghĩa Yên Thế thất bại và ý nghĩa lịch sử? - Do Pháp lúc này còn mạnh, cấu kết với phong kiến đàn áp - Lực lượng nghĩa quân còn mỏng và yếu - Cách thức tổ chức và lãnh đạo còn nhiều hạn chế - Thể hiện tinh thần yêu nước chống Pháp của giai cấp nông dân Góp phần làm chậm quá trình bình định của Pháp. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.			

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Nông dân Yên Thế đứng lên nhằm mục đích gì?

- A. Giúp vua cứu nước
- B. Bảo vệ cuộc sống
- C. Giành lại độc lập.
- D. Cứu nước, cứu nhà.

Câu 2: Giai đoạn 1893 – 1908 là thời kì nghĩa quân Yên Thế làm gì?

- A. Xây dựng phòng tuyến
- B. Tìm cách giải hoà với quân Pháp.
- C. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở.

D. Tích lũy lương thực, xây dựng quân tình nhuế.

Câu 3: Giai đoạn 1893 – 1908, khi nhận thấy tương quan lực lượng của ta và địch quá chênh lệch, Đề Thám đã có một quyết định sáng suốt đó là gì?

A. Tìm cách giảng hòa với thực dân Pháp.

B. Lo tích lũy lương thực.

C. Xây dựng đội quân tình nhuế, sẵn sàng chiến đấu.

D. Liên lạc với một số nhà yêu nước: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh

Câu 4: Vì sao cuộc khởi nghĩa Yên Thế được xem là cuộc khởi nghĩa nông dân?

A. Cuộc khởi nghĩa có nông dân tham gia dưới sự chỉ huy của văn thân sĩ phu.

B. Cuộc khởi nghĩa mà mục tiêu chủ yếu là đòi ruộng đất cho nông dân.

C. Cuộc khởi nghĩa mà lực lượng tham gia chủ yếu là nông dân.

D. Cuộc khởi nghĩa mà lãnh đạo và lực lượng tham gia khởi nghĩa đều là nông dân.

Câu 5: Đề Thám trở thành chỉ huy tối cao của phong trào nông dân Yên Thế từ khi nào?

A. 1884

B. 4/1892

C. 1893

D. 1897

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	A	D	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy làm 1 đoạn video ngắn về Hoàng Hoa Thám với nội dung sau:

- Đóng góp/vai trò của nhân vật trong cuộc kháng chiến.
- Địa danh, công trình hiện nay liên quan đến nhân vật mà em biết.
- Bài học mà em học được từ nhân vật.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 48**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 8

ĐỀ CHÍNH**THỨC****ĐỀ 801**

Ngày kiểm tra: 24 tháng 04 năm 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm 02 trang, học sinh làm bài ra phiếu trả lời)

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Lựa chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau đây:

Câu 1. Vì sao nông dân Yên Thế lại đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp?

- A. Nông dân Yên Thế muốn chống lại chính sách bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống.
- B. Nông dân Yên Thế muốn khôi phục lại chế độ phong kiến, thiết lập lại ngôi vua phong kiến.
- C. Nông dân Yên Thế hưởng ứng chiếu Cần vương do vua Hàm Nghi ban ra.
- D. Nông dân Yên Thế phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.

Câu 2. Xu hướng bạo động và xu hướng cải cách trong phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX đều

- A. xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc.
- B. không bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.
- C. do giai cấp tư sản khởi xướng và lãnh đạo.
- D. có sự kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.

Câu 3. Những giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

- A. địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.
- B. công nhân, tư sản, tiểu tư sản.
- C. nông dân, địa chủ, tiểu tư sản.
- D. công nhân, tư sản, nông dân.

Câu 4. Lãnh đạo của khởi nghĩa Yên Thế thuộc tầng lớp nào?

- A. Địa chủ
- B. Nông dân.
- C. Võ quan
- D. Văn thân, sĩ phu.

Câu 5. Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến xã hội nước ta như thế nào?

- A. Điều hòa các mối quan hệ xã hội, giảm mâu thuẫn dân tộc.
- B. Xã hội phân hóa sâu sắc, xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới.
- C. Đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội ổn định.
- D. Không còn giai cấp bóc lột, xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp.

Câu 6. Dựa vào đâu Hội Duy tân chủ trương bạo động vũ trang để giành độc lập?

- A. Dựa vào sự giúp đỡ về khí giới và tiền bạc từ bên ngoài.
- B. Dựa vào lực lượng tiến bộ, dân chủ trên thế giới.
- C. Dựa vào tiềm lực kinh tế, quân sự trong nước.
- D. Dựa vào việc tuyên truyền, cổ động nội dung học tập và nếp sống mới.

Câu 7. Đâu không phải lí do các sĩ phu đưa ra những đề nghị cải cách nửa cuối thế kỉ XIX?

- A. Triều đình nhà Nguyễn phát động cải cách kinh tế, xã hội.
- B. Quan lại, sĩ phu là những người học rộng, biết nhiều.
- C. Xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân.
- D. Từ thực trạng đất nước đang khủng hoảng, suy yếu.

Câu 8. Nội dung nào không nằm trong chính sách văn hóa giáo dục của thực dân Pháp?

- A. Truyền bá văn minh, tri thức khoa học cho người Việt.
- B. Hạn chế mở trường học.
- C. Khuyến khích các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội.
- D. Duy trì hệ thống giáo dục thời phong kiến.

Câu 9. Công trình văn hóa do người Pháp xây dựng còn tồn tại đến ngày nay là

- A. chợ Đồng Xuân.
- B. ga Hàng Cỏ.
- C. cầu Long Biên.
- D. Nhà Hát Lớn.

Câu 10. Nhận xét nào đúng về tổ chức bộ máy cai trị do Pháp xây dựng ở Đông Dương?

- A. Tổ chức chặt chẽ, dựa hoàn toàn vào lực lượng tay sai.
- B. Tổ chức chặt chẽ, người Pháp chỉ phối từ trung ương tới địa phương.
- C. Tổ chức lỏng lẻo, hoàn toàn do người Pháp chỉ phối.
- D. Tổ chức khá lỏng lẻo, chủ yếu do người Việt quản lí.

Câu 11. Nét nổi bật của phong trào nông dân Yên Thế trong giai đoạn 1884-1892 là

- A. liên tiếp phải chống lại các cuộc càn quét lớn của thực dân Pháp.
- B. vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở.
- C. giảng hòa để chuẩn bị lực lượng đấu tranh.
- D. các toán quân hoạt động riêng rẽ, thủ lĩnh có uy tín nhất là Đề Năm.

Câu 12. Nhà cải cách tiêu biểu nhất của nước ta nửa cuối thế kỉ XIX là

- A. Phan Huy Tế.
- B. Đinh Văn Điền.
- C. Nguyễn Trường Tộ.
- D. Nguyễn Lộ Trạch.

Câu 13. Sau khi hoàn thành công cuộc bình định, thực dân Pháp đã chia Việt Nam thành

- A. ba xứ với chế độ cai trị giống nhau.
- B. hai xứ với chế độ cai trị giống nhau.
- C. hai xứ với hai chế độ cai trị khác nhau.
- D. ba xứ với ba chế độ cai trị khác nhau.

Câu 14. Giai cấp đông đảo nhất tham gia cuộc vận động giải phóng dân tộc là giai cấp nào?

- A. Công nhân.
- B. Tiểu tư sản.
- C. Nông dân.
- D. Tư sản dân tộc.

Câu 15. Người sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thực là ai?

- A. Huỳnh Thúc Kháng.
- B. Phan Châu Trinh.
- C. Phan Bội Châu.
- D. Lương Văn Can.

Câu 16. Tình hình kinh tế của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

- A. Lớn mạnh, đủ sức cạnh tranh với tư bản Pháp.
- B. Làm thuê cho tư bản Pháp, bị bóc lột.
- C. Yếu ớt về kinh tế, bị tư bản Pháp chèn ép.
- D. Cấu kết với tư bản Pháp, thu được nhiều lợi nhuận.

Câu 17. Lực lượng chủ yếu tham gia trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. bình dân thành thị.
- B. tư sản.
- C. quan lại, sĩ phu yêu nước.
- D. nông dân.

Câu 18. Thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên các lĩnh vực:

- A. chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- B. kinh tế, văn hóa, xã hội.
- C. kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục.
- D. chính trị, kinh tế, xã hội.

Câu 19. Nội dung nào không phải là nguyên nhân dẫn tới thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Thế?

- A. Bó hẹp trong một địa phương, dễ bị cô lập.

B. Cuộc khởi nghĩa thu hút quá nhiều các nhà yêu nước.

C. So sánh lực lượng quá chênh lệch, thực dân Pháp và phong kiến cấu kết đàn áp.

D. Chưa có sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến.

Câu 20. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp diễn ra trong thời gian

A. từ năm 1896 đến năm 1918.

C. từ năm 1896 đến năm 1914.

B. từ năm 1897 đến năm 1914.

D. từ năm 1895 đến năm 1914.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm). Trình bày nội dung chính sách nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất tại Việt Nam. Nêu điểm tích cực và hạn chế của các chính sách đó.

Câu 2 (2 điểm). Từ những kiến thức đã học, hãy giới thiệu về nhà cách mạng Phan Bội Châu. Em học hỏi được gì từ ông?

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 8

ĐỀ CHÍNH
THỨC

Ngày kiểm tra: 24 tháng 04 năm 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 802

(Đề gồm 02 trang, học sinh làm bài ra phiếu trả lời)

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Lựa chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau đây:

Câu 1. Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến xã hội nước ta như thế nào?

- A. Không còn giai cấp bóc lột, xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp.
- B. Điều hòa các mối quan hệ xã hội, giảm mâu thuẫn dân tộc.
- C. Xã hội phân hóa sâu sắc, xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới.
- D. Đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội ổn định.

Câu 2. Lực lượng chủ yếu tham gia trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. binh dân thành thị.
- B. nông dân.
- C. quan lại, sĩ phu yêu nước.
- D. tư sản.

Câu 3. Sau khi hoàn thành công cuộc bình định, thực dân Pháp đã chia Việt Nam thành

- A. ba xứ với chế độ cai trị giống nhau.
- B. hai xứ với hai chế độ cai trị khác nhau.
- C. hai xứ với chế độ cai trị giống nhau.
- D. ba xứ với ba chế độ cai trị khác nhau.

Câu 4. Nội dung nào không nằm trong chính sách văn hóa giáo dục của thực dân Pháp?

- A. Duy trì hệ thống giáo dục thời phong kiến.
- B. Khuyến khích các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội.
- C. Hạn chế mở trường học.
- D. Truyền bá văn minh, tri thức khoa học cho người Việt.

Câu 5. Dựa vào đâu Hội Duy tân chủ trương bạo động vũ trang để giành độc lập?

- A. Dựa vào lực lượng tiên bộ, dân chủ trên thế giới.
- B. Dựa vào sự giúp đỡ về khí giới và tiền bạc từ bên ngoài.
- C. Dựa vào tiềm lực kinh tế, quân sự trong nước.
- D. Dựa vào việc tuyên truyền, cổ động nội dung học tập và nếp sống mới.

Câu 6. Người sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thực là ai?

- A. Lương Văn Can.
- B. Phan Châu Trinh.
- C. Huỳnh Thúc Kháng.
- D. Phan Bội Châu.

Câu 7. Thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên các lĩnh vực:

- A. chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- B. chính trị, kinh tế, xã hội.
- C. kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục.

D. kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 8. Đâu không phải lí do các sĩ phu đưa ra những đề nghị cải cách nửa cuối thế kỉ XIX?

- A. Xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân.
- B. Triều đình nhà Nguyễn phát động cải cách kinh tế, xã hội.
- C. Quan lại, sĩ phu là những người học rộng, biết nhiều.
- D. Từ thực trạng đất nước đang khủng hoảng, suy yếu.

Câu 9. Nhận xét nào đúng về tổ chức bộ máy cai trị do Pháp xây dựng ở Đông Dương?

- A. Tổ chức khá lỏng lẻo, chủ yếu do người Việt quản lí.
- B. Tổ chức chặt chẽ, người Pháp chi phối từ trung ương tới địa phương.
- C. Tổ chức lỏng lẻo, hoàn toàn do người Pháp chi phối.
- D. Tổ chức chặt chẽ, dựa hoàn toàn vào lực lượng tay sai.

Câu 10. Nét nổi bật của phong trào nông dân Yên Thế trong giai đoạn 1884-1892 là

- A. giảng hòa để chuẩn bị lực lượng đấu tranh.
- B. liên tiếp phải chống lại các cuộc càn quét lớn của thực dân Pháp.
- C. các toán quân hoạt động riêng rẽ, thủ lĩnh có uy tín nhất là Đề Năm.
- D. vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở.

Câu 11. Lãnh đạo của khởi nghĩa Yên Thế thuộc tầng lớp nào?

- A. Võ quan
- B. Nông dân.
- C. Văn thân, sĩ phu.
- D. Địa chủ

Câu 12. Tình hình kinh tế của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

- A. Làm thuê cho tư bản Pháp, bị bóc lột.
- B. Lớn mạnh, đủ sức cạnh tranh với tư bản Pháp.
- C. Yếu ớt về kinh tế, bị tư bản Pháp chèn ép.
- D. Cấu kết với tư bản Pháp, thu được nhiều lợi nhuận.

Câu 13. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp diễn ra trong thời gian

- A. từ năm 1896 đến năm 1914.
- B. từ năm 1897 đến năm 1914.
- C. từ năm 1895 đến năm 1914.
- D. từ năm 1896 đến năm 1918.

Câu 14. Giai cấp đông đảo nhất tham gia cuộc vận động giải phóng dân tộc là giai cấp nào?

- A. Tư sản dân tộc.
- B. Nông dân.
- C. Tiểu tư sản.
- D. Công nhân.

Câu 15. Nội dung nào không phải là nguyên nhân nào dẫn tới thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Thế?

- A. Bó hẹp trong một địa phương, dễ bị cô lập.
- B. Chưa có sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến.
- C. Cuộc khởi nghĩa thu hút quá nhiều các nhà yêu nước.
- D. So sánh lực lượng quá chênh lệch, thực dân Pháp và phong kiến cấu kết đàn áp.

Câu 16. Vì sao nông dân Yên Thế lại đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp?

- A. Nông dân Yên Thế muốn khôi phục lại chế độ phong kiến, thiết lập lại ngôi vua phong kiến.
- B. Nông dân Yên Thế phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.
- C. Nông dân Yên Thế hưởng ứng chiếu Cần vương do vua Hàm Nghi ban ra.
- D. Nông dân Yên Thế chống lại chính sách bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống.

A. công nhân, tư sản, tiểu tư sản. **B.** địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.
C. nông dân, địa chủ, tiểu tư sản. **D.** công nhân, tư sản, nông dân.

A. cầu Long Biên. **B.** ga Hàng Cỏ. **C.** chợ Đồng Xuân. **D.** Nhà Hát

A. có sự kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.

C. xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 20. Nhà cải cách tiêu biểu nhất của nước ta nửa cuối thế kỉ XIX là

A. Phan Huy Tế. B. Nguyễn Lô Trách. C. Nguyễn Trường Tô. D. Đinh

Câu 1 (3 điểm). Trình bày nội dung của chính sách công nghiệp, giao thông – vận tải của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất tại Việt Nam. Nêu điểm tích cực và hạn chế của các chính sách đó.

Câu 2 (2 điểm). Từ những kiến thức đã học, hãy giới thiệu về nhân vật Phan Châu Trinh.
Em học hỏi được gì từ ông?

Tiết 49

BÀI 19: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở VIỆT NAM

TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1917 (Tiết 1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam
- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành,

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được các sơ đồ để tìm hiểu về xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành.
- Thông qua việc tìm hiểu và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, rút ra bài học cho bản thân.

3. Về phẩm chất

- Đồng cảm: Chia sẻ với nỗi đau khổ của các giai cấp tầng lớp bị bóc lột dưới chế độ thực dân phong kiến; lên án chính sách áp bức, bóc lột, bất công; ủng hộ cái tiến bộ.
- Trân trọng và biết ơn công lao của những nhà yêu nước cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 đoạn video về Cầu Long Biên và yêu cầu HS đoán tên cây cầu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Vậy bối cảnh nào thúc đẩy Người sang phương Tây? Con đường và những hoạt động

của Người có gì khác so với các nhà yêu nước tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh? Chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam

- a. Mục tiêu:**
- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến							
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chia HS làm 4 nhóm thảo luận và ghi câu trả lời vào bảng nhóm ? Trình bày những tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam		1. Tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam							
		<table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Tác động</th></tr><tr><td>Chính trị</td><td rowspan="3">Quyền lực nằm trong tay người Pháp. Một bộ phận địa chủ phong kiến bị biến thành tay sai, công cụ thống trị và bóc lột của chính quyền thực dân.</td></tr><tr><td>Kinh tế</td></tr><tr><td>Văn hóa – giáo dục</td></tr></table>	Lĩnh vực	Tác động	Chính trị	Quyền lực nằm trong tay người Pháp. Một bộ phận địa chủ phong kiến bị biến thành tay sai, công cụ thống trị và bóc lột của chính quyền thực dân.	Kinh tế	Văn hóa – giáo dục	
Lĩnh vực	Tác động								
Chính trị	Quyền lực nằm trong tay người Pháp. Một bộ phận địa chủ phong kiến bị biến thành tay sai, công cụ thống trị và bóc lột của chính quyền thực dân.								
Kinh tế									
Văn hóa – giáo dục									
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn HS các nhóm — HS khai thác thông tin từ tư liệu để nêu được những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX,									

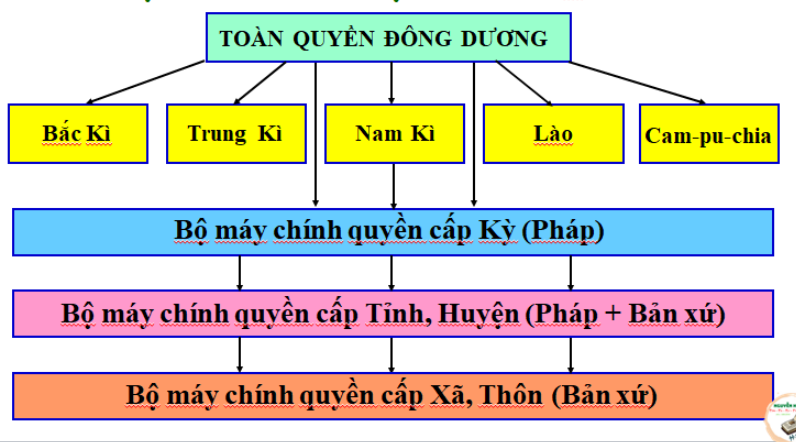
- Chính sách khai thác thuộc địa , chính sách kinh tế, chính sách văn hoá - giáo dục, tác động làm thay đổi xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Liên bang Đông Dương là khu vực hành chính lãnh thổ phụ thuộc nhà nước Pháp, được thành lập theo Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 17.10.1887. - Lúc mới thành lập, Liên bang Đông Dương (Union Indochinoise) gồm Việt Nam và Cao Miên, trong đó, Việt Nam bị chia làm ba xứ là Nam Kỳ, Trung kỳ và Bắc Kỳ và bị cai trị theo ba chế độ khác nhau. + Bắc Kỳ là xứ nửa bảo hộ, do một viên Thống sứ (Bắc Kỳ) + Trung Kỳ theo chế độ bảo hộ, do một viên khâm sứ (Trung Kỳ) cai trị. + Nam Kỳ theo chế độ thuộc địa, đứng đầu là một viên Thống đốc người Pháp - Chương trình khai thác do Đume vạch ra để thi hành ở Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam) từ những năm đầu thế kỉ XX có mục đích tối thượng là biến gáp Đông Dương thành một thuộc địa khai khẩn bậc nhất, bảo đảm siêu lợi nhuận cao nhất cho đế quốc Pháp.	Kinh tế	- Việt Nam trở thành nơi khai thác tài nguyên thiên nhiên, cung cấp sức lao động rẻ mạt và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp - Kinh tế Việt Nam phát triển chậm chạp, què quặt, lạc hậu ngày càng lệ thuộc nặng nề vào nền kinh tế Pháp.
	Văn hóa – giáo dục	- Văn hoá phương Tây du nhập ngày càng mạnh (lối sống, trình độ học thức và tư duy). Đô thị phát triển ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. - Cơ cấu xã hội bắt đầu thay đổi.



Chiếm đa số vẫn là nông dân với cuộc sống nghèo khổ. Xuất hiện tầng lớp mới (tiểu tư sản, học sinh sinh viên); số lượng công nhân tăng nhanh,

GV giới thiệu tư liệu hình ảnh

SƠ ĐỒ BỘ MÁY THỐNG TRỊ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG



Giai cấp địa chủ phong kiến: - Là tay sai của Pháp => giàu có

- Một số địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép

=> ít nhiều có tinh thần dân tộc

-Tầng lớp tư sản: Vốn là những nhà thầu khoán, chủ xưởng, chủ hãng buôn...bị thực dân Pháp chèn ép.

- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị: Gồm buôn bán nhỏ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên. Có ý thức dân tộc, tích cực tham gia vào vận động cứu nước.

- Giai cấp nông dân: - Mất ruộng đất => bị bán cùng hóa.

Phần lớn là tá điền, một số trở thành công nhân trong các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy. => Là lực lượng to lớn trong phong trào.

“Đời sống nông dân cũng chẳng hơn gì. Đất xấu canh tác thì lạc hậu, do đó năng suất kém, sản lượng 1 ha ở châu Âu là 4.670 kg, ở Nhật Bản là 3.250kg, ở Nam Dương (Indônêxia) là 2.150 kg, còn ở Đông Dương sản lượng chỉ có 1.214kg.

Người bản xứ đo ruộng đất bằng “mẫu”, chứ không đo bằng héc-ta. Một mẫu đất tốt sản xuất khoảng 50 thùng thóc trị giá 24đ75. Trong số tiền này, chính phủ đã trích thu 2đ10, khoảng 10%. Nhưng cày cấy mỗi mẫu ruộng, người dân đã phải chi phí hết 28đ50 về đất nước, phân bón, giống má, thuê trâu bò, nhân công, ... Như vậy là lỗ vốn mất 3đ75.

... Suốt năm, phần lớn những người nông dân phải ăn rau, ăn khoai. Rất ít khi họ ăn cơm, chỉ trong những ngày giỗ Tết chẳng hạn thì họ mới động đến hạt cơm quý giá ấy.”

(Hồ Chí Minh – Phong trào cách mạng ở Đông Dương)

GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:

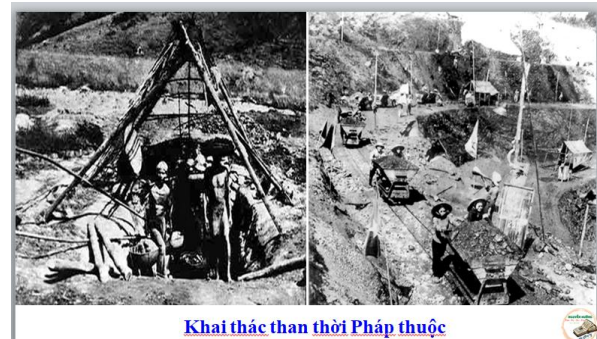
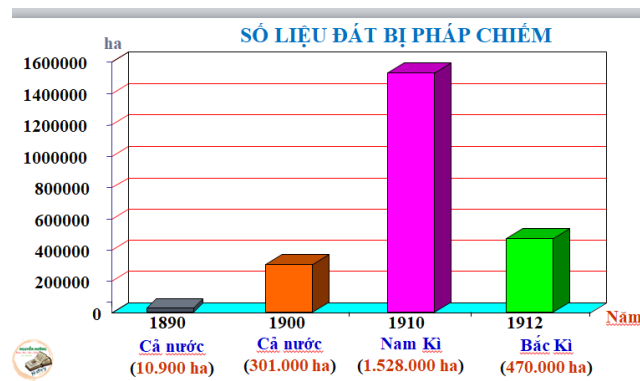
“ ...Trong một miếng đất rộng rào kín bốn bề, có 3.000 - 4.000 người mặc quần áo nâu rách rưới : Họ chen chúc chật ních đến nỗi nhìn chung chỉ thấy một đồng gì rung rinh, có những cánh tay giơ lên gầy như que sậy, khúc khuỷu, khô queo. Trong mỗi người bệnh gì cũng có: Mặt phù ra hay không còn chút thịt, răng rụng, mắt mờ hay lem nhem, mình đầy ghẻ chốc. Đàn ông chẳng? Đàn bà chẳng? Hai mươi

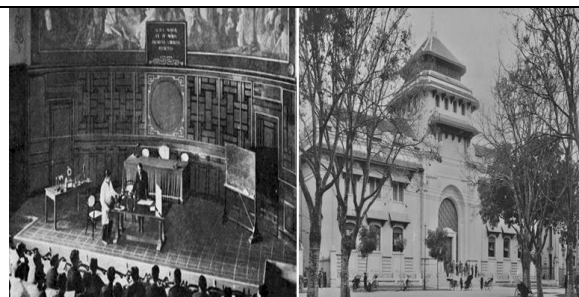
tuổi? Hay sáu mươi tuổi? Không phân biệt được! Không còn phân biệt được trai, gái, già trẻ nữa, chỉ thấy một cái tình cảnh khốn khổ tột bậc mà hàng nghìn miệng đen kêu lên như những tiếng kêu của súc vật.”

(Trích Tư liệu Lịch sử 9)

Qua đoạn sử liệu trên, em có nhận xét gì về tình cảnh người nông dân Việt Nam?

GV cung cấp tư liệu hình ảnh





Đại học Luật Đông Dương.

GV cung cấp tư liệu hình ảnh

- Hình 19.1: Cầu Long Biên tại Hà Nội

+ Cầu Long Biên dài 1682 m được thiết kế theo kiểu dầm chia đỡ 2 bên, các thanh đỡ hình răng cưa, đỉnh cao nhất là 17 m tính từ trụ cầu (kỹ thuật này lần đầu tiên được sử dụng để xây dựng cầu trên tuyến đường sắt Pa-ri). Theo thiết kế, cầu Long Biên có 19 nhịp gồm: hai nhịp tiếp giáp hai bờ dài 78,7 m, 9 nhịp dài 75 m xen kẽ với 8 nhịp dài 106,2 m, đặt trên 20 trụ. Mỗi bên vỉa hè rộng 1,3 m, ngoài là lan can sắt cao 1 m. Chiều dài phần sắt là 1682 m, cộng thêm phần cầu dẫn tổng cộng là 2.500 m.

+ Công trình được khởi công ngày 12 – 9 – 1898, Lúc cao điểm công trường có tới 3.000 thợ người Việt. Có thể coi những người thợ sắt, thợ xây, thợ cầu thợ đá... này là những lớp công nhân Việt Nam đầu tiên. Trong bài viết "Cây cầu Long Biên" của Pôn Đu-me đã viết: "Chính nhân công bản xứ đã lắp ghép các thanh sắt, điều khiển những máy móc mạnh mẽ để cưa, trục các cây sắt lớn và lắp đặt những đỉnh tán. Lúc đầu thợ tán đỉnh phản lớn trong số đó là thợ Trung Quốc vì họ khoẻ hơn người An Nam nhưng dần sau đó, thợ An Nam đã gạt bỏ họ. Người An Nam dù sức có yếu hơn nhưng họ năng động và khéo léo. Các đốc

công, kĩ sư cũng ưa thích họ hơn". + Không chỉ nhân công người Việt, cầu Long Biên sử dụng tới 75% vật liệu trong nước, gồm: 30 000 m khối đá, hàng vạn mét gỗ lim lát mặt hai bên cánh gà lấy từ Thanh Hoá; hàng vạn tấn vôi chuyên từ Huế ra và hàng triệu tấn xi măng lấy từ Hải Phòng, + Đến ngày 3 – 2 – 1902, cầu đã được hợp long và đến ngày 28 – 2 – 1902, lễ khánh thành được tổ chức trọng thể. Vào thời điểm đó, đây là cây cầu dài thứ hai thế giới, sau cầu Bruc-lin ở Mỹ. Cầu mang tên Toàn quyền Pôn Đu-me nhưng nhân dân thường gọi là cầu Long Biên với ý nghĩa nó nằm bên cạnh thành Thăng Long xưa và còn có tên khác là cầu Sông Cái. + Việc hoàn thành cầu Long Biên cũng là hoàn thành đường sắt trên cầu để chuẩn bị khớp nối với tuyến đường sắt Hà Nội – Phủ Lạng Thương. Cũng trong năm 1902, tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng dài 100 km bắt đầu được xây dựng để phục vụ cho việc chuyên chở hàng hoá từ cảng Hải Phòng về Hà Nội, có vai trò quan trọng trong công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. - Hình 19.2 : Công nhân khai thác mỏ đầu thế kỉ XX: Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đưa đến sự phát triển của công thương nghiệp với các xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ... xuất hiện đã dẫn tới sự hình thành một giai cấp mới trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX – giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam có xuất thân chủ yếu là từ nông dân bị mất ruộng đất, phải bán sức lao động trong các nhà máy, xí nghiệp để kiếm sống nên họ có quan	
---	--

hệ mật thiết với nông dân. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS thảo luận cặp đôi
Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những giai cấp, tầng lớp cơ bản nào? Những giai cấp, tầng lớp này có địa vị khác nhau, nhưng theo em, họ có điểm gì chung?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sưu tầm các công trình kiến trúc của Pháp mà hiện nay vẫn còn trên đất nước ta. Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn để giới thiệu về công trình đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 50

BÀI 19: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở VIỆT NAM

TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1917 (Tiết 2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam
- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành,

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được các sơ đồ để tìm hiểu về xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành.
- Thông qua việc tìm hiểu và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, rút ra bài học cho bản thân.

3. Về phẩm chất

- Đồng cảm: Chia sẻ với nỗi đau khổ của các giai cấp tầng lớp bị bóc lột dưới chế độ thực dân phong kiến; lên án chính sách áp bức, bóc lột, bất công; ủng hộ cái tiến bộ.
- Trân trọng và biết ơn công lao của những nhà yêu nước cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh về nhân vật yêu cầu HS đoán tên



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh

a. Mục tiêu:

- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học			Sản phẩm dự kiến		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Phan Bội Châu GV chia HS làm 4 nhóm thảo luận và ghi câu trả lời vào bảng nhóm Hoàn thành bảng sau về những hoạt động của Phan Bội Châu?			2. Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918		
			Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Chu Trinh
			Nhiệm vụ	Đánh đuổi TD Pháp, khôi phục lại	Đánh đổ phong kiến, thực hiện cải cách xã hội “Khai thông
Năm	Sự kiện chính	Kết quả			
1904					
1905					
192					

1913				chế độ phong kiến	dân trí, mở mang dân quyền”
Nhiệm vụ 2: Phan Châu Trinh			Con đường CM	Bạo động cách mạng	Cải cách
Hoàn thành bảng sau về những hoạt động của Phan Châu Trinh?			Hoạt động tiêu biểu	Thành lập Hội Duy tân, tổ chức phong trào Đông Du..	Lập hội buôn, mở trường học, diễn thuyết, cổ vũ mở mang công thương nghiệp...
Năm	Sự kiện chính	Kết quả	Hạn ché	Chưa có đường lối CM đúng đắn, chưa nhận rõ bản chất của kẻ thù.	Chưa có đường lối CM đúng đắn, chống Pháp bằng cách hô hào Duy tân cải cách, xu hướng bất tay với Pháp.
1906					
1908					
So sánh đường lối cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh?			Ý nghĩa	Khuấy động lòng yêu	- Cổ vũ tinh thần học tập tự cường.
Giống nhau					
Khác nhau	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh			
B2: Thực hiện nhiệm vụ					
GV hướng dẫn HS trả lời					
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.					
GV hướng dẫn HS các nhóm làm bài					
- Phân tích tư tưởng “khai dân trí, chấn dân khí” thể hiện như thế nào qua những hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.					
- Lưu ý phải cho HS nêu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và thấy rõ cả hai ông đều đề cao "khai dân trí chấn dân khí" . Từ đó dẫn dắt HS nhận thấy tư tưởng "khai dân trí chấn dân khí" thể hiện cụ thể qua phong trào Đông du và cuộc Vận động Duy tân ở Trung Kỳ.					

GV có thể giới thiệu thêm để HS hiểu rõ hơn về con người hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu Phan Châu Trinh. Đồng thời giúp HS có thêm thông tin đã hoàn thành

+ Phan Bội châu sinh ngày 26-12-1867 tại thôn Sa Nam, xã Đông Liệt, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, tháng 5-1905, ông thành lập Hội Duy tân, một tổ chức cách mạng ở Quảng Nam, tháng 1- 1905 sang Nhật mở đầu phong trào Đông Du. Mặc dù hoạt động ở nước ngoài nhưng Ông vẫn liên hệ với phong trào trong nước đấu tranh chống Pháp. Năm 1925 ông bị bắt tại Thượng Hải rồi bị giam ở nhà tù Hoả Lò (Hà Nội) Pháp định bí mật thủ tiêu ông nhưng không thành. Ngày 24-12-1925 Pháp Buộc phải tuyên bố tha bổng Phan Bội Châu , thực chất là giam lỏng ông tại Huế.



+ Phan Châu Trinh sinh năm (1872-1926) quê ở Tiên Phước, Tam Kỳ, Quảng Nam. Năm 1900 thi đỗ cử nhân, ông hô hào mở trường học, phát triển công thương nghiệp, cải cách phong tục lạc hậu, cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, đã kích quan lại xấu

nước, cổ vũ tinh thần dân tộc.	- Giáo dục tư tưởng chống các hủ tục phong kiến,
---	---

...những hoạt động của ông đã góp phần chuẩn bị về tư tưởng cho phong trào quần chúng đấu tranh chống thuế quyết liệt ở Trung Kỳ.

ĐÁP ĐÁ Ở CÔN LÔN

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể sự con con.*

(Phan Châu Trinh)

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Năm	Sự kiện chính	Kết quả
1904	Phan Bội Châu cùng các nhà yêu nước khác thành lập Hội Duy tân, với mục đích đấu tranh để lập nên nước Việt Nam độc lập.	
1905	- Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ về khí giới, tiền bạc để đánh Pháp. - Hội Duy tân đã phát	Năm 1909, Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật

	động phong trào Đông du đưa các thanh niên Việt Nam yêu nước sang Nhật Bản học tập.	Bản. Phong trào tan rã.	
192	Phan Bội Châu đã thành lập Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Đông (Trung Quốc)		
1913	Quang phục hội đã đưa người về nước nhằm thực hiện một số cuộc ám sát các tên thực dân đầu sỏ và tay sai.	Cuộc ám sát thất bại. PBC bị bắt và bị tù ở Quảng Đông.	
Năm	Sự kiện chính	Kết quả	
1906	Phan Châu Trinh cùng nhóm sĩ phu tiến bộ mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ, diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.		
1908	Cuộc vận động Duy tân đã châm ngòi cho phong trào chống sưu thuế của nhân dân Trung Kỳ	Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, Phan Châu Trinh và nhiều nhà yêu	

		nước bắt và tù đày. Phong trào tan rã.	
So sánh			
Giống nhau	- Người yêu nước, thương dân - Ra nước ngoài tìm đường cứu nước - Chưa xác định kẻ thù, ảo tưởng với kẻ thù. - Điều theo khuynh hướng Dân chủ tư sản.		
Khác nhau	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh	
	Phương pháp ĐT Bạo động Mục tiêu: Đánh Pháp dựa vào đế quốc Nhật	Phương pháp ĐT Công khai, hợp pháp Mục tiêu: Đánh Phong kiến dựa vào đế quốc Pháp	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.			

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Hội Duy tân do Phan Bội Châu đứng đầu được thành lập năm nào?

- A. Năm 1903
- B. Năm 1904
- C. Năm 1905
- D. Năm 1906

Câu 2: Phan Châu Trinh đã đề cao phương châm gì đối với nhân dân Việt Nam?

- A. “Tự lực cánh sinh”
- B. “Tự lực khai hoá”.
- C. “Tự lực, tự cường”.
- D. “Tự do dân chủ”.

Câu 3: Chương trình học gồm các bài về địa lý, lịch sử, khoa học thường thức. Bên cạnh hình thức mở trường, các nhà Nho bên bộ còn tổ chức các buổi bình văn và xuất bản sách báo. Đó là hoạt động của tổ chức nào?

- A. Hội Duy Tân
- B. Đông Kinh Nghĩa Thục
- C. Cuộc vận động duy tân
- D. Câu A và C đúng

Câu 4: Phong trào Đông Du đưa thanh niên Việt Nam sang nước nào học tập?

- A. Lào
- B. Anh
- C. Nhật
- D. Hàn Quốc

Câu 5: Vào năm 1908, phong trào chống đi phu, chống sưu thuế diễn ra sôi nổi ở đâu?

- A. Quảng Nam-Quảng Ngãi.
- B. Quảng Bình-Quảng Nam.
- C. Quảng Trị-Quảng Nam.
- D. Quảng Nam-Đà Nẵng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	B	C	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sưu tầm tư liệu (câu chuyện hình ảnh hoặc con tem, bài thơ, bài hát câu nói... và viết bài thể hiện suy nghĩ của em (khoảng 7. 10 chữ về một trong hai nhân vật lịch sử trong bài.

Em rút ra được bài học gì từ nhân vật đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 51

BÀI 19: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1917 (Tiết 3)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam
- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành,

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được các sơ đồ để tìm hiểu về xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành.
- Thông qua việc tìm hiểu và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, rút ra bài học cho bản thân.

3. Về phẩm chất

- Đồng cảm: Chia sẻ với nỗi đau khổ của các giai cấp tầng lớp bị bóc lột dưới chế độ thực dân phong kiến; lên án chính sách áp bức, bóc lột, bất công; ủng hộ cái tiến bộ.
- Trân trọng và biết ơn công lao của những nhà yêu nước cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) **Nội dung:**

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát nghe bài hát, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV mời HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép”



Câu 1: Phong trào Đông Du đưa thanh niên Việt Nam sang nước nào học tập?

- A. Nước Mỹ.
- B. Nước Nga.
- C. Nước Pháp.
- D. Nước Nhật.

Câu 2: Phan Châu Trinh đã đề cao phương châm gì đối với nhân dân Việt Nam?

- A. “Tự do dân chủ”.
- B. “Tự lực khai hoá”.
- C. “Tự lực cánh sinh”
- D. “Tự lực, tự cường”

Câu 3: Hội Duy tân do Phan Bội Châu đứng đầu được thành lập năm nào?

- A. Năm 1902
- B. Năm 1904
- C. Năm 1906
- D. Năm 1908

Câu 4: Chương trình học gồm các bài về địa lý, lịch sử, khoa học thường thức. Bên cạnh hình thức mở trường, các nhà Nho bên bộ còn tổ chức các buổi bình văn và xuất bản sách báo. Đó là hoạt động của tổ chức nào?

- A. Đông Kinh nghĩa thực.
- B. Cuộc vận động Duy tân
- C. Hội Duy tân.
- D. Tất cả đều đúng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	D	B	B	A

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành

a. Mục tiêu:

- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành,

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1:Cá nhân GV yêu cầu HS trả lời cá nhân ? Trình bày sự hiểu biết của mình về Nguyễn Tất Thành ? Hãy tóm tắt những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 -1917? GV cho HS xem video và hình ảnh để HS trả lời. Nhiệm vụ 2: thảo luận nhóm Hãy so sánh hướng đi của Nguyễn Tất Thành với các nhà yêu nước trước đó theo bảng sau <table><tr><th>Nội dung</th><th>Phan Bội Châu Phan Châu Trinh</th><th>Nguyễn Tất Thành</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hướng đi</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Dựa trên nền tảng</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khuynh hướng</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Kết quả</td><td></td><td></td></tr></table>	Nội dung	Phan Bội Châu Phan Châu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Hoàn cảnh			Hướng đi			Dựa trên nền tảng			Khuynh hướng			Kết quả			3. Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành - 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. - Trong 6 năm, cuộc hành trình của Nguyễn Tất Thành qua nhiều nước ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Âu. - 1917, tại Pháp, tham gia các hoạt động yêu nước, có những chuyển biến trong tư tưởng.
Nội dung	Phan Bội Châu Phan Châu Trinh	Nguyễn Tất Thành																	
Hoàn cảnh																			
Hướng đi																			
Dựa trên nền tảng																			
Khuynh hướng																			
Kết quả																			
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.																			

GV hướng dẫn HS biết cách khai thác thông tin

- Hình 19.5. Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh) đầu thế kỉ XX – nơi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

+ Nguyễn Tất Thành sinh ngày 19 – 5 – 1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Trong hoàn cảnh mất nước, các cuộc đấu tranh của nhân dân ta nổ ra liên tục song đều không giành được thắng lợi, Nguyễn Tất Thành mặc dù rất khâm phục các nhà yêu nước và cách mạng tiền bối nhưng không tán thành đường lối đấu tranh của họ mà quyết định tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

+ Hình 5 là ảnh chụp bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỉ XX. Từ bến cảng này, ngày : 5– 6 – 1911, Người đã xin làm phụ bếp trên một chiếc tàu buôn Pháp mang tên Đô đốc La Tút sơ Tơ-rê-vin để có cơ hội đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. Sau đó Người đã đi đến và đi qua nhiều nước Châu Âu châu Phi và Châu Mỹ trước khi trở lại Pháp năm 1917.

- “Nhìn lại các phong trào yêu nước như phong trào Cần Vương, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu; Phong trào Đông Kinh nghĩa thực; cuộc khởi nghĩa Yên Thế do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ, Anh rất khâm phục và coi

trọng các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đó. Thực tiễn thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhiều câu hỏi và tác động đến chí hướng của Nguyễn Tất Thành, để rồi anh có một quyết định chính xác và táo bạo là xuất dương tìm đường cứu nước”.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Nội dung	Phan Bội Châu Phan Châu Trinh	Nguyễn Tất Thành
Hoàn cảnh	Pháp hoàn thành cuộc xâm lược Việt Nam	Pháp khai thác thuộc địa lần nhất
Hướng đi	Đi sang phương Đông	Đi sang phương Tây
Dựa trên nền tảng	Dựa vào nước ngoài	Dựa vào sức mình là chính
Khuynh hướng	Dân chủ tư sản	Vô sản
Kết quả	Chưa đi đến thành công	Tìm được con đường cứu nước

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính

xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập theo nhóm nhỏ

? Em hãy hoàn thành niên biểu về hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1917 theo niên biểu

Thời gian	Địa điểm tới	Hình ảnh

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Thông qua việc tìm hiểu về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 52

ÔN TẬP CUỐI KỲ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Củng cố, hệ thống lại kiến thức đã học:
- + _Những đóng góp của vua Gia Long và vua Minh Mạng trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- +_Những thành tựu tiêu biểu của nhà Nguyễn đạt được?nhận xét đánh giá về thành tựu đó.
- +Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1874
- +Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến 1884
- +Đánh giá tinh thần chiến đấu của nhà Nguyễn và nhân dân ta khi thực dân pháp xâm lược nước ta

2. Năng lực

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học,tự tìm hiểu thông qua sách báo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:*
 - + _Những đóng góp của vua Gia Long và vua Minh Mạng trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.Thành tựu tiêu biểu của nhà Nguyễn đạt được.
 - +Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1874
 - +Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến 1884
 - + Tinh thần chiến đấu của nhà Nguyễn và nhân dân ta khi thực dân pháp xâm lược nước ta
- *Nhận thức và tư duy lịch sử:*

- + Đánh giá vai trò của Nhà Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân
- + Nhận xét tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta đối với thực dân Pháp

3. Phẩm chất

- + *Chăm chỉ*: HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan phục vụ bài ôn tập từ học kỳ II
- + *Trách nhiệm*: HS có trách nhiệm trong quá trình học tập như đóng góp ý kiến khi cùng làm việc nhóm, làm việc cá nhân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị các dạng câu hỏi cho hs hoạt động cá nhân và tập thể

2. Học sinh

- Chủ động ôn lại nội dung bài đã học , sưu tầm các tư liệu , tranh ảnh lịch sử liên quan đến nội dung ôn tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động: Cho học sinh nghe bài hát

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hệ thống nắm được các nội dung cơ bản của bài học đã học

b. Nội dung: GV cho học sinh nhớ lại nội dung kiến thức đã học.

c. Sản phẩm: các câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

GV đưa ra câu hỏi:

Bài hát trên nhắc đến địa danh nào?

Qua bài hát trên em bày tỏ suy nghĩ của mình về chủ quyền quốc gia?

B. Hoạt động hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống lại kiến thức đã học từ học kỳ II

b. Nội dung.+ Những đóng góp của vua Gia Long và vua Minh Mạng trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến																						
Hoạt động 1: ?:Hoàn thành vào bảng biểu về một số thành tựu tiêu biểu dưới thời Gv tổ chức cho học sinh chơi trò chơi tiếp sức ghi các thành tựu mà nhà Nguyễn đạt được Bốn nhóm, mỗi nhóm 10 người, nhóm nào ghi được nhiều thành tựu nhóm đó sẽ thắng. .+HS lập bảng <table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu tiêu biểu</th></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>	Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu			(BÀI 16: VIỆT NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX) -Các thành tựu tiêu biểu thời nhà Nguyễn <table><tr><td>Lĩnh vực</td><td>Thành tựu</td></tr><tr><td>Hành chính</td><td>Chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên).</td></tr><tr><td>Luật pháp</td><td>Năm 1815, nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Luật Gia Long)</td></tr><tr><td>Nông nghiệp</td><td>Khai hoang, lập được hai huyện mới là Tiền hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).</td></tr><tr><td>Thủ công nghiệp</td><td>Đúc được Cửu đỉnh (chín chiếc đỉnh đồng đặt trước sân Thế Miếu)</td></tr><tr><td>Văn học</td><td>Nhiều tác phẩm văn hóa có giá trị, như: Truyện Kiều của Nguyễn Du; Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu,...</td></tr><tr><td>Nghệ thuật</td><td>Nhã nhạc (nhạc cung đình) phát triển đến đỉnh cao.</td></tr><tr><td>biểu diễn</td><td>Văn nghệ dân gian xuất hiện hàng loạt làn điệu dân ca</td></tr><tr><td>Hội họa</td><td>Hội họa phát triển với nhiều dòng tranh dân gian, tiêu biểu là tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh</td></tr></table>	Lĩnh vực	Thành tựu	Hành chính	Chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên).	Luật pháp	Năm 1815, nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Luật Gia Long)	Nông nghiệp	Khai hoang, lập được hai huyện mới là Tiền hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).	Thủ công nghiệp	Đúc được Cửu đỉnh (chín chiếc đỉnh đồng đặt trước sân Thế Miếu)	Văn học	Nhiều tác phẩm văn hóa có giá trị, như: Truyện Kiều của Nguyễn Du; Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu,...	Nghệ thuật	Nhã nhạc (nhạc cung đình) phát triển đến đỉnh cao.	biểu diễn	Văn nghệ dân gian xuất hiện hàng loạt làn điệu dân ca	Hội họa	Hội họa phát triển với nhiều dòng tranh dân gian, tiêu biểu là tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh
Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu																						
Lĩnh vực	Thành tựu																						
Hành chính	Chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên).																						
Luật pháp	Năm 1815, nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Luật Gia Long)																						
Nông nghiệp	Khai hoang, lập được hai huyện mới là Tiền hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).																						
Thủ công nghiệp	Đúc được Cửu đỉnh (chín chiếc đỉnh đồng đặt trước sân Thế Miếu)																						
Văn học	Nhiều tác phẩm văn hóa có giá trị, như: Truyện Kiều của Nguyễn Du; Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu,...																						
Nghệ thuật	Nhã nhạc (nhạc cung đình) phát triển đến đỉnh cao.																						
biểu diễn	Văn nghệ dân gian xuất hiện hàng loạt làn điệu dân ca																						
Hội họa	Hội họa phát triển với nhiều dòng tranh dân gian, tiêu biểu là tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh																						

		Hàng Trống,...
	Kiến trúc, điều khắc	Các công trình nổi tiếng như: kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, Cửu đỉnh (Thừa Thiên Huế),...
	Lịch sử	Nhiều công sử học được biên soạn, như: Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục (Quốc sử quán triều Nguyễn), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú),...
	Địa lí	Nhiều công trình địa lí có giá trị, như: Nhất thống địa dư chí (Lê Quang Định), Gia Định thành thông chí (Trịnh Hoài Đức),...
	Y dược học	Bộ sách Hải Thượng y tông tâm lĩnh của danh y Lê Hữu Trác
	?: Có ý kiến cho rằng: Nhà Nguyễn đã để lại di sản văn hoá đồ sộ. Em đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao +hs thể hiện quan điểm của mình có đồng ý với ý kiến trên không? Đưa ra sự giải thích của bản thân	

+hs nhận xét +Gv chốt kiến thức	thông chí của Trịnh Hoài Đức; Khâm định Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn. + Nhiều di sản văn hóa dưới thời Nguyễn đã được Tổ chức UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới, ví dụ như: quần thể cố đô Huế; Nhã nhạc cung đình,...
------------------------------------	--

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 2: Gv tổ chức trò chơi : Triệu phú kiến thức Gv gọi Hs lần lượt trả lời 5 câu hỏi Câu 1:Địa điểm Thực dân Pháp nổ súng xâm lược đầu tiên nước ta ở đâu? Vào thời gian nào? Câu 2:Triều đình nhà Nguyễn ký với thực dân Pháp bản hiệp đầu tiên là gì? Câu 3: Ai là người được nhân dân suy tôn lên làm Bình Tây Đại	BÀI 17: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1858 - 1884 Đáp án của trò chơi Câu 1:Đà Nẵng- 1/09/1858 Câu 2: Nhâm Tuất

Nguyên Soái? Câu hỏi 4: Ai là tổng đốc thành Hà Nội năm 1882? Câu hỏi 5: Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất vào thời gian nào? .Thảo luận :hình thức kĩ thuật khăn trải bàn ?Có Ý kiến cho rằng:Triều đình nhà Nguyễn phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc để mất nước?Em có đồng ý với ý kiến đó không? +Hs trả lời +hs nhận xét +Gv nhận xét, chốt ý	Câu 3: Trương định Câu 4: Hoàng Diệu Câu 5: Năm 1873 Không đồng ý với ý kiến: triều đình nhà Nguyễn phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc để mất nước. Vì: có nhiều nguyên nhân (khách quan và chủ quan) khiến cuộc kháng chiến chống Pháp thất bại của nhân dân Việt Nam thất bại. - Nguyên nhân khách quan: tương quan lực lượng về mọi mặt giữa Việt Nam và Pháp quá chênh lệch và ngày càng chuyển biến theo chiều hướng có lợi cho Pháp - Nguyên nhân chủ quan: + Chế độ phong kiến chuyên chế ở Việt Nam lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực. Điều này khiến cho nội lực đất nước suy yếu, sức dân suy kiệt, do đó, Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc đương đầu với một kẻ thù mạnh như Pháp. + Triều đình nhà Nguyễn thiếu quyết tâm kháng
--	--

Gv tổ chức: TRÒ CHƠI: ĐI TÌM NHÂN VẬT, SỰ KIỆN Gv đặt các câu hỏi, cung cấp hình ảnh, nhiệm vụ hs tìm tên nhân vật lịch đó.	chiến, phạm nhiều sai lầm cả về đường lối chỉ đạo chiến đấu và đường lối ngoại giao. + Các phong trào đấu tranh chống Pháp của quần chúng nhân dân diễn ra lẻ tẻ; có nhiều hạn chế về đường lối và lực lượng lãnh đạo. Tuy nhiên: nhà Nguyễn cần chịu trách nhiệm chính, trách nhiệm lớn nhất trong việc để nước ta rơi vào tay Pháp. Vì: Trước vận nước nguy nan, nhiều sĩ phu tiến bộ, đã mạnh dạn đề nghị triều đình cải cách, canh tân đất nước. Tuy nhiên, nhà Nguyễn đã khước từ hoặc thực hiện một cách nửa vời, đồng thời tiếp tục thực hiện những chính sách nội trị, ngoại giao lạc hậu khiến cho sức nước, sức dân suy kiệt. + Trong quá trình chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, nhà Nguyễn đã thiếu quyết tâm kháng chiến, phạm nhiều sai lầm cả về đường lối chỉ đạo chiến đấu và đường lối ngoại giao, dẫn đến việc bỏ lỡ nhiều thời cơ phản công quân Pháp BÀI 18 + 19: PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM 1885-1896 VÀ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1917 Đáp án
---	---

Câu 1. Người nhân danh vua Hàm Nghi ra “Chiếu Cần vương” là ai? Câu 2. Người lãnh đạo cao nhất trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê là ai? Câu 3. Cuộc khởi nghĩa lớn nhất của nông dân miền Bắc là cuộc khởi nghĩa nào? 4. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân đồng bằng Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX, đã để lại nhiều bài học bổ ích nhất là về phương thức hoạt động và hình thức tác chiến du kích? Câu 5. Một trong những hoạt động tiêu biểu gắn liền với nhà yêu nước Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX? Câu 6. Phan Châu Trinh và các sĩ phu thức thời của Việt Nam đầu thế kỉ XX đã có đóng góp nổi bật nào sau đây? Câu 7.Địa điểm xuất dương ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành năm 1911 là?	Câu 1: TÔN THẤT THUYẾT Câu 2:PHAN ĐÌNH PHÙNG Câu 3: KHỞI NGHĨA YÊN THẾ Câu 4:KHỞI NGHĨA BÃI SẬY Câu 5:Phong trào Đông Du Câu 6:Khởi xướng vận động duy tân Câu 7: Bến Nhà Rồng
---	--

? Lập bảng biểu so sánh, so sánh cuộc khởi nghĩa nông dân Yên thế có điểm gì giống và khác nhau cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương. GV hướng dẫn hs lập bảng so sánh các tiêu chí +Hs lập bảng +Hs nhận xét, bổ sung +Gv nhận xét, đối chiếu bảng chuẩn	Lập bảng		
	Nội dung	Phong trào cần Vương	Khởi nghĩa nông dân yên Thế
	Người lãnh đạo	Vua, các Văn thân sĩ phu yêu nước	Lãnh đạo là Đề Thám (Hoàng Hoa Thám),
	Mục tiêu	Đánh Pháp giành lại độc lập.	xây dựng một cuộc sống bình đẳng, tự do
	Địa bàn hoạt động	Chủ yếu Bắc Kỳ và Trung Kỳ.	Chủ yếu ở vùng núi Yên Thế thuộc tỉnh Bắc Giang.
Nội dung	Phong trào cần Vương	Khởi nghĩa nông dân Yên Thế	
Người lãnh đạo			
Mục tiêu			
Địa bàn hoạt động			
Tính chất			
			- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam

?Từ nội dung chính trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất(1987-1914) của thực dân Pháp?Hãy nêu tác động của nó đến tình hình Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX +hs trả lời +hs nhận xét +Gv nhậ xét, chốt ý	- Kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến - Phương thức bóc lột phong kiến vẫn được duy trì - Kinh tế Việt Nam vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, cột chặt vào kinh tế Pháp -<i>Cơ cấu xã hội thay đổi, phân hóa xã hội:</i> Giai cấp địa chủ: phân hóa thành đại địa chủ và trung- tiểu địa chủ Giai cấp nông dân bị bần cùng hóa Giai cấp công nhân ra đời, còn trong giai đoạn đấu tranh tự phát Tầng lớp tư sản ra đời nhưng thế lực yếu Tầng lớp tiểu tư sản ra đời
---	--

C. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến cho hs bằng các câu hỏi vấn đáp và tổ chức trò chơi

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, nhóm thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

hs trả lời các câu hỏi ôn tập

*** Hướng dẫn hs chủ động ôn tập, chuẩn bị tiết kiểm tra cuối kỳ II**

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II
Năm học: 2023-2024
Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ LỚP 8

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 4: Châu Âu và nước Mĩ từ cuối TK XVIII đến đầu TK XX	Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	Nhận biết: - Biết được sự ra đời của giai cấp CN. - Sự thành lập công xã Pari. Thông hiểu: - Hiểu được những hoạt động chính của C. Mác. Ph. Ăng-ghe-n và sự ra đời của chủ nghĩa XHKH. - Hiểu được một số hoạt động tiêu biểu của PT cộng sản và CN quốc tế cuối TK XIX- đầu TK XX. Vận dụng: - Đánh giá vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng thế giới Vận dụng cao: - Vận dụng kiến thức đánh giá vai trò của C. Mác. Ph. Ăng-ghe-n đối với PT CN thế giới.	1TN*			
2	CHƯƠNG 6: CHÂU Á TỪ NỬA SAU TK XIX	Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX	Nhận biết - Biết được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. - Biết được nội dung,	1TN*			

	ĐẾN ĐẦU TK XX	đến đầu thế kỉ XX	ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân, ý nghĩa của CM Tân Hợi 1911. Vận dụng Đánh giá được ảnh hưởng của cuộc DTMT ở Nhật đến các nước châu Á và Việt Nam. Vận dụng cao: Đánh giá vai trò của Tôn Trung Sơn đối với CM Tân Hợi.				
3	CHƯƠNG 7: VIỆT NAM TỪ TK XIX ĐẾN ĐẦU TK XX	Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX)	Nhận biết: - Biết được những nét chính về kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu TK XIX. - Biết được văn hóa Việt Nam nửa đầu TK XIX. - Biết được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. Thông hiểu - Hiểu được tác động của văn hóa đến LS triều Nguyễn. - Hiểu được vì sao các cuộc KN nổ ra ở đầu TK XIX. Vận dụng: Đưa ra các giải pháp bảo vệ chủ quyền biên đảo. Vận dụng cao:	1TN*			

			Đánh giá vai trò của quần đảo Hoàng Sa và đảo Trường Sa đối với việc bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc hiện nay.				
		Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884	Nhận biết: - Biết được quá trình chống TD Pháp của nhân dân ta từ năm 1858- 1884. - Biết được bối cảnh, nội dung của những đề nghị cải cách nửa sau TK XIX. Thông hiểu: - Hiểu được vì sao TD Pháp chọn Đà Nẵng là điểm mở đầu cho quá trình xâm lược Việt Nam. - Hiểu được vì sao TD Pháp sau 10 năm mới tấn công ra Bắc Kỳ lần 2. - Hiểu được những hạn chế của những đề nghị cải cách. Vận dụng: - Đánh giá trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc ký với Pháp bản Hiệp ước Nhâm Tuất. Vận dụng cao: - Đánh giá trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước Vận dụng kiến thức để liên hệ các cuộc cải cách cùng thời trong khu vực.	1TN	1TL		

		Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896	Nhận biết: - Biết được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong PT Cần Vương. - Biết được 1 số sự kiện chính của cuộc KN Yên Thế Thông hiểu - Giải thích được tại sao cuộc KN Hương Khê là cuộc KN tiêu biểu trong PT Cần Vương. - Hiểu được tại sao cuộc KN Yên Thế tồn tại trong thời gian dài Vận dụng - So sánh cuộc KN Yên Thế với PT Cần Vương Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò của các lãnh đạo PT Cần Vương, Yên Thế. - Từ thất bại PT Cần Vương và cuộc KN Yên Thế hãy rút ra bài học cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay	2TN		1.a TL	1.b TL
		Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917	Nhận biết: - Biết được 1 số chính sách khai thác thuộc địa của TD Pháp ở Việt Nam. - Biết trình bày hoạt động yêu nước của PBC, PCT. Thông hiểu: - Hiểu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa đến kinh tế,	2TN			

			xã hội Việt Nam. Vận dụng - So sánh xu hướng cứu nước của hai ông. Vận dụng cao - Vận dụng kiến thức thể hiện thái độ của HS trước cuộc khai thác thuộc địa của TD Pháp.				
Số câu/Loại câu Tỉ lệ %				8 TNKQ	1 TL	1.a TL	1.b TL
				20%	15%	10%	5%

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ LỚP 8

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề gồm có câu - trang

PHẦN I: PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm). Chọn đáp án đúng nhất cho những câu hỏi sau.

Câu 1: Giai cấp công nhân quốc tế ra đời trong thời gian nào?

- A. Những năm 30- 40 của thế kỉ XIX B. Những năm 40- 50 của thế kỉ XIX
C. Những năm 50- 60 của thế kỉ XIX D. Những năm 60- 70 của thế kỉ XIX

Câu 2: Năm 1842, chính quyền Mãn Thanh đã ký với TD Anh bản Hiệp ước gì?

- A. Hiệp ước Nhâm Tuất. B. Hiệp ước Nam Kinh
C. Hiệp ước Tân Sửu D. Hiệp ước Bắc Kinh

Câu 3: Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam những năm 60 của thế kỉ XIX như thế nào?

- A. Kinh tế, xã hội khủng hoảng nghiêm trọng.
B. Nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đình trệ.
C. Tài chính cạn kiệt, nhân dân đói khổ.
D. Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc gay gắt.

Câu 4: Năm 1858, khi xâm lược thực dân Pháp đã tấn công nơi nào đầu tiên tại Việt Nam?

- A. Huế. B. Gia Định
C. Hà Nội D. Đà Nẵng

Câu 5: Ai là người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883- 1892)?

- A. Tôn Thất Thuyết. B. Nguyễn Thiện Thuật.
C. Phan Đình Phùng. D. Cao Thắng.

Câu 6: Mục tiêu chủ yếu của cuộc khởi nghĩa Yên Thế là...

- A. bảo vệ cuộc sống tự do.
- B. giữ đất, giữ làng.
- C. bảo vệ độc lập dân tộc.
- D. giữ đất giữ làng, bảo vệ cuộc sống tự do.

Câu 7: Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam làm cho kinh tế Việt Nam xuất hiện yếu tố gì mới?

- A. Kinh tế TBCN từng bước được du nhập vào Việt Nam.
- B. Kinh tế TBCN phát triển mạnh ở Việt Nam.
- C. Kinh tế TBCN phát triển bền vững ở Việt Nam.
- D. Kinh tế TBCN phát triển và phá vỡ nền kinh tế phong kiến ở Việt Nam.

Câu 8. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp được tiến hành ở Việt Nam trong khoảng thời gian nào?

- A. 1895 - 1918
- B. 1896 - 1914
- C. 1897 - 1914
- D. 1898 - 1918

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

Vì sao Thực dân Pháp chọn Đà Nẵng là điểm mở đầu cho quá trình xâm lược Việt Nam ?

Câu 2 (1,5 điểm)

Bằng sự hiểu biết của em về phong trào chống Pháp trong những năm 1885- 1896, em hãy:

- a. So sánh cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương?
- b. Từ sự thất bại của phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế, có thể rút ra bài học gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 8
(Hướng dẫn chấm gồm 0 trang)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm) (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	D	B	D	A	C

II. TỰ LUẬN(3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm															
1 (1,5đ)	* Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên là vì : + Đà Nẵng nằm ở phần trung bộ, nối liền hai miền Nam Bắc, phía Tây có thể đánh sang Lào, phía Đông là Biển Đông rộng lớn, phía Nam là vùng đất Gia Định màu mỡ có vựa lúa lớn nhất nước ta. + Đà Nẵng là cảng nước sâu, rộng, vì vậy tàu chiến có thể hoạt động dễ dàng. + Đà Nẵng chỉ cách Huế 100km, nếu chiếm được Đà Nẵng thì chỉ cần vượt đèo Hải Vân là có thể tấn công được Huế, buộc triều Nguyễn phải đầu hàng, kết thúc nhanh chóng cuộc xâm lược Việt Nam.	0,5 0,5 0,5															
2.a (1,0đ)	* Giống nhau giữa phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế Đều là phong trào yêu nước có sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Đều thất bại do thiếu sự lãnh đạo của các giai cấp tiên tiến và đường lối cách mạng đúng đắn. * Sự khác nhau giữa phong trào Cần Vương và Yên Thế <table><tr><th></th><th>Phong trào Cần Vương</th><th>Khởi nghĩa Yên Thế</th></tr><tr><td>1.Mục đích:</td><td>Chống Pháp để giành lại độc lập đồng thời khôi phục lại chế độ phong kiến</td><td>Nhằm chống lại chính sách bình định của Pháp, muốn xây dựng cuộc sống bình đẳng và bảo vệ bản thân</td></tr><tr><td>2.Thời gian tồn tại- Địa bàn hoạt động</td><td>Được diễn ra từ năm 1885 – 1896, kéo dài trong 10 năm ở thời kì Pháp bình định Việt Nam Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ</td><td>Diễn ra từ năm 1884 – 1913, kéo dài tận 30 năm, trong cả thời kì Pháp bình định và tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất Diễn ra trên một địa phương nhỏ hẹp phía tây bắc tỉnh Bắc Giang</td></tr><tr><td>3. Lực lượng lãnh đạo/tham gia:</td><td>Các sĩ phu văn thân yêu nước. Gồm nhiều tầng lớp, trong đó có thể kể đến văn thân, sĩ phu, nông dân</td><td>Nông dân</td></tr><tr><td>4.Phương thức/Tính chất:</td><td>Khởi nghĩa vũ trang Phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng phong kiến.</td><td>Cũng là khởi nghĩa vũ trang nhưng có giai đoạn hòa hoãn, có giai đoạn tác chiến Phong trào nông dân mang tính tự phát</td></tr></table>		Phong trào Cần Vương	Khởi nghĩa Yên Thế	1.Mục đích:	Chống Pháp để giành lại độc lập đồng thời khôi phục lại chế độ phong kiến	Nhằm chống lại chính sách bình định của Pháp, muốn xây dựng cuộc sống bình đẳng và bảo vệ bản thân	2.Thời gian tồn tại- Địa bàn hoạt động	Được diễn ra từ năm 1885 – 1896, kéo dài trong 10 năm ở thời kì Pháp bình định Việt Nam Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ	Diễn ra từ năm 1884 – 1913, kéo dài tận 30 năm, trong cả thời kì Pháp bình định và tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất Diễn ra trên một địa phương nhỏ hẹp phía tây bắc tỉnh Bắc Giang	3. Lực lượng lãnh đạo/tham gia:	Các sĩ phu văn thân yêu nước. Gồm nhiều tầng lớp, trong đó có thể kể đến văn thân, sĩ phu, nông dân	Nông dân	4.Phương thức/Tính chất:	Khởi nghĩa vũ trang Phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng phong kiến.	Cũng là khởi nghĩa vũ trang nhưng có giai đoạn hòa hoãn, có giai đoạn tác chiến Phong trào nông dân mang tính tự phát	0,2 0,2 0,2 0,2
	Phong trào Cần Vương	Khởi nghĩa Yên Thế															
1.Mục đích:	Chống Pháp để giành lại độc lập đồng thời khôi phục lại chế độ phong kiến	Nhằm chống lại chính sách bình định của Pháp, muốn xây dựng cuộc sống bình đẳng và bảo vệ bản thân															
2.Thời gian tồn tại- Địa bàn hoạt động	Được diễn ra từ năm 1885 – 1896, kéo dài trong 10 năm ở thời kì Pháp bình định Việt Nam Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ	Diễn ra từ năm 1884 – 1913, kéo dài tận 30 năm, trong cả thời kì Pháp bình định và tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất Diễn ra trên một địa phương nhỏ hẹp phía tây bắc tỉnh Bắc Giang															
3. Lực lượng lãnh đạo/tham gia:	Các sĩ phu văn thân yêu nước. Gồm nhiều tầng lớp, trong đó có thể kể đến văn thân, sĩ phu, nông dân	Nông dân															
4.Phương thức/Tính chất:	Khởi nghĩa vũ trang Phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng phong kiến.	Cũng là khởi nghĩa vũ trang nhưng có giai đoạn hòa hoãn, có giai đoạn tác chiến Phong trào nông dân mang tính tự phát															
2.b (0,5đ)	Bài học rút ra cho công cuộc bảo vệ đất nước hiện nay: - Cần hiểu rõ được tình hình quốc tế và trong nước để đưa ra chiến lược phát triển kinh tế đất nước phồn thịnh, tạo tiềm lực cho việc bảo vệ tổ quốc...	0,25															

	- Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân, coi trọng yếu tố sức dân, phát huy nội lực dân tộc...	0,25
--	---	------

.....**Hết**.....